

25 NĂM HÀNH TRÌNH PHỤNG SỰ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

MỤC LỤC

04

THÔNG DIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

12

TỔNG QUAN

- 14 Thông tin doanh nghiệp
- 16 Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi
- 18 Mạng lưới giao dịch
- 19 Ngành nghề kinh doanh chính
- 20 Quá trình hình thành và phát triển
- 22 Giải thưởng tiêu biểu

24

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2023

- 26 Kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán năm 2023
- 45 Báo cáo về các hoạt động kinh doanh của BSC năm 2023

52

ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2024

56

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NĂM 2024

60

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 62 Thông tin cổ đông
- 64 Cơ cấu tổ chức quản trị
- 78 Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2023
- 92 Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát
- 97 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

136

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 138 Thông tin về doanh nghiệp
- 139 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 140 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 142 Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01 – CTCK)
- 148 Báo cáo kết quả hoạt động (Mẫu số B02 – CTCK)

102

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 104 Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững
- 105 Định hướng phát triển bền vững toàn diện
- 106 Quản trị phát triển bền vững
- 112 Đảm bảo cam kết với các bên liên quan
- 129 GRI công bố thông tin

- 151 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03b – CTCK)
- 158 Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Mẫu số B04 – CTCK)
- 188 Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09 – CTCK)

THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Thân gửi Quý cổ đông, khách hàng và đối tác,

Trước bối cảnh vĩ mô không mấy tích cực của thế giới và khu vực, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam đã trải qua một năm với nhiều biến động thăng trầm. Khép lại 2023, VN-Index đóng cửa ở mức 1129.93, tăng gần 12% so với cuối năm 2022. Dù có sự tăng trưởng về chỉ số nhưng TTCK 2023 vẫn chưa thực sự khởi sắc khi xu hướng thị trường chủ yếu đi ngang, có sự phân hóa rõ về dòng tiền giữa các nhóm ngành cổ phiếu cùng tâm lý nhà đầu tư còn nhiều thận trọng, nghi ngờ.

Nhận định sát diễn biến thị trường, BSC đã nắm bắt thời cơ và ghi nhận kết quả tích cực trong năm 2023, với lợi nhuận trước thuế đạt 509 tỷ đồng, tăng 3.4 lần so với thực hiện 2022; tiếp tục duy trì vị thế là công ty chứng khoán đạt Top 1 Nhà tạo lập thị trường công cụ nợ Chính phủ và Top 5 thị phần môi giới Trái phiếu chính phủ. Sự chuyên nghiệp trong hoạt động cùng những đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán của BSC trong năm 2023 đã được ghi nhận bởi giải thưởng **“Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2023”** do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.

Bước sang năm 2024, chúng tôi tin rằng khó khăn và thử thách vẫn chưa kết thúc. Chúng ta sẽ tiếp tục phải trải qua một năm với nhiều biến động đan xen. Tuy nhiên, chúng tôi hiểu rằng song song với những thách thức luôn là những cơ hội để cải tiến và bứt phá. Quán triệt phương châm hành động “Chuẩn mực – Chất lượng – Hiệu quả” cùng tôn chỉ đem đến lợi ích cao nhất cho cổ đông, đối tác và khách hàng, BSC xác định tâm thế chủ động với quyết tâm cao độ để tăng tốc về đích, hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh và các nhiệm vụ đặt ra trong năm 2024, thiết thực lập thành tích chào mừng kỷ niệm 25 năm thành lập (18/11/1999 – 18/11-2024).

Đánh dấu cột mốc “25 năm hành trình phụng sự thị trường”, trong tâm thế và diện mạo mới của tuổi 25, BSC cam kết sẽ tiếp tục **Mang đến niềm tin yêu và Hợp lực sức mạnh để Sáng tạo không ngừng** trên hành trình trở thành người bạn đồng hành đáng tin cậy của Nhà đầu tư và là đối tác uy tín của Doanh nghiệp. Cùng sự đồng hành tin cậy của đối tác Hana Securities với nền tảng công nghệ số tiên tiến đến từ Tập đoàn tài chính hàng đầu Hàn Quốc, BSC sẽ tiếp tục thực hiện và triển khai chiến lược chuyển đổi số, hướng tới trở thành một công ty chứng khoán số hàng đầu Việt Nam.

Thay mặt HĐQT và ban lãnh đạo công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Quý khách hàng, đối tác và cổ đông đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng BSC trong suốt 2 thập kỷ vừa qua. Tôi mong rằng, với sự hợp tác của quý vị, năm 2024 chúng ta sẽ gặt hái được nhiều thành quả vượt trội hơn nữa.

Xin chúc quý vị sức khỏe và thành công!

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Viễn



ĐIỂM NHẤN BSC NĂM 2023

Chính thức đổi tên thành “Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV”

Ngày 07/06/2023, theo giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán của UBCKNN, BSC chính thức đổi tên từ “CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam” thành “CTCP Chứng khoán BIDV” và tên viết tắt là BSC.

Việc thay đổi tên Công ty nằm trong chiến lược thay đổi nhận diện thương hiệu của BSC, gắn với hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ tài chính toàn diện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).

Sự đơn giản và ngắn gọn trong tên gọi mới giúp BSC đến gần hơn với khách hàng, giúp khách hàng dễ dàng ghi nhớ và nhắc lại tên công ty.

Với tên gọi mới, BSC cam kết luôn nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ gắn với công nghệ tiên tiến, vững vàng vị thế Công ty Chứng khoán uy tín hàng đầu thị trường và là người bạn đồng hành tin cậy của Nhà đầu tư.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

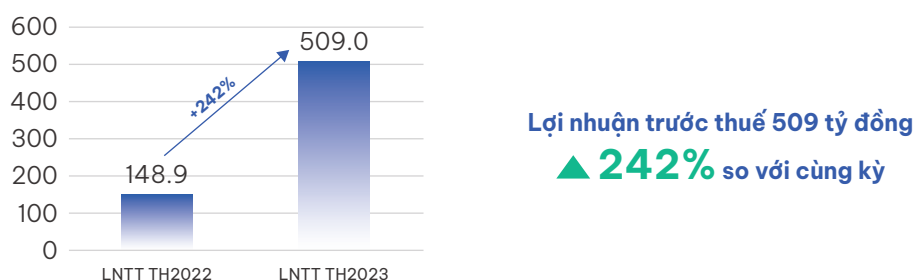


**Công ty Cổ phần
Chứng khoán BIDV**

Điểm sáng hiếm hoi trên thị trường với KQKD đột phá

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán 2023 không mấy sôi động, BSC trở thành điểm sáng hiếm hoi trên thị trường khi ghi nhận KQKD ấn tượng: LNTT năm 2023 đạt **509 tỷ đồng**, gấp 3.4 lần năm 2022, cũng là mốc cao nhất trong vòng hơn 10 năm qua.

Trong đó, hoạt động môi giới chứng khoán tăng trưởng tích cực với lợi nhuận môi giới và cho vay margin đạt 496.9 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ, chiếm 61% tổng lợi nhuận; Hoạt động tự doanh có kết quả ấn tượng với lợi nhuận đạt 328.4 tỷ đồng, tăng gấp 19 lần mức thực hiện năm 2022, đóng góp 41% trong cơ cấu lợi nhuận.



Không ngừng “số hóa” hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ

Với định vị là Công ty Chứng khoán tiên phong về chuyển đổi số, BSC kiến tạo và dựng xây hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ dựa trên nền tảng số tiên tiến, bám sát xu thế để tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng.

Trong năm 2023, BSC đã có những thay đổi đột phá đối với kênh giao dịch trực tuyến **BSC WebTrading**, đề cao tính đơn giản, thân thiện và phù hợp thị hiếu nhà đầu tư.

Với BSC WebTrading phiên bản mới, nhà đầu tư có thể giao dịch đa chứng khoán trên một nền tảng, đặt lệnh dễ dàng chỉ với 1 chạm, đặt lệnh Pro cùng hệ thống thông tin chuyên sâu, cá nhân hóa trải nghiệm đầu tư thông qua việc thiết kế workspace theo phong cách riêng.

Dấu ấn thương hiệu được ghi nhận qua các giải thưởng danh giá trong và ngoài nước

Nỗ lực trên chặng đường hơn hai thập kỷ xây dựng và phát triển của BSC được ghi nhận bởi **Giải thưởng Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2023** do Tạp chí Global banking and Finance Review tại Anh trao tặng và Cờ danh hiệu “Đơn vị đứng đầu khối Công ty năm 2023” từ Ngân hàng BIDV.

Những giải thưởng được ghi nhận một lần nữa khẳng định cho cống hiến của BSC nhằm mang lại giá trị tài chính thịnh vượng phụng sự khách hàng cũng như đóng góp cho sự phát triển của thị trường Chứng khoán.

Hướng tới dấu mốc kỷ niệm 25 năm thành lập, trong năm 2024, BSC quyết tâm tăng tốc để hoàn thành mục tiêu đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng doanh thu; Nâng cao năng lực tài chính và công tác quản trị điều hành, quản trị rủi ro theo hướng thận trọng, an toàn và hiệu quả.



Lan tỏa yêu thương tới cộng đồng cùng hoạt động thiện nguyện “Mái trường cho em”

Với mong muốn chấp cánh ước mơ đến trường cho các em nhỏ vùng cao, bên cạnh hoạt động kinh doanh, BSC luôn chú trọng tham gia các hoạt động An sinh xã hội. Năm 2023, BSC đã khánh và bàn giao điểm trường mầm non Mường Đun, xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên với giá trị lên đến **774 triệu đồng**. Bên cạnh đó, BSC cũng đã xây mới và bàn giao một số hạng mục thuộc điểm trường mầm non thôn Long Nang, thị trấn Đắk Glei, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum.

Trẻ em là mầm non của đất nước, BSC cam kết sẽ tiếp tục nối dài hành trình “**Mái trường cho em**” để kết sức mạnh trao đi những món quà, những tấm lòng nhân ái tới các em nhỏ vùng cao, chung tay xây dựng một Việt Nam tốt đẹp hơn.

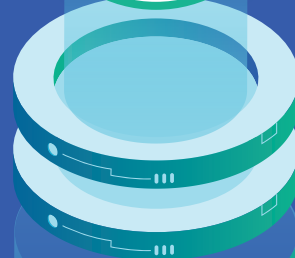


GIỚI THIỆU VỀ CÁC SẢN PHẨM SỐ CỦA BSC

Là công ty chứng khoán tiên phong trong việc chuyển đổi số, BSC phát triển kinh doanh trên nền tảng ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm nâng cao trải nghiệm và tính bảo mật dành cho khách hàng với các sản phẩm ứng dụng công nghệ số, tiêu biểu như:

1. BSC i-Broker - Trợ lý tư vấn đầu tư 24/7

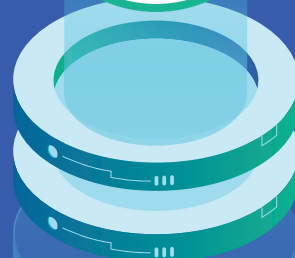
Là một trong những sản phẩm công nghệ tài chính xuất hiện đầu tiên tại thị trường Việt Nam, BSC i-Broker là hệ thống trợ lý tư vấn đầu tư toàn diện với 05 trợ lý chuyên sâu về: Phân tích định lượng, Phân tích cơ bản, Báo cáo phân tích, Phân tích Phái sinh, Phân tích Chứng quyền. BSC i-Broker được tích hợp trên nền tảng giao dịch trực tuyến webtrading và ứng dụng đầu tư BSC Smart Invest, hỗ trợ khách hàng tra cứu thông tin nhanh chóng, trực quan và thuận tiện trong quá trình đầu tư.



2. Mở tài khoản trực tuyến eKYC

Trong thời đại công nghệ 4.0, với giải pháp định danh điện tử eKYC, khách hàng chỉ mất vài phút để có thể mở tài khoản giao dịch tại BSC dựa vào các thông tin sinh trắc học, nhận diện khách hàng bằng trí tuệ nhân tạo (AI),...

eKYC là giải pháp mở tài khoản tối ưu nhất hiện nay, giúp tiết kiệm thời gian và công sức khi mở tài khoản giao dịch. Khách hàng không cần xếp hàng chờ đợi tại quầy giao dịch, có thể mở tài khoản mọi lúc mọi nơi, không bị giới hạn về thời gian và không gian.





3. BSC Smart Invest Ứng dụng đầu tư thế hệ mới

Chú trọng tới việc tối ưu sự tiện lợi cho khách hàng, BSC Smart Invest tích hợp giao dịch chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh giúp nhà đầu tư có thể lựa chọn sản phẩm phù hợp với khẩu vị đầu tư của mình. Ứng dụng cũng cho phép người dùng theo dõi thông tin thị trường mà không cần thao tác đăng nhập. Không dừng lại ở đó, Danh mục cổ phiếu khuyến nghị được xây dựng như một tính năng riêng biệt, đáng chú ý danh mục này được khuyến nghị bởi đội ngũ Chuyên gia phân tích của BSC với độ chính xác và triển vọng sinh lời cao.



4. BSC WebTrading Nền tảng giao dịch trực tuyến toàn diện

BSC WebTrading phiên bản mới là bước tiến tiếp theo trong chiến lược “số hóa” hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ của BSC. Với phiên bản mới, nhà đầu tư có thể dễ dàng giao dịch đa chứng khoán trên một nền tảng (chứng khoán cơ sở, chứng khoán phái sinh, chứng quyền, ETFs, ...); Đặt lệnh “thần tốc” chỉ với 1 chạm; Đặt lệnh Pro cùng hệ thống thông tin chuyên sâu; Cập nhật tức thì các khuyến nghị đầu tư từ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu BSC; Cá nhân hóa trải nghiệm đầu tư thông qua việc thiết kế workspace theo phong cách riêng.

TỔNG QUAN

14

Thông tin doanh nghiệp

19

Ngành nghề kinh doanh chính

16

Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

20

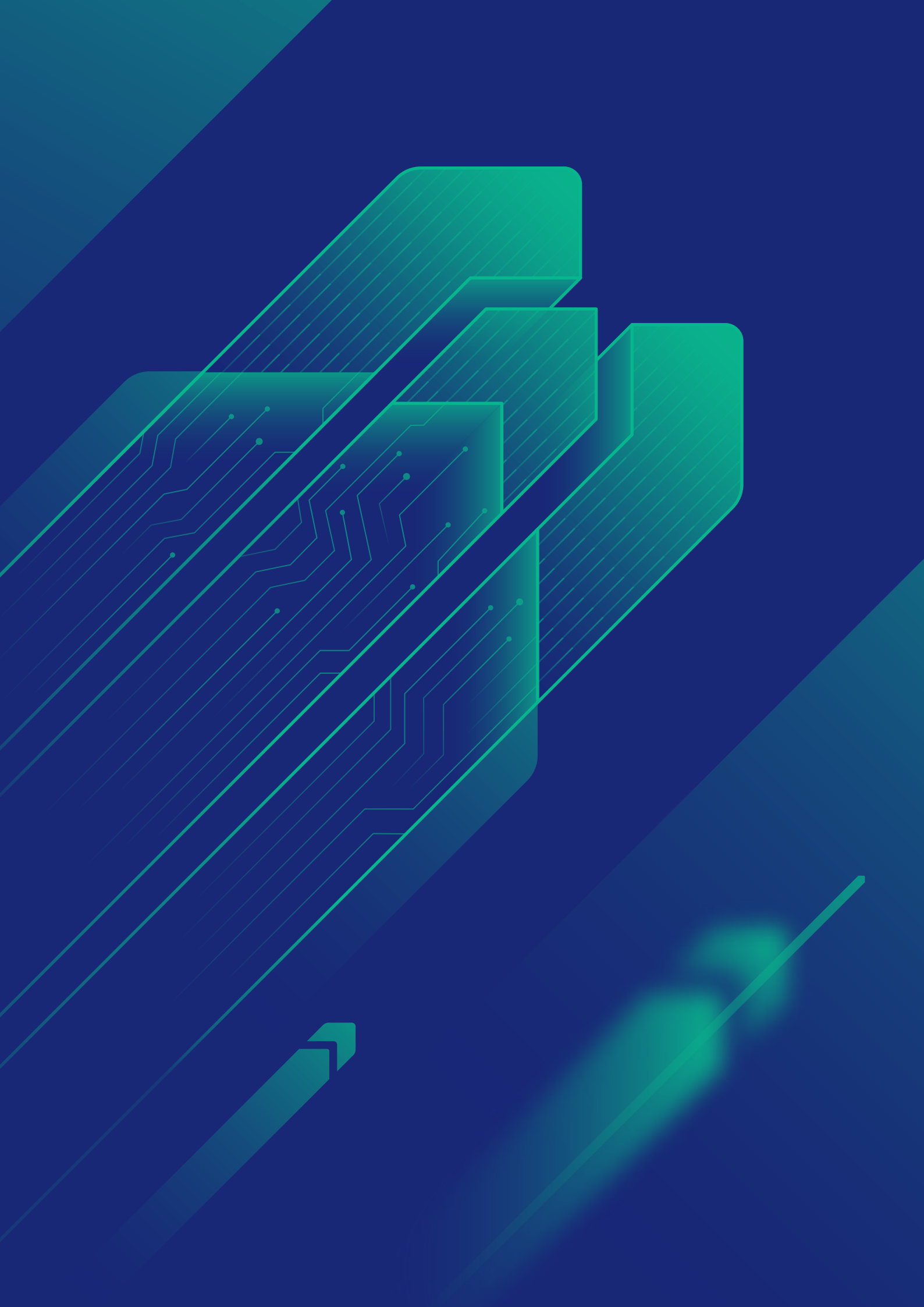
Quá trình hình thành và phát triển

18

Mạng lưới giao dịch

22

Giải thưởng tiêu biểu



THÔNG TIN DOANH NGHIỆP



**Công ty Cổ phần
Chứng khoán BIDV**

Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) được cấp phép thành lập ngày 26 tháng 11 năm 1999, tiền thân là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trải qua hơn 2 thập kỷ đồng hành cùng thị trường chứng khoán, BSC đã liên tục mở rộng và phát triển.

Tên giao dịch

Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV

Tên viết tắt

BSC

Số điện thoại

84-24 39352722

84-28 38218885

Số fax

84-24 2220066

84-28 38218510

Website

www.bsc.com.vn

Qua nhiều lần tăng vốn điều lệ để phục vụ hoạt động kinh doanh, hiện vốn điều lệ của BSC đạt 2,028 tỷ đồng. BSC luôn khẳng định vị thế tiên phong trong việc cung cấp hệ sinh thái các sản phẩm, dịch vụ toàn diện, không ngừng mở rộng và phát triển hệ thống với trụ sở chính tại Hà Nội và một chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh cùng mạng lưới hỗ trợ khách hàng giao dịch rộng khắp toàn quốc.

Với nguồn lực hiện có cùng sự hậu thuẫn mạnh mẽ từ BIDV và đối tác chiến lược Hana Securities (Hàn Quốc), BSC đã đang và sẽ không ngừng nỗ lực vươn lên với mục tiêu trở thành một trong những Công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam.

Vốn điều lệ tại 31/12/2023

2.027.831.270.000 VND

Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2023

4.684.415.112.510 VND

Trụ sở chính

Tầng 8, 9, toà nhà ThaiHoldings, số 210 Trần Quang Khải, phường Trảng Tiển, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Chi nhánh

Tầng 4, 9, toà nhà President Place, số 93 đường Nguyễn Du, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngành nghề

- Môi giới chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh
- Các nghiệp vụ khác được pháp luật cho phép



SỨ MỆNH, TẦM NHÌN VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Sứ mệnh

Đóng góp tích cực cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích tối ưu cho khách hàng, Nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.



Tầm nhìn

Trở thành Công ty chứng khoán hàng đầu, trên nền công nghệ số tiên tiến, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ toàn diện với giá trị tốt nhất cho khách hàng. Xây dựng nền tảng vững chắc để trở thành một Ngân hàng đầu tư khi khuôn khổ pháp lý cho phép (Investment Bank).



Giá trị cốt lõi

Niềm tin

Thượng tôn pháp luật, minh bạch và chuyên nghiệp trong hoạt động, để xây dựng niềm tin vững chắc cho khách hàng, nhà đầu tư, cổ đông và người lao động của công ty.

Hợp lực

Hợp sức đồng lòng giữa từng cá nhân, từng tập thể trong công ty, giữa sức mạnh nội tại của BSC với đối tác chiến lược... để cùng nhau đóng góp vào sự thành công chung của tổ chức.

Sáng tạo

Không ngừng tư duy, học hỏi và sẵn sàng đón nhận những tri thức mới, công nghệ mới, tiên phong mang đến những lợi ích và tiện ích tốt nhất cho khách hàng và đối tác.

Chiến lược phát triển dài hạn



Nhân sự

Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức, văn hóa ứng xử và cởi mở đón nhận những tri thức mới, sáng tạo, đổi mới không ngừng.

Công nghệ

Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, phát triển và đưa vào vận hành hệ thống các phần mềm ứng dụng tiên tiến, đẩy mạnh phát triển các sản phẩm công nghệ ứng dụng kỹ thuật số mang tới khách hàng trải nghiệm đầu tư tối ưu.

Khách hàng

Luôn lấy khách hàng là trung tâm để đưa ra các chính sách kinh doanh, cung cấp cho khách hàng những sản phẩm dịch vụ tốt nhất, đem lại lợi ích và tiện ích nhất cho khách hàng trong việc sử dụng và trải nghiệm các sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng kỹ thuật số hiện đại.



Khẩu hiệu: “Chia sẻ cơ hội, hợp tác thành công”

Slogan khẳng định luôn đồng hành, đặt khách hàng là trung tâm trong chiến lược phát triển BSC với cam kết:

- Mang tới các sản phẩm và giá trị tốt nhất cho khách hàng
- Mang tới sự thịnh vượng tài chính cho khách hàng, nhà đầu tư và cổ đông của BSC.
- Thúc đẩy sự phát triển bền vững để mang lại những giá trị thực, lâu dài cho mỗi cá nhân trong tổ chức cũng như cộng đồng xã hội.

Định hướng phát triển bền vững

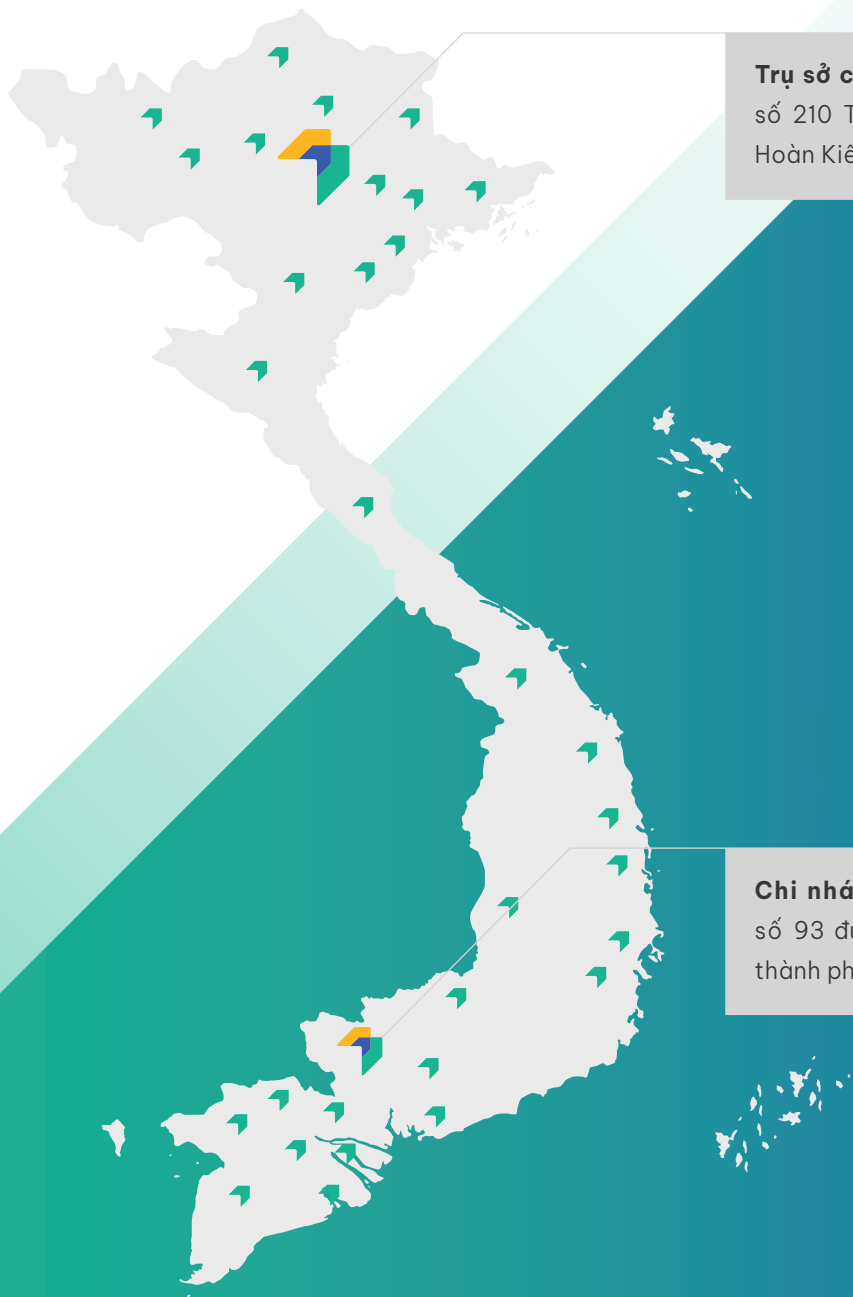


BSC xác định phát triển bền vững là một trong những mục tiêu quan trọng, là hướng đi lâu dài tạo giá trị cho doanh nghiệp. Là một thành viên hoạt động tích cực vì sự phát triển của thị trường chứng khoán nói chung và nền kinh tế xã hội nói riêng, BSC xây dựng và xác định rõ văn hóa đề cao tính trách nhiệm với môi trường và tinh thần vì cộng đồng, góp phần phát triển xã hội ổn định, bền vững.

MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH

Với mong muốn nâng cao hơn nữa trải nghiệm của khách hàng, mạng lưới giao dịch được chúng tôi phát triển mở rộng trên toàn quốc. BSC luôn sẵn sàng cung ứng dịch vụ đến khách hàng với sự tận tâm, nhiệt huyết của toàn bộ đội ngũ cán bộ nhân viên BSC.

Mạng lưới khách hàng giao dịch trên toàn quốc:



Trụ sở chính: tầng 8, tầng 9, toà nhà ThaiHoldings, số 210 Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Chi nhánh: tầng 4, tầng 9, toà nhà President Place, số 93 đường Nguyễn Du, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Chặng đường hơn 20 năm hình thành và phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam đã qua, hàng loạt các sản phẩm – dịch vụ với nhiều ưu điểm, bắt nhịp với xu hướng phát triển của toàn cầu lần lượt ra đời. BSC luôn là Công ty chứng khoán đi đầu trong việc phát triển hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ tài chính một cách đa dạng và toàn diện cung cấp tới khách hàng. Mục tiêu BSC hướng đến không chỉ ở số lượng mà còn ở chất lượng các sản phẩm, dịch vụ cung cấp, luôn tuân thủ nguyên tắc cao nhất về đạo đức nghề nghiệp, mang lại trải nghiệm tối ưu cho khách hàng.

1 Dịch vụ chứng khoán

Dịch vụ giao dịch chứng khoán

- Mở tài khoản giao dịch chứng khoán.
- Dịch vụ lưu ký chứng khoán.
- Đặt lệnh với các phương thức giao dịch thuận tiện: đặt lệnh qua điện thoại, đặt lệnh tại quầy, đặt lệnh qua web.
- Đặt lệnh đấu thầu trái phiếu chính phủ.
- Dịch vụ đại lý đấu giá.
- Phân phối chứng chỉ quỹ mở.

Dịch vụ tài chính

- Dịch vụ ký quỹ.
- Dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán

Dịch vụ đăng ký lưu ký và thanh toán trái phiếu.

- Lưu giữ thông tin và danh sách trái chủ
- Chuẩn bị danh sách trái chủ cho các sự kiện của Tổ chức phát hành và hội nghị người sở hữu trái phiếu.
- Quản lý chuyển nhượng trái phiếu.
- Chốt danh sách, xác định lãi suất và chi trả cổ tức cho các trái chủ.

2 Tư vấn đầu tư

- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Tư vấn tái cấu trúc danh mục.
- Tư vấn chiến lược giao dịch.
- Tìm kiếm và thực hiện các deal giao dịch lớn.
- Quản lý tài sản cá nhân.
- Cung cấp báo cáo phân tích hàng ngày, định kỳ hoặc đột xuất theo biến động của thị trường tài chính.
- Tư vấn đầu tư các sản phẩm công nghệ i-Broker và i-Invest.

3 Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư

- Tư vấn cổ phần hóa.
- Tư vấn niêm yết.
- Tư vấn thu xếp nguồn vốn.
- Tư vấn phát hành cổ phiếu ra công chúng.
- Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp.
- Tư vấn M&A.

4 Đầu tư

- Tự doanh cổ phiếu.
- Tự doanh trái phiếu.
- Tự doanh các sản phẩm cấu trúc.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1999 Thành lập Công ty

Ngày 26/11/1999 được cấp phép thành lập với tên giao dịch Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – là một trong hai Công ty chứng khoán đầu tiên, đồng thời là Công ty đầu tiên trong ngành ngân hàng tham gia kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Năm 2000 Thành lập Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Thành lập Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2010 - 2011 Chuyển đổi mô hình

Ngày 17/11/2010 thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng - chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần.

Ngày 01/01/2011 đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số vốn điều lệ là 865 tỷ đồng.

Ngày 19/07/2011 chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là BSI.

Năm 2013 Vươn lên TOP 10 thị phần môi giới

BSC có mặt trong TOP10 thị phần môi giới cổ phiếu của hai sàn HNX và HSX. Công ty đã vươn lên giữ vị trí dẫn đầu thị phần môi giới trái phiếu tại HNX

Năm 2014 - 2015 Thành tựu ấn tượng trong mảng IB

Hoạt động tư vấn tài chính đã đạt được các thành tựu nổi trội với các thương vụ gây tiếng vang trên thị trường như tư vấn IPO cho Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam; Tư vấn phát hành 3.000 tỷ đồng trái phiếu Vinacomin; Tư vấn IPO cho Vinatex và Vietnam Airlines.

Năm 2016 - 2018 Nâng cao năng lực tài chính

Ngày 12/12/2016, tăng vốn điều lệ lên 902 tỷ đồng, đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ giao dịch hợp đồng tương lai.

Ngày 27/11/2017, tăng vốn điều lệ lên 976 tỷ đồng.

Ngày 13/07/2018, tăng vốn điều lệ lên 1.109,7 tỷ đồng.

Năm 2019 - 2020 Tiên phong phát triển sản phẩm

Ngày 11/07/2019, tăng vốn điều lệ lên 1.220 tỷ đồng.

1 trong 2 Công ty chứng khoán đầu tiên phát hành chứng quyền có đảm bảo trên thị trường.

Ra mắt 02 sản phẩm mới ứng dụng công nghệ hiện đại hỗ trợ nhà đầu tư là i-Broker và i-Invest; đồng thời ra mắt sản phẩm Quản lý tài sản cá nhân i-Fortune tạo giá trị khác biệt cho khách hàng.

Năm 2022 Vươn cánh chuyển mình

Trong bối cảnh năm 2022 tình hình kinh tế, chính trị, xã hội có những biến động không ngừng gây ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường chứng khoán thế giới nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng. Nhưng BSC vẫn kiểm soát tốt rủi ro và đạt được những thành tựu tích cực trong chiến lược phát triển.

Tháng 6/2022: Ra mắt ứng dụng đầu tư chứng khoán thể hệ mới – BSC Smart Invest tích hợp nhiều tính năng nổi trội, là là công cụ tiện lợi, thông minh, hiệu quả và hỗ trợ đắc lực cho nhà đầu tư.

Tháng 9/2022: Hoàn tất giao dịch bán chiến lược với đối tác nước ngoài tổng giá trị đặt mua gần 2.700 tỷ đồng cho 65,730,042 cổ phần nâng tổng vốn chủ sở hữu lên gần 4.400 tỷ đồng.

Cuối năm 2022: BSC chính thức ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới với hình ảnh logo trẻ trung, năng động được xây dựng dựa trên những giá trị cốt lõi kết tinh trong suốt 23 năm hình thành và phát triển của BSC: Niềm tin (Belief) – Hợp lực (Synergy) – Sáng tạo (Creativity). Với định hướng phát triển trong giai đoạn mới, BSC sẽ xây dựng công ty trở thành Công ty chứng khoán số và Ngân hàng đầu tư hàng đầu thị trường.

Năm 2021 Không ngừng cải tiến

Ra mắt tính năng mở tài khoản trực tuyến trên website và thông qua ứng dụng BIDV SmartBanking có ứng dụng công nghệ eKYC.

8 năm liên tiếp giữ vững vị trí TOP 1 thị phần môi giới TPCP trên sàn HNX.

Tháng 11/2021, BSC chuyển trụ sở mới, mang tới cho khách hàng sự thuận tiện, không gian giao dịch hiện đại, nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Năm 2023 Chia sẻ cơ hội, hợp tác thành công

Năm 2023 là năm của những dấu mốc đáng nhớ với BSC khi đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng với lợi nhuận trước thuế đạt mức 509 tỷ đồng, tăng 3.4 lần so với thực hiện năm 2022. Ghi nhận cho những nỗ lực không ngừng qua các Giải thưởng danh giá trong và ngoài nước; Duy trì vị thế trong Top 10 thị phần môi giới chứng khoán phái sinh, TOP 1 thị phần môi giới trái phiếu Chính phủ, TOP 10 thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ.

Tháng 5/2023: Chính thức ra mắt nền tảng giao dịch chứng khoán toàn diện – BSC WebTrading: Giao dịch dễ dàng – Đầu tư nhẹ nhàng.

Tháng 06/2023: BSC chính thức đổi tên từ "CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam" thành "CTCP Chứng khoán BIDV" và tên viết tắt là BSC.

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Năm 2005

Bộ Tài chính tặng bằng khen về việc tổ chức bán đấu giá thành công cổ phần của Công ty Cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk).



Năm 2009

Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tôn vinh là 01 trong 15 Công ty chứng khoán tiêu biểu trong gần 100 thành viên giao dịch.



Năm 2010

Giải thưởng Công ty tư vấn chứng khoán tốt nhất do Diễn đàn kinh tế Việt Nam và báo Vietnamnet bình chọn.



Năm 2011

Nhận Huân chương lao động hạng 3 do Nhà nước trao tặng vì sự nghiệp đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán.



Năm 2014

- Nhận bằng khen của Bộ tài chính vì đã có những đóng góp vào thị trường chứng khoán giai đoạn 2009- 2013.
- Giải thưởng Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam do tạp chí Alpha South East Asia bình chọn.
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh TOP 5 Công ty chứng khoán có giá trị bán đấu giá cổ phần lớn nhất năm 2014.



Năm 2015

- Giải thưởng Nhà thu xếp chứng khoán nợ tốt nhất Việt Nam – Tạp chí Finance Asia và Alpha South East Asia bình chọn.
- Giải thưởng Nhà thu xếp chứng khoán vốn tốt nhất Việt Nam – Tạp chí Alpha South East Asia bình chọn.
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh là Công ty chứng khoán có thương vụ IPO điển hình.



Năm 2016

- Giải thưởng Best Investment Management 2016 do tạp chí World Finance bình chọn.
- Bộ tài chính tặng bằng khen với thành tích xuất sắc trong công tác huy động vốn cho NSNN thông qua phát hành trái phiếu chính phủ, góp phần vào thành công chung của ngành, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ Tài chính – Ngân sách năm 2016.



Năm 2017

- Giải thưởng Best Investment Management 2017 do tạp chí World Finance bình chọn.
- HNX trao kỷ niệm chương Công ty chứng khoán tiêu biểu năm 2017 và Thành viên thị trường chứng khoán phát sinh đầu tiên.



Năm 2018

- Giải thưởng Nhà cung cấp dịch vụ quản lý tài khoản tốt nhất Việt Nam năm 2018 do tạp chí World Finance tổ chức.
- Giải thưởng Best Securities Broker Vietnam 2018 do tạp chí CFI bình chọn.
- Top 3 hạng mục Best Overall Country Research, Top 1 hạng mục Best analyst for Automobiles & Components tại giải bình chọn Asia Money Broker Poll 2018 do tạp chí AsiaMoney/EuroMoney, dựa trên khảo sát các khách hàng tổ chức trên toàn cầu.



Năm 2020

- Giải thưởng “Công ty chứng khoán có sản phẩm dịch vụ sáng tạo tiêu biểu” tại sự kiện Diễn đàn Dịch vụ Tài chính Việt Nam.
- Giải thưởng “Công ty chứng khoán có dịch vụ Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam năm 2020” do tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.



Năm 2022

- Giải thưởng “Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2022” do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.
- Giải thưởng “Nhà phân tích xuất sắc nhất năm 2022” được trao cho ông Trần Thăng Long – Trưởng phòng Phân tích Nghiên cứu công ty BSC do Tạp chí Asiamoney trao tặng.



Năm 2023

- Giải thưởng “Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2023” do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.
- Giải thưởng Nhà phân tích định lượng/kỹ thuật xuất sắc nhất Việt Nam năm 2023 được trao cho Bà Đỗ Thu Phương – Phó Trưởng phòng Phân tích Nghiên cứu BSC do Tạp chí Asiamoney trao tặng.
- Giải thưởng Nhà môi giới khách hàng tổ chức tốt nhất Việt Nam năm 2023 được trao cho Bà Đỗ Thu Hà – Phó Trưởng phòng Tư vấn đầu tư Khách hàng tổ chức BSC do Tạp chí Asiamoney trao tặng.



Năm 2019

- Giải thưởng “Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2019” do tạp chí Ngân hàng Tài chính Toàn cầu (Global Finance and Banking) tại London – Anh quốc bình chọn.
- Top 3 Công ty chứng khoán Việt Nam trong cả 3 hạng mục của Asia Money Broker Poll 2019 – (1) Best overall research, (2) Best overall sales service và (3) Best local brokerage.



Năm 2021

- Giải thưởng “Công ty quản lý đầu tư tốt nhất Việt Nam năm 2021” do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.
- 06 giải thưởng do Tạp chí Asiamoney trao tặng:
 1. Top 1 Chuyên gia phân tích ngành xây dựng và kỹ thuật
 2. Top 2 Công ty chứng khoán có dịch vụ môi giới nội địa tốt nhất
 3. Top 2 Công ty chứng khoán có dịch vụ phân tích nghiên cứu tốt nhất
 4. Top 2 Công ty chứng khoán có dịch vụ bán hàng tốt nhất
 5. Top 2 Công ty chứng khoán có hoạt động giao dịch tốt nhất
 6. Top 3 Công ty chứng khoán tiếp cận doanh nghiệp tốt nhất
- Vinh danh “TOP 100 Thương hiệu mạnh Việt Nam giai đoạn 2020 – 2021” do báo VnEconomy, Kinh tế Việt Nam và Vietnam Economic Times tổ chức.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2023

26

Kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán năm 2023

45

Báo cáo về các hoạt động kinh doanh của BSC năm 2023



KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2023

1 Diễn biến nền kinh tế trong năm 2023 và dự báo trong năm 2024

Tổng sản phẩm trong nước (GDP)

GDP năm 2023



GDP năm 2023 +5.05% YoY (quý I +3.41%; quý II +4.25%; quý III +5.47%; quý IV +6.72%). Đà suy giảm của tăng trưởng GDP so với năm ngoái chủ yếu do ảnh hưởng tiêu cực khi các NHTW lớn như Fed, ECB kéo dài CSTT thắt chặt trong suốt hai năm 2022 – 2023. Ngoài ra, sự ảm đạm của thị trường trái phiếu bất động sản từ năm 2022 vẫn chưa có dấu hiệu khởi sắc.

GDP năm 2023
Khu vực công nghiệp và xây dựng



Khu vực công nghiệp và xây dựng +3.74% YoY, giảm từ mức tăng trưởng +7.87% của năm 2022, đóng góp mức tăng +1.35% vào tăng trưởng GDP. Ngành công nghiệp chế biến chế tạo (chiếm tỷ trọng lớn nhất – 22.97% GDP) bị ảnh hưởng sâu sắc khi XNK suy giảm mạnh do CSTT thắt chặt tại các thị trường xuất khẩu chính như Hoa Kỳ (~29% kim ngạch XK), Châu Âu (~16% kim ngạch XK). Đối với Trung Quốc (~18% kim ngạch XK), cả ba trụ cột kinh tế chính tại quốc gia này là (1) Xuất khẩu, (2) Tiêu dùng nội địa, (3) Bất động sản đều đang yếu khiến nhu cầu hàng hóa cũng giảm theo.

Chỉ số PMI tháng 12/2023 đạt 48.9 điểm, từ mức 47.3 điểm của tháng 11. PMI trung bình cả năm 2023 đạt 48.3 điểm. Trong cả năm 2023, chỉ có tháng 2 và tháng 8 ghi nhận chỉ số PMI trên ngưỡng 50. Tình trạng nhu cầu yếu kém, cả ở khu vực trong nước và xuất khẩu khiến số lượng đơn đặt hàng giảm, kéo theo sản lượng và việc làm cũng bị ảnh hưởng theo. Nhu cầu yếu khiến các nhà sản xuất hạn chế tăng giá bán hàng, trong khi chi phí đầu vào vẫn tăng (do giá điện và giá xăng dầu, cộng với tình trạng đồng tiền yếu). Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP mảng công nghiệp chế biến chế tạo cả năm 2023 tăng trưởng +1.63% YoY so với mức tăng 8.04% YoY của năm 2022.

GDP năm 2023
Khu vực dịch vụ



Khu vực dịch vụ +6.82% YoY, đóng góp +3% vào tăng trưởng GDP. Cấu phần có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất trong 3 cấu phần chính của GDP, tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng đã giảm mạnh so với mức +10.11% YoY của năm 2022. Ảnh hưởng tiêu cực từ khu vực công nghiệp chế biến chế tạo lan ra toàn nền kinh tế, đến thu nhập cũng như việc làm của người dân, từ đó khiến tiêu dùng trong nước yếu đi.

BSC dự báo tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2024 :

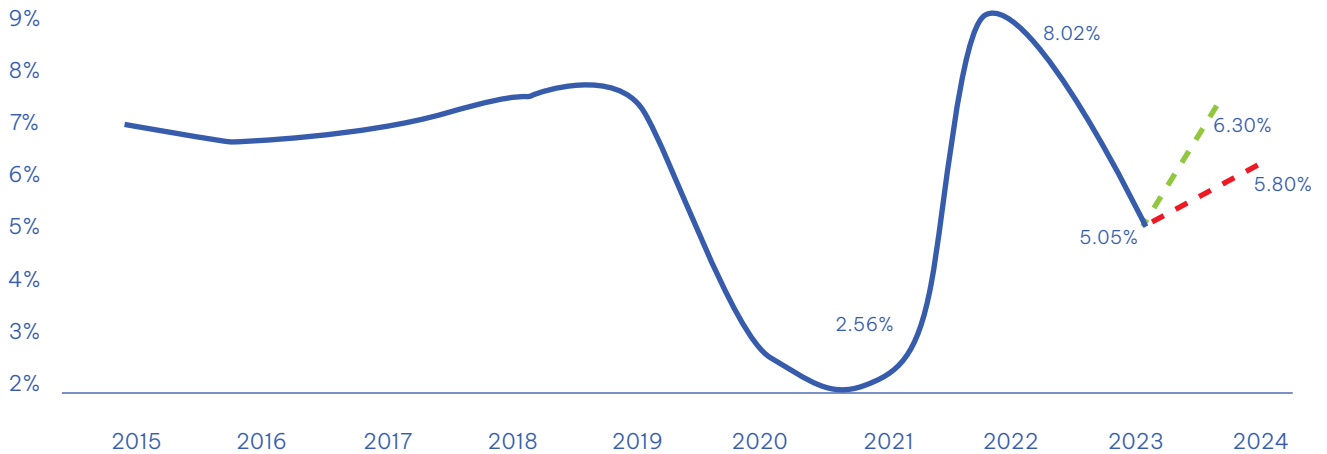
Năm 2024 đạt +5.8% YoY trong kịch bản tiêu cực.



Năm 2024 đạt +6.3% YoY trong kịch bản tích cực.



Đồ thị 1: Dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam



Nguồn: GSO, BSC Research

Các yếu tố tác động tới GDP năm 2024:

- **Sự hồi phục của khu vực thương mại kéo theo sự phục hồi của FDI** khi (1) các NHTW lớn (Hoa Kỳ, Châu Âu) nới lỏng CSTT; (2) Hàng tồn kho tại Hoa Kỳ đang thấp.
- **Sự hồi phục của tiêu dùng trong nước.** Khu vực XNK hồi phục sẽ có tác động tích cực đến khu vực công nghiệp chế biến chế tạo nói riêng, hoạt động sản xuất kinh doanh và việc làm cũng sẽ tăng lên, từ đó tiêu dùng trong nước cũng sẽ hồi phục.
- **CSTK.** Chính phủ tiếp tục thực hiện tăng chi NSNN để hỗ trợ phát triển kinh tế (tăng đầu tư công, tiếp tục giảm thuế VAT đến hết T6/2024, tăng lương cơ sở ...). Đặc biệt trong năm 2024, đầu tư công có thể được đẩy mạnh thuận lợi hơn khi nhiều dự án đã hoàn thiện thủ tục đầu tư.
- **CSTT.** Fed hạ lãi suất trong năm 2024, tạo điều kiện cho CSTT Việt Nam tiếp tục nới lỏng.

Lạm phát

CPI năm 2023

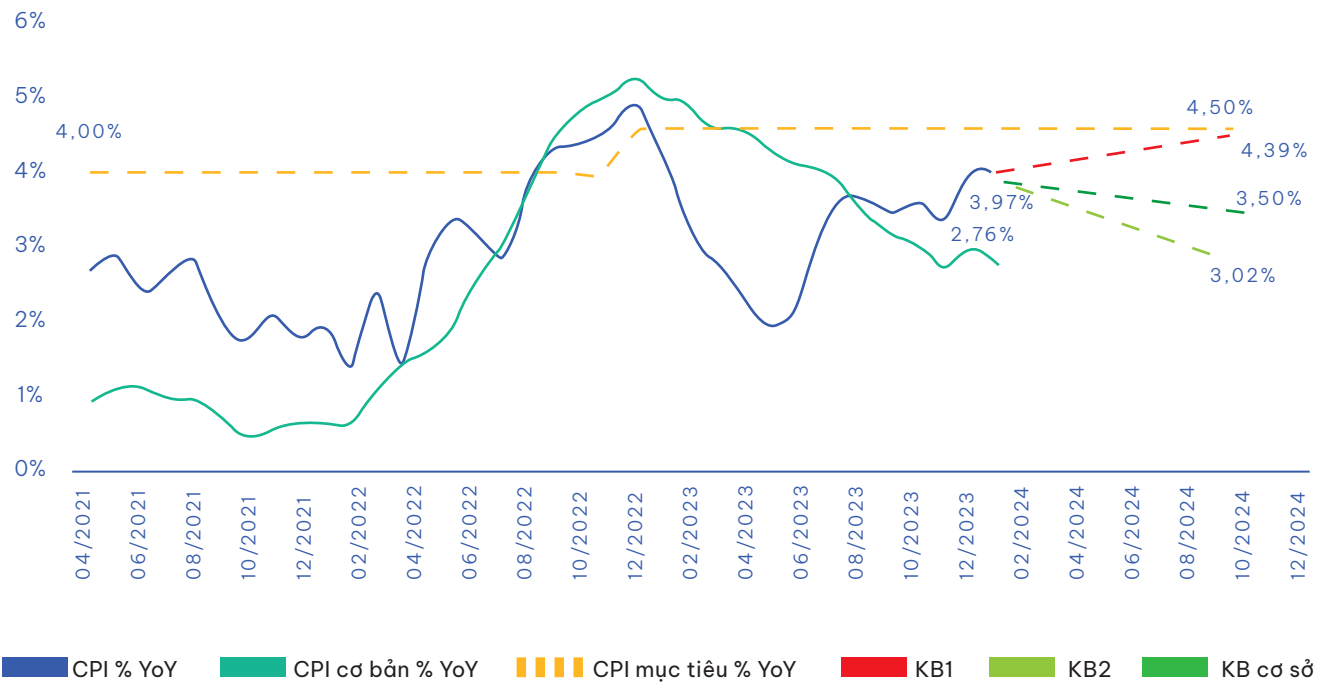


CPI tháng 12/2023 +3.58% YoY, khiến mức CPI trung bình cả năm 2023 đạt 3.26% YoY.

Nhìn chung, CPI duy trì ở mức thấp trong năm 2023 khi nhu cầu tiêu dùng trong nước suy yếu. Lạm phát có dấu hiệu tăng trở lại từ tháng 8/2023 do (1) Giá gạo trong nước tăng theo giá xuất khẩu do lệnh cấm xuất khẩu gạo của Ấn Độ, Nga, UAE, xung đột chính trị và ảnh hưởng của hiện tượng El Nino; (2) Giá dầu thế giới tăng khi OPEC+ liên tục cắt giảm sản lượng và xung đột chính trị; (3) EVN tăng giá điện hai lần vào tháng 5 và tháng 11/2023; (4) Một số địa phương thực hiện tăng học phí theo lộ trình của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; (5) Tăng giá dịch vụ khám bệnh bảo hiểm y tế theo Thông tư 22/2023/TT-BYT. (6) Tăng lương cơ sở từ ngày 1/7/2023.

Đồ thị 2: Diễn biến lạm phát

Nguồn: GSO, BSC Research



CPI trong năm 2024 sẽ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố sau:

- Giá dầu dao động trong vùng 75 – 95 USD/thùng:** Theo dự báo của các tổ chức kinh tế thế giới, giá dầu có thể giao động trong vùng 75 – 95 USD/thùng (trung bình 82.50 USD/thùng) so với mức trung bình 82.23 USD/thùng trong năm 2023. Lý do cho sự tăng nhẹ này đến từ các yếu tố trái chiều trên thị trường. Các yếu tố kiểm chế giá dầu: (1) Vẫn còn ý kiến trái chiều về thời điểm Fed bắt đầu hạ lãi suất trong năm 2024; (2) Tăng trưởng kinh tế thế giới được dự báo vẫn còn bị ảnh hưởng sau hai năm áp dụng CSTT thắt chặt; (3) Động lực tăng trưởng GDP Trung Quốc không rõ ràng trong năm 2024; các yếu tố thúc đẩy giá dầu bao gồm (1) Căng thẳng địa chính trị bất định và (2) OPEC+ có thể tiếp tục cắt giảm sản lượng.
- Giá heo năm 2024 ước tính nằm trong khoảng từ 55,000-58,000VND/kg** khi nhu cầu tiêu dùng trong nước hồi phục.
- Giá điện có thể tiếp tục tăng:** Sau bốn năm không thay đổi, trong năm 2023, giá điện đã được điều chỉnh tăng hai lần, lần một tăng 3% lên 1,920.37 đồng/kWh, lần hai tăng 4.5% lên 2,006.79 đồng/kWh trong tháng 5 và tháng 11/2023. Tổng cộng sau hai lần điều chỉnh, giá điện hiện tại tăng 7.64% so với năm 2019. BSC dự báo EVN có thể tăng giá bán lẻ điện bình quân có thể tăng 7 – 8% trong năm 2024 trên cơ sở: (1) Giá bán lẻ điện bình quân hiện hành vẫn thấp hơn giá thành sản xuất điện năm 2023 (2,098 đồng/kWh); (2) Áp lực tăng chi phí hoạt động đến từ tỷ giá khi lãi suất Fed vẫn đang ở mức cao và hiện tượng El Nino.
- Giá các hàng hóa do Nhà nước quản lý có thể tiếp tục tăng:** Do khó khăn từ dịch Covid-19, giá y tế mới được tăng sau 4 năm (từ 2019 – 2023) với mức tăng thấp. Như vậy, giá y tế có thể được điều chỉnh tăng giá tiếp trong năm 2024. Đối với giá giáo dục, ngày 31/12/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 97/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021, trong đó yêu cầu giữ ổn định mức thu học phí từ năm học 2023-2024 bằng mức thu học phí của năm học 2021-2022 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập. Do đó, một số trường học đã điều chỉnh giảm mức học phí sau khi đã thu theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.
- BSC dự báo kịch bản cơ sở của CPI trung bình năm 2024 ở mức +3.50% YoY.**

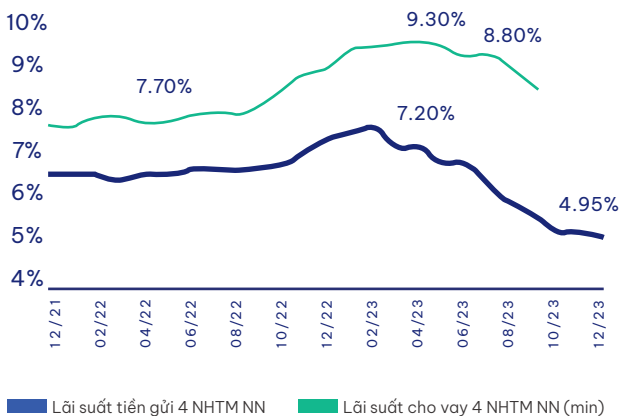
Ngân hàng – Lãi suất

Tín dụng

▲13.5%

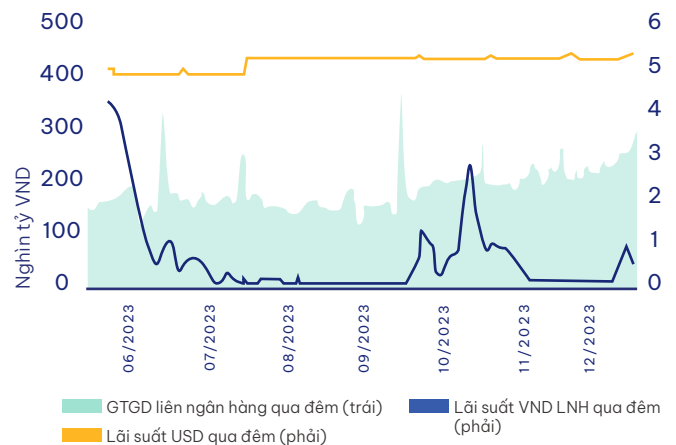
Trong năm 2023, NHNN đã 4 lần hạ lãi suất điều hành trong tháng 3, tháng 5 và tháng 6. Lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6% xuống 4.5%, lãi suất tái chiết khấu giảm từ 4.5% xuống 3%. Theo đà nới lỏng của SBV, mặt bằng lãi suất tiền gửi và cho vay của các NHTM cũng liên tục giảm theo. Tuy vậy, cầu tín dụng vẫn yếu. Tính đến tháng 11/2023, tăng trưởng tín dụng +9.15% YTD, ở mức thấp nhất trong 13 năm. Tuy nhiên, tín dụng ghi nhận tăng trưởng mạnh trong cuối tháng 12, đạt +13.5% YTD tại ngày 31/12/2023. Trong năm, tăng trưởng tín dụng yếu khiến các NHTM liên tục phải hạ lãi suất, đồng thời lãi suất trên thị trường hai cũng xuống rất thấp. Ngoại trừ giai đoạn SBV phát hành tín phiếu để điều tiết tỷ giá từ ngày 21/9 – 8/11/2023, lãi suất hầu như luôn duy trì ở mức dưới 1%.

Đồ thị 3: Diễn biến mặt bằng lãi suất Việt Nam



Nguồn: FiinproX, BSC Research

Đồ thị 4: Diễn biến lãi suất qua đêm USD và VND

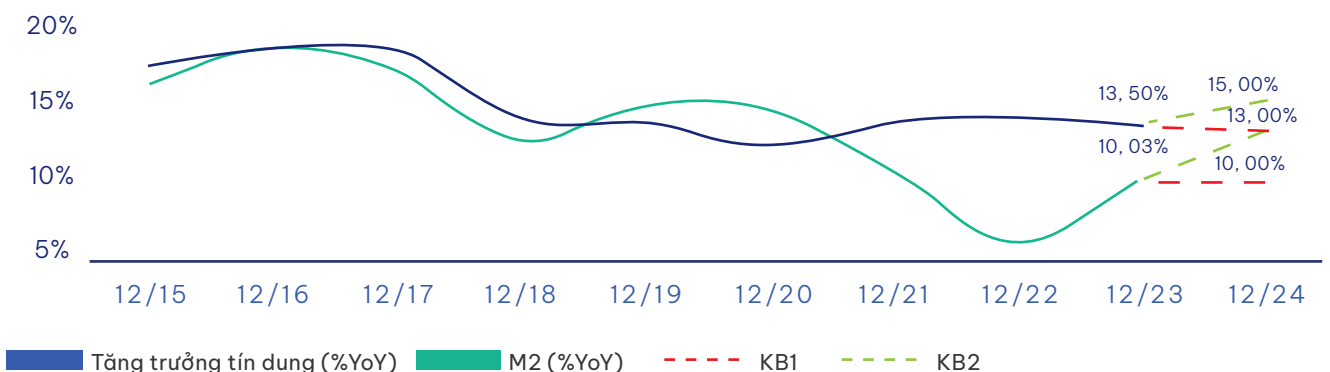


BSC chia ra hai kịch bản chính cho tăng trưởng tín dụng và M2 cho năm 2024:

- **KB 1:** M2 và tín dụng ước tính lần lượt tăng **10.0%** và **13.0%**.
- **KB 2:** M2 và tín dụng ước tính lần lượt tăng **13.0%** và **15.0%**.

Đồ thị 5: Tăng trưởng cung tiền và tăng trưởng tín dụng

Nguồn: FiinProX, BSC Research tổng hợp



Chính sách tài khóa

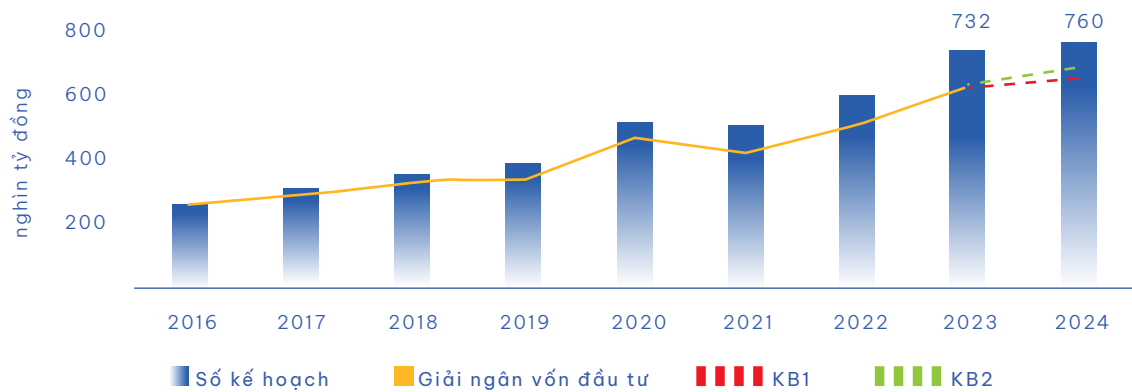
Giải ngân vốn ngân sách Nhà nước năm 2023



Giải ngân vốn ngân sách Nhà nước năm 2023 đạt 625,319 tỷ (+21.16% YoY), bằng 85% kế hoạch. Tuy nhiên nếu so với kế hoạch đề ra của Chính phủ là giải ngân được ít nhất 95% vốn được giao thì tiến độ giải ngân vẫn còn chậm do: (1) Công tác chuẩn bị dự án còn hạn chế dẫn tới phải điều chỉnh nhiều lần; việc lập kế hoạch vốn chưa sát với thực tế và khả năng thực hiện, bố trí vốn còn dài trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm; (2) Thủ tục liên quan đến quy hoạch cho các dự án diễn ra khá chậm.

Trong tình trạng kinh tế, môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước khó khăn sẽ khiến giải ngân vốn đầu tư NSNN trở thành một trong những liều thuốc mạnh thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Điều này tiếp tục được phản ánh trong kế hoạch dự chi cho Ngân sách năm 2024 trong đó Chi đầu tư phát triển là 677.349 tỷ đồng (chưa tính phần kinh phí bố trí cho chương trình Phục hồi và Phát triển kinh tế xã hội năm 2023), tăng 108.000 tỷ đồng so với dự toán năm 2023. Năm 2024 là năm gần cuối cùng trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025, có thuận lợi khi nhiều dự án đã hoàn thiện thủ tục đầu tư nên giải ngân đầu tư công trong năm 2024 có thể được đẩy mạnh thuận lợi hơn.

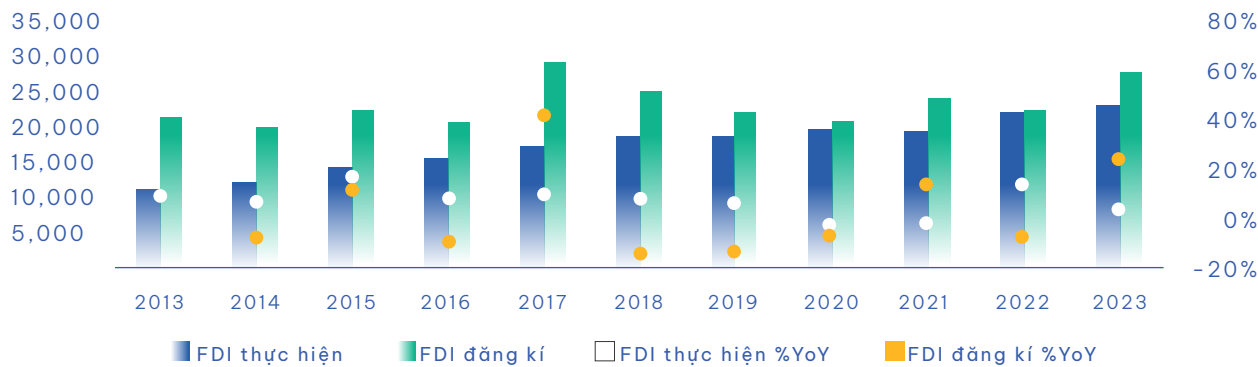
Đồ thị 5: Giải ngân vốn NSNN (2016-2024)



Nguồn: Bloomberg, GSO, BSC Research

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Đồ thị 6: Diễn biến dòng vốn FDI



Nguồn: Bộ KH&ĐT, BSC Research

Đến hết ngày 20/12/2023, tổng vốn FDI đăng ký cấp mới của 3,188 dự án (+56.6% YoY) đạt 20.19 tỷ USD (+62.2% YoY), tổng vốn FDI điều chỉnh vốn của 1,262 dự án (+14% YoY) đạt 7.88 tỷ USD (-22.1% YoY). Như vậy, tổng số vốn FDI đăng ký cấp mới và tăng thêm đạt 28.07 tỷ USD. Vốn FDI thực hiện năm 2023 đạt 23.18 tỷ USD (+3.5% YoY).

- **Về cơ cấu vốn FDI:** Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với 23.5 tỷ USD, bằng 64.2% tổng vốn đầu tư đăng ký và tăng 39.9% so với cùng kỳ. Ngành kinh doanh bất động sản đứng thứ 2 với tổng vốn đầu tư gần 4.67 tỷ USD, chiếm hơn 12.7% tổng vốn đầu tư đăng ký, tăng 4.8% so với cùng kỳ.
- **Về đối tác:** Trong năm 2023, có 111 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam. Trong đó, Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư hơn 6.8 tỷ USD, chiếm 18.6% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam, tăng 5.4% so với cùng kỳ 2022. Nhật Bản đứng thứ hai với gần 6.57 tỷ USD, chiếm 17.9% tổng vốn đầu tư, tăng 37.3% so với cùng kỳ. Tiếp theo là Hồng Kông, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan,... Xét về số dự án, Trung Quốc dẫn đầu về số dự án mới (chiếm 22.2%), Hàn Quốc dẫn đầu về số lượt điều chỉnh vốn (chiếm 25.9%).
- **Về địa bàn:** TP.Hồ Chí Minh dẫn đầu về vốn đầu tư thu hút được với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 5.85 tỷ USD, chiếm gần 16% tổng vốn đầu tư đăng ký, tăng 48.5% so với cùng kỳ năm 2022. Hải Phòng xếp thứ hai với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 3.26 tỷ USD, chiếm 8.9% tổng vốn đầu tư cả nước, tăng 66.2% so với cùng kỳ. Tiếp theo lần lượt là Quảng Ninh, Bắc Giang, Thái Bình,...

Trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động, việc giải ngân vốn FDI của Việt Nam vẫn tăng trưởng trong năm 2023 dù mức độ tăng trưởng thấp hơn từ mức nền cao năm ngoái. Một số yếu tố có khả năng tác động đến FDI:

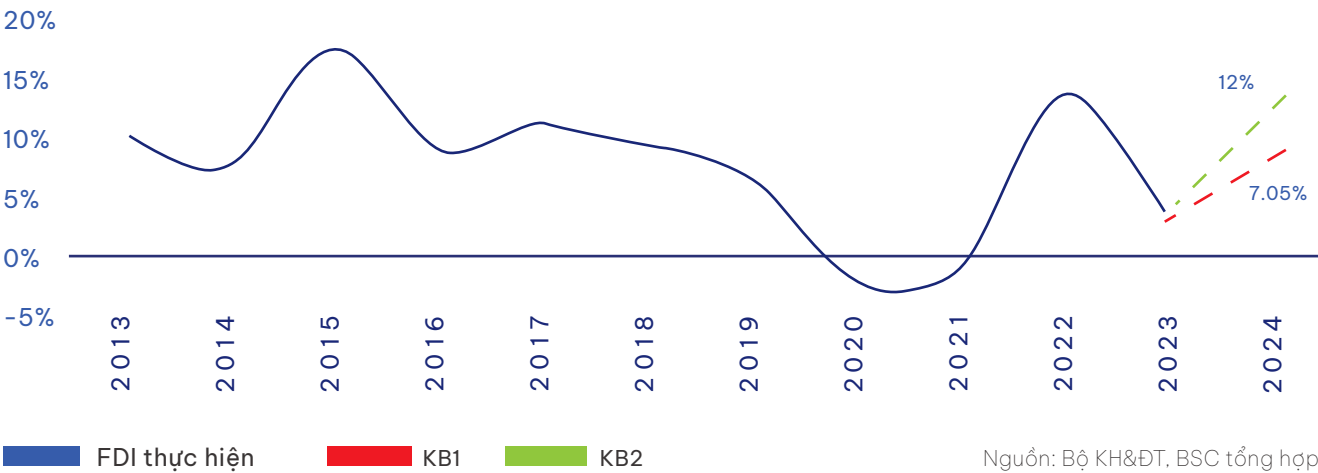
- **Kinh tế toàn cầu trong năm 2023 tăng trưởng thấp:** Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại, nhu cầu tiêu dùng, sản xuất và đầu tư đều bị ảnh hưởng thì dòng vốn FDI vào Việt Nam cũng sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực theo.
- **Gia tăng, củng cố và mở rộng các hiệp định thương mại:** trong những năm gần đây, Việt Nam đã là thành viên của nhiều hiệp định thương mại song và đa phương có quy mô lớn (Phụ lục 03). Vị trí địa lý thuận lợi cùng các điều khoản về hiệp định thương mại với các nền kinh tế lớn mạnh sẽ tiếp tục duy trì sức hấp dẫn của Việt Nam đối với các doanh nghiệp FDI.
- **Làn sóng chuyển dịch sản xuất ra khỏi Trung Quốc được củng cố:** việc dịch chuyển bắt nguồn từ nỗ lực mang tính chiến lược nhằm phòng ngừa rủi ro chính trị đang ngày càng gia tăng, các doanh nghiệp thận trọng hơn về chuỗi cung ứng và muốn phòng ngừa rủi ro bằng cách tìm kiếm nguồn cung từ nhiều quốc gia khác bên ngoài Trung Quốc đặc biệt là từ Việt Nam – nơi có ưu thế về vị trí địa lý, nhân công dồi dào cũng như vị thế địa chính trị.



BSC ước tính giải ngân vốn FDI năm 2024 sẽ đạt khoảng 24.8 tỷ USD (+7.05% YoY) ở KB 1 và 25.9 tỷ USD (+12.0% YoY) ở KB 2. Ở cả hai kịch bản, tăng trưởng FDI đều tăng so với năm 2023.

- KB 1: tình trạng giải ngân vốn FDI sẽ tăng +7.05% YoY.
- KB 2: tình trạng giải ngân vốn FDI sẽ tăng +12.0% YoY.

Đồ thị 11: Tốc độ tăng trưởng FDI thực hiện (triệu USD)



Thương mại, xuất nhập khẩu

xuất khẩu hàng hóa

▼4.36%

nhập khẩu hàng hóa

▼8.92%

Năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 355.5 tỷ USD, giảm -4.36% YoY; nhập khẩu hàng hóa đạt 327.5 tỷ USD, giảm -8.92% YoY. Cán cân thương mại ước tính đạt 28 tỷ USD.

Xuất nhập khẩu sụt giảm mạnh ngay khi bắt đầu năm mới. Trong những tháng sau đó, tuy có ghi nhận sự hồi phục nhưng xuất nhập khẩu chỉ thật sự ghi nhận đà hồi phục bền vững trong nửa cuối năm 2023. Nguyên nhân của hiện tượng này là do FED tăng tốc thắt chặt chính sách tiền tệ và tạo nên xu hướng tăng lãi suất của các NHTW trên thế giới. Mức độ thắt chặt như vậy đã tác động vào nhu cầu tiêu dùng của nền kinh tế và từ đó khiến số lượng đơn đặt hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam suy yếu.



Bảng 1: Diễn biến xuất khẩu một số mặt hàng chính

	Tỷ trọng	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Tổng xuất khẩu		13.8%	8.0%	7.0%	19.0%	10.4%	-4.4%
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	16.1%	12.9%	22.5%	24.1%	14.0%	9.3%	3.2%
Điện thoại các loại và linh kiện	15.0%	8.4%	4.7%	-0.4%	12.4%	0.8%	-8.3%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	12.1%	28.2%	10.6%	48.6%	41.0%	19.3%	-5.6%
Hàng dệt, may	9.3%	16.7%	7.7%	-9.2%	9.9%	14.7%	-11.6%
Giày dép các loại	5.7%	10.6%	12.8%	-8.3%	5.7%	34.6%	-14.7%

Nguồn: GSO, BSC Research

Bảng 2: Diễn biến nhập khẩu một số mặt hàng chính

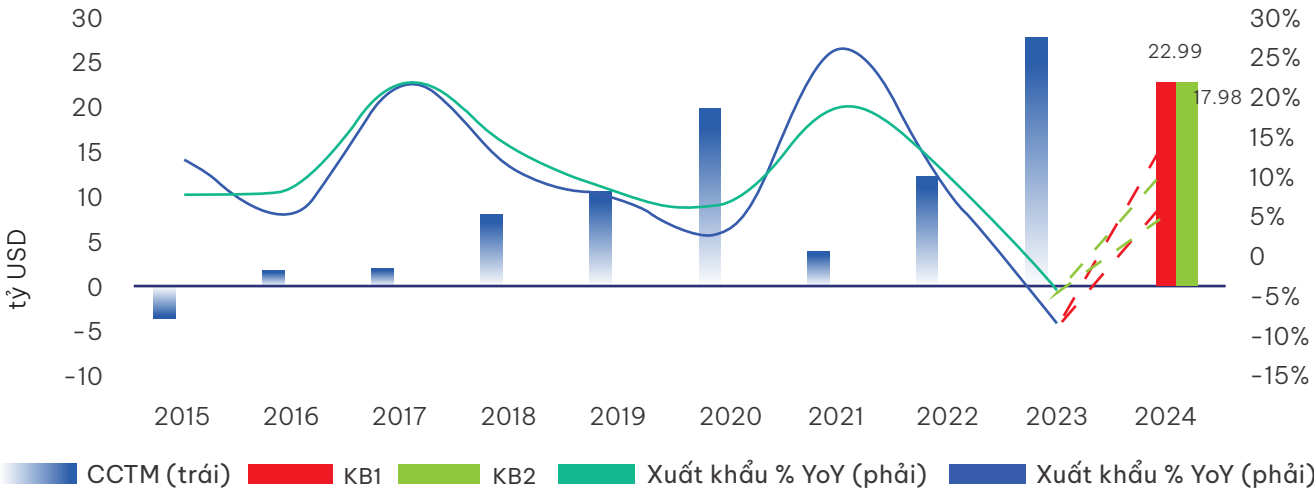
	Tỷ trọng	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Tổng nhập khẩu		11.5%	6.7%	3.7%	26.5%	8.0%	-8.9%
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	26.9%	11.7%	21.7%	24.6%	17.9%	8.5%	7.7%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	12.7%	-0.5%	8.9%	1.4%	24.3%	-2.4%	-8.2%
Vải các loại	4.0%	12.2%	3.9%	-10.5%	20.6%	2.7%	-11.1%
Sắt thép các loại	3.2%	9.0%	-3.8%	-15.2%	42.8%	3.4%	-11.6%
Chất dẻo nguyên liệu	3.0%	19.6%	-0.6%	-6.9%	39.2%	6.0%	-21.2%

Nguồn: GSO, BSC Research

Năm 2024, BSC ước tính tăng trưởng xuất khẩu sẽ đạt mức 375.1 – 394.6 tỷ USD (+5.5% - +11.0% YoY), nhập khẩu đạt mức 352.1 – 376.6 tỷ USD (+7.5% - +15.0% YoY). Cán cân thương mại ước tính đạt 17.98 – 22.99 tỷ đô. Giả định về dự báo tăng trưởng XNK:

- Nhu cầu tiêu dùng hàng hóa toàn cầu hồi phục sau khi Fed và ECB nới lỏng CSTT.
- Ngoài ra, Việt Nam thiết lập mối quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện với Hoa Kỳ và Nhật Bản trong năm 2023, hứa hẹn sự thúc đẩy thương mại giữa các bên.
- Xu hướng dịch chuyển sản xuất ra khỏi Trung Quốc.

Đồ thị 8: Diễn biến và dự báo xuất nhập khẩu



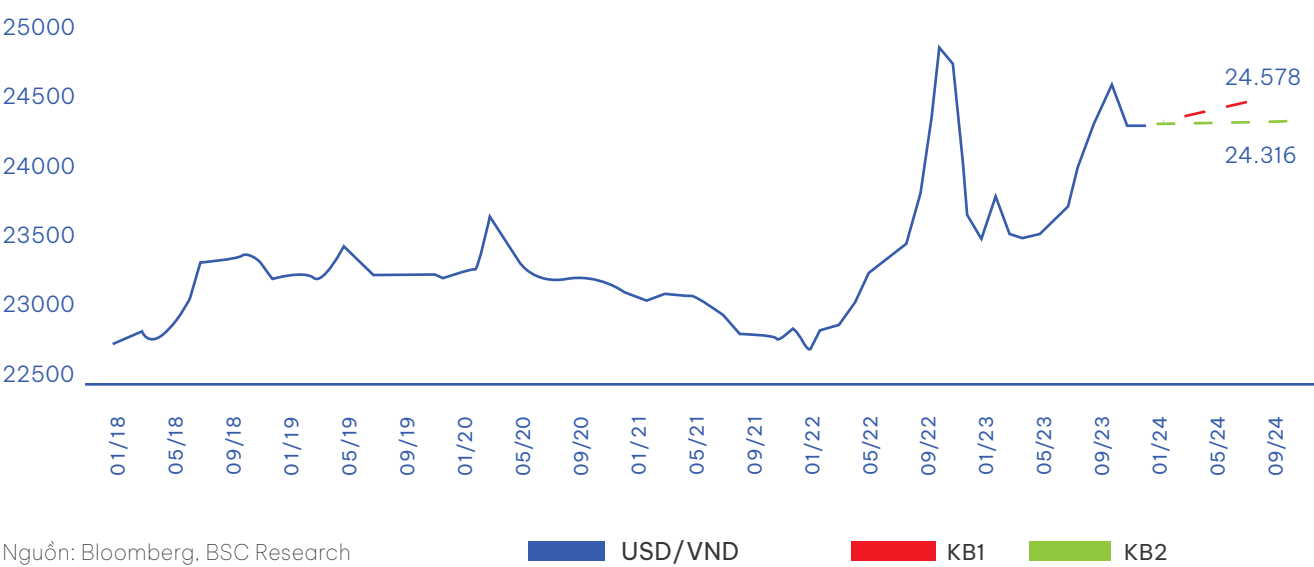
Nguồn: FiinProX, BSC Research

Tỷ giá USD/VND

**2.69%**

Tỷ giá liên ngân hàng USD/VND bắt đầu tăng mạnh từ đầu quý III/2023 do Fed thắt chặt CSTT khiến giá trị đồng USD tăng lên. Tính đến ngày 29/12, tỷ giá liên ngân hàng USD/VND đạt 24,269 (+2.69% YTD). Tỷ giá USD/VND tăng mạnh do: (1) Fed liên tục nâng lãi suất trong năm 2023 và (2) Chênh lệch lãi suất giữa USD và VND lớn.

Bảng 3: Diễn biến tỷ giá USD/VND



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Tỷ giá có xu hướng tăng mạnh từ sau cuộc họp tháng 1 của Fed (ngày 30-31/01/2024) – khi Fed phát tín hiệu điều hòa hơn do lạm phát tại Hoa Kỳ vẫn dai dẳng. Thị trường bắt đầu lùi dự báo về thời điểm Fed hạ lãi suất từ tháng 3, 4 xuống tháng 6 – tháng 7/2024. BSC dự báo áp lực tỷ giá sẽ duy trì ở mức cao trong nửa đầu năm 2024 và hạ nhiệt trong nửa cuối năm – khi chu kỳ nổi lỏng bắt đầu. So sánh với các quốc gia khác, tỷ giá USD/VND vẫn ở mức ổn định.

Bảng 4: Diễn biến tỷ giá một số đồng tiền so với USD

Tỷ giá	YTD	2023	2022	2021	2010	2019
VND/USD	-2.11%	-2.62%	-3.41%	1.19%	0.32%	0.01%
EUR/USD	-2.26%	3.11%	-5.87%	-6.90%	8.95%	-2.21%
CNY/USD	-1.69%	-2.84%	-7.86%	2.69%	6.68%	-1.22%
KRW/USD	-4.40%	-1.75%	-6.05%	-8.63%	6.43%	-3.49%
JPY/USD	-6.81%	-7.03%	-12.23%	-10.28%	5.19%	0.99%
SGD/USD	-2.15%	1.45%	0.71%	-1.99%	1.80%	1.26%
IDR/USD	-2.89%	1.11%	-8.45%	-1.42%	-1.31%	3.78%
THB/USD	-6.18%	1.36%	-3.47%	-10.34%	0.06%	8.61%
MYR/USD	-2.77%	-4.14%	-5.40%	-3.50%	1.76%	1.04%
PHP/USD	-1.79%	1.82%	-8.93%	-5.88%	6.25%	3.92%
Trung bình	-3.30%	-0.95%	-6.10%	-4.51%	3.61%	1.27%
Xếp hạng đồng VNĐ	3	7	2	2	8	7
Dự trữ ngoại hối	95.3	88	109	95	79	55

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chú thích: Số liệu được cập nhật đến ngày 29/03/2024

Xét về nguồn cung ngoại hối cho năm 2024, dự trữ ngoại hối vẫn sẽ duy trì trạng thái dồi dào dựa trên 3 yếu tố sau:

- **125.77%**
- Thặng dư cán cân thương mại trong năm 2023 dồi dào, đạt 28 tỷ USD, +125.77% YoY.
 - Dòng vốn FDI bắt đầu dồi dào trở lại Việt Nam từ những tháng cuối năm 2023. Dòng vốn FDI bắt đầu ghi nhận tăng trưởng dương trở lại từ tháng 7/2023 và hồi phục mạnh mẽ trong những tháng cuối năm.
 - Khách du lịch quốc tế có thể trở lại Việt Nam trong năm 2024 khi nền kinh tế toàn cầu dần hồi phục, đặc biệt kỳ vọng vào sự trở lại của khách du lịch Trung Quốc khi CSTT nước này được kỳ vọng tiếp tục nổi lỏng trong năm 2024. 12T2023, Việt Nam ghi nhận đón 1.7 triệu lượt khách Trung Quốc, +1300% YoY nhưng giảm 70% so với cùng kỳ năm 2019 (giai đoạn trước dịch).
 - Ngân hàng Nhà nước duy trì chính sách điều hành tỷ giá ổn định và có thể mua lại đồng USD nếu có các điều kiện thuận lợi như lạm phát kiểm soát và chỉ số Dollar Index điều chỉnh sau chu kỳ tăng mạnh năm 2022.

2 Báo cáo tình hình thị trường chứng khoán

Diễn biến VN-Index 2023

Năm 2023, VN-Index trải qua nhiều biến động mạnh và khó lường. Trong những phiên đầu năm, VN-Index ghi nhận mức tăng điểm ấn tượng 10.34% so với cuối năm 2022 nhờ vào kỳ vọng phục hồi đến từ việc Trung Quốc mở cửa trở lại sau Covid. Tuy nhiên ngay sau đó thị trường giảm điểm trở lại và giao dịch trầm lắng với thanh khoản sụt giảm mạnh nguyên nhân chính đến từ sự suy giảm tăng trưởng của các nền kinh tế lớn, áp lực lạm phát cùng CSTT thắt chặt kéo dài và căng thẳng địa chính trị phức tạp, áp lực đáo hạn trái phiếu tăng cao...



Kết thúc năm 2023, VN-Index và HNX-Index hồi phục 12.20% và 12.53% so với đầu năm. Giá trị giao dịch bình quân 1 phiên trên cả 3 sàn đạt 17,613 tỷ VND, tương ứng 744 triệu USD, giảm 12.6% so với bình quân năm 2022. Sự phân hóa giữa các nhóm ngành là một trong những đặc điểm nổi bật trong bức tranh tăng trưởng của TTCK Việt Nam trong năm 2023. Phần lớn các ngành nghề trong năm 2023 đều có mức tăng trưởng cao như truyền thông, dịch vụ tài chính và tài nguyên cơ bản. Ở chiều ngược lại, Du lịch & Giải trí và Thực phẩm & đồ uống là hai ngành có mức tăng trưởng thấp nhất trong năm 2023, phản ánh xu hướng khó khăn chung của nền kinh tế, khi lực cầu nội địa vẫn chưa có dấu hiệu khởi sắc.



Theo dòng sự kiện

Quý I – giữa Quý II.2023

Quý I – giữa Quý II.2023 giai đoạn tích lũy: VN-Index bật tăng trong tháng giao dịch đầu tiên trong năm tuy nhiên sau đó chỉ số điều chỉnh và xu hướng đi ngang chiếm ưu thế đến hết quý, chỉ số vận động trong vùng 1,043-1,064 điểm, có những thời điểm chỉ số vượt ngưỡng tâm lý 1,100 điểm trong bối cảnh Trung Quốc mở cửa trở lại mang theo kỳ vọng phục hồi và động thái giảm LSHĐ của NHNN. Tuy nhiên thị trường nhanh chóng điều chỉnh và tâm lý nhà đầu tư trở nên thận trọng hơn khi nỗi lo sợ về khủng hoảng tài chính tăng cao khi các sự kiện ngân hàng sụp đổ lần lượt nổ ra như ngân hàng Silicon Valley, Signature và Credit Suisse.

Cuối Quý II – Giữa Quý III.2023

Cuối Quý II – Giữa Quý III.2023 thị trường bùng nổ: Thị trường bước vào đà hồi phục từ cuối tháng 5 với thanh khoản dần cải thiện khi có 4 phiên giao dịch hơn 1 triệu USD với giá trị giao dịch trung bình 1 phiên trên cả 3 sàn đạt 21,698 tỷ VND, tương ứng 904 triệu USD. Động lực chính của thị trường đến từ (1) Một loạt chính sách hỗ trợ được Chính phủ và NHNN ban hành đã giải quyết một số điểm nghẽn của nền kinh tế cũng như dần lấy lại niềm tin của nhà đầu tư đối với thị trường tài chính; (2) Dòng tiền trong nước có dấu hiệu quay trở lại kênh chứng khoán trong bối cảnh lãi suất có xu hướng giảm rõ rệt.

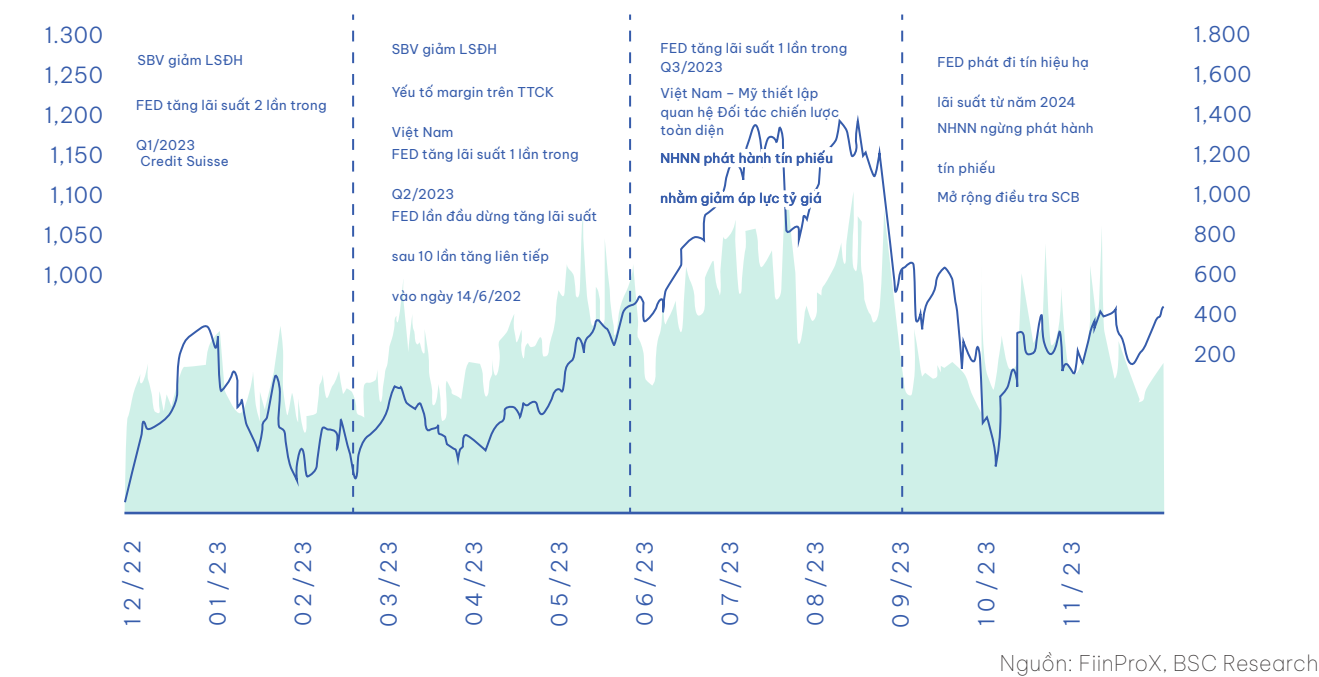
Cuối Quý III – giữa Quý IV.2023

Cuối Quý III – giữa Quý IV.2023 thị trường điều chỉnh: Trái với giai đoạn bùng nổ trước đó, từ 18/09/2023-30/10/2023 thị trường đã bước vào giai đoạn suy giảm đáng kể về mặt điểm số lẫn thanh khoản. Nguyên nhân gây ra tình trạng này đến từ (1) Sự hạ nhiệt của các yếu tố thúc đẩy thị trường. Các yếu tố CSTT nới lỏng, lãi suất thấp, và các dự án đầu tư công đã được phản ánh vào giá, khiến thị trường bắt đầu hạ nhiệt khi các thông tin này chưa đem lại kết quả đúng với kỳ vọng. (2) Sự ảnh hưởng của các yếu tố tiêu cực từ thị trường thế giới: lạm phát tăng cao, lãi suất tăng, và suy thoái kinh tế cùng với dòng vốn ngoại bán ròng mạnh mẽ, khiến thị trường suy giảm.

Cuối IV.2023

Cuối IV.2023 nhịp hồi phục: Từ đầu tháng 11, TTCK Việt Nam dần phục hồi khi ngày càng có nhiều tín hiệu cho thấy lãi suất của FED đã tạo đỉnh trong bối cảnh lạm phát Hoa Kỳ có xu hướng giảm mạnh hơn dự báo. Tuy nhiên, đà hồi phục của thị trường đã chững lại từ cuối tháng 11 và VN-Index đã chuyển sang xu hướng tích lũy do tốc độ phục hồi của nền kinh tế kém hơn kỳ vọng khiến tâm lý trên thị trường trở nên thận trọng hơn. Kết thúc năm 2023, ngày 29/12/2023, VN-Index đóng cửa tại mốc 1,129.93 điểm, tăng 12.20% tính từ đầu năm. Nhìn chung, VN-Index có hiệu suất tốt hơn một số thị trường khác trung vực và thế giới.

Biểu đồ 01: VN-Index theo dòng sự kiện



Bảng 01: Phân hóa dòng tiền các nhóm ngành theo phân loại NĐT

Tỷ giá	%YTD	Cá nhân trong nước	Cá nhân NN	Tổ chức trong nước	Tổ chức nước ngoài
Truyền thông	108.21%	34.5	6.9	(2.7)	(38.7)
Dịch vụ tài chính	73.98%	(174.5)	(171.8)	4,346.0	(3,999.8)
Tài nguyên Cơ bản	50.47%	(7,458.1)	(169.5)	2,330.3	5,297.2
Xây dựng và Vật liệu	47.01%	2,317.0	(49.7)	(3,110.0)	842.7
Hóa chất	46.25%	703.4	(37.0)	(14.8)	(651.6)
Công nghệ Thông tin	40.54%	948.4	(189.5)	(1,153.0)	394.1
Dầu khí	32.12%	(374.7)	(54.6)	320.0	109.3
Y tế	29.43%	154.8	(25.8)	(336.5)	207.5
Ô tô và phụ tùng	19.44%	(384.0)	(15.3)	164.5	234.7
Ngân hàng	19.44%	13,382.2	1,173.6	447.2	(15,003.0)
Hàng cá nhân & Gia dụng	17.75%	523.6	(9.3)	(605.7)	91.4
Bán lẻ	17.01%	2,388.1	58.7	(99.7)	(2,347.1)
Tiện ích	13.98%	2,213.0	50.6	(1,133.9)	(1,129.6)
Hàng & Dịch vụ	8.64%	2,317.8	(37.6)	(3,236.9)	956.6
Công nghiệp Bất động sản	3.78%	3,537.2	106.4	521.9	(4,165.4)
Bảo hiểm	2.84%	274.3	(33.9)	(194.9)	(45.5)
Thực phẩm và đồ uống	2.68%	6,496.6	63.0	(651.8)	(5,907.8)
Du lịch và Giải trí	1.02%	(651.7)	48.6	494.6	108.4
Tổng		26,248.0	713.8	(1,915.2)	(25,046.6)

Bước tiến vững chắc trong bối cảnh phân hóa

Năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam có nhiều biến động. Đầu năm, VN-Index vượt lên trên ngưỡng 1,100 điểm, nhưng sau đó lùi về gần 1,000 điểm. Thị trường giao dịch trầm lắng cho tới đầu tháng 5, trước khi bước vào nhịp tăng mạnh. Trong hơn 3 tháng từ 31/05/2023, VN-Index tăng gần 16% lên 1.245 điểm (đây cũng là mức đỉnh của năm 2023). Từ đầu tháng 9, VN-Index lao dốc trước những diễn biến trái chiều từ thị trường quốc tế, Fed liên tục tăng lãi suất. VN-Index điều chỉnh mạnh về gần ngưỡng 1,000 điểm chỉ trong gần 2 tháng, thanh khoản trong giai đoạn này cũng giảm sâu, về quanh ngưỡng 10,000 tỷ đồng trên HSX. Trong những tháng cuối cùng của năm, VN-Index dần lấy lại nhịp hồi phục về quanh ngưỡng 1,100 điểm và đi ngang ở vùng này. Kết phiên 29/12/2023, VN-Index đóng cửa ở mức 1,129.93 điểm, tăng hơn 12% so với cuối năm 2022. Bên cạnh đó, trong năm 2023 thị trường chứng khoán Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng trong việc xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai. Những bước tiến này bao gồm:

Sự gia tăng về quy mô. Vốn hóa toàn thị trường đạt 244.76 tỷ USD, tăng 4.28% YoY và tương đương 57.47% GDP, trong đó tính riêng sàn HoSE là 188.13 tỷ USD.

Thanh khoản thị trường chuyển biến tích cực từ tháng 5 sau khi NHNN bắt đầu hạ lãi suất điều hành. Giá trị giao dịch trung bình phiên trên cả 3 sàn đạt gần 17 nghìn tỷ đồng, giảm 17% so với năm 2022 do thanh khoản Q1/22 ở mức khá cao. Nhà đầu tư cá nhân trong nước vẫn là nhóm chiếm nhiều giá trị giao dịch nhất trên toàn thị trường với 88.3%, phần còn lại đến từ khối ngoại, khối tự doanh và tổ chức trong nước.

Dòng tiền trong nước là điểm tựa vững chắc giúp thị trường chứng khoán Việt Nam đứng vững trước áp lực bán rông của khối ngoại. Trong năm 2023, nhà đầu tư cá nhân tiếp tục chiếm tỷ trọng giao dịch lớn. Dòng tiền trong nước đã tiếp tục chảy mạnh vào thị trường, giúp VN-Index tăng trưởng mạnh mẽ. Dòng tiền nhà đầu tư trong nước duy trì ổn định nhờ môi trường lãi suất thấp, thiếu vắng cơ hội ở các kênh đầu tư khác.

Năm 2023, Chính phủ và Ủy ban Chứng khoán đã nỗ lực thúc đẩy, xây dựng TTCK Việt Nam vững chắc theo hướng minh bạch, bền vững. Cụ thể, Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt triển khai các giải pháp nâng hạng thị trường chứng khoán, ra mắt hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, làm sạch số liệu tài khoản, xử lý nghiêm các vi phạm hành chính trên thị trường chứng khoán. Nhờ đó, TTCK Việt Nam đã có những bước phát triển tích cực, tuy nhiên vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro cần được giải quyết trong thời gian tới.



Bảng 02: Các chỉ báo thị trường từ 2019 – 2023

Các tiêu chí	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tiêu chí chung					
VN-Index	960.9	1,103.80	1,498.30	1,007.09	1,129.93
% tăng trưởng	7.70%	14.87%	35.74%	-32.78%	12.20%
HNX-Index	102.5	203.1	473.99	205.31	231.04
UPCOM-Index	56.6	74.5	112.68	71.65	87.04
Số công ty niêm yết	1,617	1,655	1,641	1,599	1,584
% tăng trưởng	4.12%	2.35%	-0.85%	-2.56%	-0.94%
VN-Index	378	392	404	402	395
HNX-Index	367	353	345	341	330
UPCOM-Index	872	910	892	856	859
Số tài khoản (nghìn tài khoản)	2,375	2,771	4,311	6,897	7,253
% tăng trưởng	8.83%	16.69%	55.57%	59.99%	5.16%
Tài khoản nước ngoài	32	35	40	43	45
Tài khoản trong nước	2,343	2,736	4,271	6,854	7,208
Vốn hóa thị trường (tỷ USD)	190	232	344	238	245
% tăng trưởng	3.26%	21.84%	48.42%	-30.64%	2.71%
Giá trị mua bán ròng hối ngoại (triệu USD)	315	-876	-2,536	1,254	-1,028
Tiêu chí thanh khoản					
GTGDBQ/phiên 3 sàn gồm thỏa thuận (triệu USD)	200	320	1,165	846	735
% tăng trưởng	-29.15%	60.21%	264.07%	-27.38%	-13.21%
Cổ phiếu giao dịch BQ trên 1 triệu USD/ngày	45	55	177	144	51
Các chỉ số cơ bản					
VN-Index					
- P/E	15.91	20.84	18.60	11.22	14.42
- P/B	2.60	2.20	2.80	1.60	1.65
HNX-Index					
- P/E	9.5	10	30.6	13	25.21
- P/B	1.1	1	3.1	1.16	1.19

Nguồn: FiinProX, Bloomberg, BSC Research



III. YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2024

“

Kinh tế vĩ mô ổn định, các động lực tăng trưởng được duy trì và cải thiện dần là điểm tích cực trong bức tranh trầm lắng của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2023. Tăng trưởng kinh tế dưới kỳ vọng cho dù sử dụng tích cực công cụ chính sách tiền tệ và tài khóa. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các Doanh nghiệp cải thiện chậm chạp và những điểm tắc nghẽn trên thị trường BĐS tiếp tục là những vấn đề lưu ý trong năm 2024.

Mặt khác, chu kỳ kinh tế vĩ mô đi cùng với chính sách tiền tệ của Việt Nam đang có độ lệch pha so với thế giới do ảnh hưởng từ thời gian thoát khỏi đại dịch Covid và yếu tố nội tại của mỗi khu vực kinh tế. NHTW các quốc gia chủ chốt đã tăng lãi suất từ tháng 3/2022 trước áp lực lạm phát gia tăng trong khi NHNN cũng đã thực hiện điều chỉnh tăng lãi suất tháng 9/2022 sau 20 tháng để bảo vệ đồng nội tệ. Nhằm hỗ trợ tăng trưởng trong năm 2023, NHNN đã thực hiện 4 lần giảm lãi suất kể từ tháng 3/2023. Hoạt động nói lỏng tiền tệ đã đi trước NHTW các quốc gia chủ chốt (ngoại trừ Trung Quốc và Nhật Bản) vốn tiếp tục duy trì lãi suất cao vào cuối năm 2023. Điều này khiến cho dư địa hạ suất thu hẹp cho dù xu hướng giảm lãi suất trên toàn cầu là chủ đạo trong năm 2024. Trong cuộc họp CSTT gần nhất của các NHTW lớn trên thế giới, Fed, ECB, BoE tiếp tục giữ nguyên lãi suất điều hành và tiếp tục đưa ra các thông điệp thận trọng về thời điểm cắt giảm lãi suất trong 2024 mặc dù lạm phát tiếp tục xu hướng hạ nhiệt và tiến gần đến mục tiêu đề ra.

”



Triển vọng tăng trưởng kinh tế và TTCK năm 2024 được đánh giá khả quan hơn năm 2023

Các yếu tố thuận lợi đến TTCK gồm:

- Xu hướng giảm lãi suất toàn cầu sẽ giúp cho các nền kinh tế chủ chốt hạ cánh mềm qua đó tác động tích cực lên các ngành sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam. Mặt khác lãi suất toàn cầu hạ cũng giảm áp lực đến tỷ giá và đảo chiều hoạt động rút ròng của khối ngoại trên TTCK.
- Trong nước, kinh tế vĩ mô ổn định, các động lực tăng trưởng hồi phục. Các chính sách tiền tệ và tài khoá hỗ trợ được duy trì tạo đà tăng trưởng nối tiếp chuyển biến vào cuối năm 2023.
- Việt Nam nâng tầm quan hệ lên mức đối tác chiến lược toàn diện với Hoa Kỳ, Nhật Bản, bên cạnh sự củng cố mối quan hệ hữu nghị hướng đến “Cộng đồng chung vận mệnh” với Trung Quốc sau các chuyến thăm cấp Nhà nước sẽ tạo động lực quan trọng để nền kinh tế tăng tốc, thu hút thêm dòng vốn đầu tư.
- Chính phủ quyết liệt thực thi các giải pháp tháo gỡ các nút thắt trên thị trường tiền tệ, thị trường trái phiếu, thị trường bất động sản và gỡ bỏ các rào cản kinh doanh khơi thông dòng vốn mang lại sự ổn định cho cộng đồng doanh nghiệp nói riêng và TTCK nói chung.
- Mặt bằng định giá của TTCK Việt Nam đang ở vùng thấp cùng với mức tăng trưởng lợi nhuận năm 2024 dự báo 15-20%. Cùng với đó, những thay đổi về hệ thống giao dịch mới và các quy định hướng tới nâng hạng thị trường sẽ tạo sức mới cho thị trường.



Ngoài những yếu tố thuận lợi kể trên, BSC cho rằng rủi ro không chỉ đến từ bên ngoài mà nội tại của nền kinh tế và lưu ý ở một yếu tố:

Về quốc tế: (1) NHTW tiếp tục duy trì mức lãi suất cao và trì hoãn về thời điểm bắt đầu thực hiện giảm lãi suất, (2) Khả năng nền kinh tế Hoa Kỳ có thể đạt được hạ cánh mềm vẫn còn chưa thực sự chắc chắn, bên cạnh những dấu hỏi lớn về tăng trưởng của EU và Trung Quốc, (3) Xung đột địa chính trị tiếp tục diễn biến khó lường ảnh hưởng đến biến động của giá hàng hóa.

Trong nước: (1) Rủi ro trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp – đặc biệt ở các doanh nghiệp bất động sản; (2) Các vụ đại án liên quan đến ngân hàng, thị trường BĐS trì trệ kéo dài ảnh hưởng đến nợ xấu nền kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô; (3) Hoạt động rút vốn mạnh từ khối ngoại trong năm 2023 và còn tiếp tục chuyển tiếp sang đầu năm 2024; (3) Quá trình triển khai hệ thống KRX và nỗ lực cải thiện nâng hạng TTCK không có nhiều cải thiện.

BSC đánh giá các yếu tố tác động đến triển vọng TTCK 2024 trên cơ sở xem xét các khía cạnh: (1) Môi trường kinh tế và triển vọng kinh tế vĩ mô, (2) Lợi nhuận các doanh nghiệp niêm yết, (3) Dòng vốn của NĐT cá nhân trong nước và dòng vốn nước ngoài, (4) Vấn đề của thị trường bất động sản và rủi ro liên quan đến Trái phiếu doanh nghiệp, (5) Triển vọng kinh tế thế giới cũng như các biến động địa chính trị và (5) Các vấn đề khác.

Các yếu tố ảnh hưởng đến TTCK 2024

STT	NỘI DUNG	TÁC ĐỘNG	CHIỀU HƯỚNG TÁC ĐỘNG
1	Môi trường kinh tế	Cơ cấu dân số, thu nhập, tầng lớp trung lưu và đô thị hóa	••••• Dài hạn
		Tăng trưởng tốt nhờ chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, tham gia chuỗi sản xuất và hội nhập thế giới	••••• Trung và dài hạn
		Hoàn thiện Luật Đất đai, Luật Bất động sản, Luật Nhà ở, Luật Chứng khoán...	••••• Gỡ rào cản, hỗ trợ doanh nghiệp, thu hút những dòng vốn mới
		Xuất nhập khẩu suy giảm trong năm do cầu hàng hóa yếu, ảnh hưởng đến mảng công nghiệp chế biến chế tạo và lan ra toàn nền kinh tế	••••• Tác động đến HĐKD1 của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng kinh tế
		Minh bạch, lành mạnh hóa môi trường kinh doanh, bảo vệ quyền lợi của các thành phần tham gia kinh tế một cách đầy đủ	••••• Cải thiện chất lượng, minh bạch, cải thiện quy tắc ứng xử, gây dựng niềm tin cho thị trường
2	Nội tại thị trường	Nhiều cổ phiếu cơ bản tốt đang có mức định giá thấp trong nhiều năm	••••• Định giá thị trường, thu hút dòng tiền dài hạn
		Kiện toàn lại tổ chức, điều chỉnh các quy định để nỗ lực nâng hạng TTCK giai đoạn 2023-2024 (FTSE) và giai đoạn 2024-2025 (MSCI)	•••• Hội nhập quốc tế, cải thiện chất lượng, quy mô, tính chuyên nghiệp trên thị trường.
		Nhà đầu tư cá nhân gia tăng cả về số lượng, chất lượng bên cạnh sự trở lại của nhóm nhà đầu tư nước ngoài	•••• Tăng độ hấp dẫn TTCK Việt Nam
		Lộ trình cổ phần hóa, thoái vốn theo Quyết định 1479/QĐ-TTg ngày 29/11 sớm được triển khai, hiện thực hóa	•••• Mở rộng quy mô thị trường, hàng hóa chất lượng đồng thời tăng nguồn cung trên thị trường
3	Các dòng vốn	Chính phủ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công, chính sách hỗ trợ từ Gói Phục hồi Phát triển kinh tế-xã hội	••••• Ảnh hưởng tích cực dòng tiền và hiệu quả doanh nghiệp tại lĩnh vực liên quan
		Sự vận động của dòng vốn đầu tư toàn cầu	••• Cân bằng trở lại sau khi đã rút ròng trong môi trường lãi suất cao
		Xu hướng tích lũy, đầu tư tiếp tục phát triển và tầng lớp trung lưu ngày một gia tăng	••• Thu hút thêm dòng tiền tham gia các kênh đầu tư
		NHNN có dư địa để điều hành tỷ giá	••• Hạn chế dòng vốn nước ngoài rút ra
4	Các vấn đề khác	Các hiệp định thương mại song phương và đa phương	••• Hội nhập sâu rộng với thế giới
		Các vấn đề địa chính trị khu vực	••• Tiềm ẩn bất ổn định
5	Kinh tế thế giới	Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới 2024 hồi phục chậm	••••• Ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng và thương mại thế giới
		FED và các NHTW lớn dự kiến sẽ giảm lãi suất trong năm 2024	•••• Gap lãi suất USD và VND sẽ thu hẹp
		Giá cả hàng hóa còn nhiều tiềm ẩn gây biến động mạnh	•••• Lạm phát tăng cao, ảnh hưởng tốc độ ổn định và hạ lãi suất
		Các vấn đề địa chính trị	•••• Tiềm ẩn bất ổn định

2. BÁO CÁO VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA BSC NĂM 2023

Kinh tế Việt Nam năm 2023 duy trì xu hướng tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo, nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực đạt được mục tiêu đề ra và tiếp tục là điểm sáng về kinh tế trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, trước những áp lực đến từ nền kinh tế toàn cầu, lo ngại về lạm phát và khủng hoảng kinh tế đã khiến thị trường chứng khoán trải qua một năm đầy khó khăn và thăng trầm khi chỉ số thanh khoản thị trường giảm 13% so với năm 2022. Trước thách thức đó, hoạt động kinh doanh tại BSC vẫn đạt được những kết quả tích cực, kiểm soát tốt rủi ro đảm bảo an toàn vốn và đạt được kết quả tốt trên nhiều khía cạnh.

1 Tình hình tài chính 2023

Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2023	31/12/2022	THAY ĐỔI
A. Tài sản ngắn hạn	8.239.818	5.463.899	51%
1. Tài sản tài chính	8.220.951	5.451.996	51%
Tiền và các khoản tương đương tiền	817.121	787.865	4%
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	1.779.661	1.450.059	23%
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	1.245.058	211.967	487%
Các khoản cho vay	4.295.818	2.959.576	45%
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	0	0	0%
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-6.354	-6.486	-2%
Tài sản tài chính khác	89.647	49.013	83%
2. Tài sản ngắn hạn khác	18.867	11.903	59%
B. Tài sản dài hạn	86.561	127.188	-32%
1. Tài sản tài chính dài hạn	0	51.366	-100%
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	0	51.366	-100%
2. Tài sản cố định	29.010	25.769	13%
3. Tài sản dài hạn khác	57.551	50.052	15%
TỔNG TÀI SẢN	8.326.379	5.591.087	49%
C. Nợ phải trả	3.641.964	1.224.689	197%
1. Nợ phải trả ngắn hạn	3.636.264	1.218.880	198%
Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	2.803.543	929.458	202%
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	500.000	0	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	222.827	226.458	-2%
Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	0	0	0%
Nợ phải trả ngắn hạn khác	109.895	62.965	75%
2. Nợ phải trả dài hạn	5.700	5.809	-2%
D. Vốn chủ sở hữu	4.684.415	4.366.397	7%
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.084.487	3.911.466	4%
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	0	54.270	-100%
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	0	54.270	-100%
4. Lợi nhuận chưa phân phối	599.928	346.392	73%
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	8.326.379	5.591.087	49%

Tổng tài sản BSC cuối năm 2023 đạt **8.326 tỷ đồng**, tăng 49% so với cuối năm 2022. Về cơ cấu, tài sản ngắn hạn chiếm 99% tổng tài sản Công ty, đạt 8.240 tỷ đồng. Trong đó, tiền và các tài sản tương đương tiền đạt 817 tỷ đồng, tăng 4% so với cuối năm 2022; các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) đạt 1.780 tỷ đồng, tăng 23%; các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đạt 1.245 tỷ đồng, tăng 487%; các khoản cho vay đạt 4.296 tỷ đồng, tăng 45%. Danh mục tài sản đầu tư của BSC chiếm phần lớn là các chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu do các tổ chức tín dụng phát hành, đây đều là các tài sản có tính an toàn cao được BSC đầu tư nhằm mang lại mức chênh lệch lãi suất tốt bên cạnh mục tiêu phục vụ cho hoạt động nguồn vốn.

Về quy mô nguồn vốn, Nguồn vốn chủ sở hữu của BSC tại ngày 31/12/2023 đạt 4.684 tỷ đồng, tăng 7% so với cuối năm 2022. Cuối năm 2022, BSC đã hoàn tất tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu chiến lược Hana Securities với quy mô gần 2.700 tỷ đồng. Bên cạnh việc được củng cố nguồn lực tài chính thông qua tăng vốn chủ, BSC cũng gia tăng đòn bẩy tài chính, nguồn vốn nợ tại 31/12/2023 đạt 3.642 tỷ đồng, tăng 197% so với cuối 2022 nhằm đáp ứng cho việc mở rộng các hoạt động kinh doanh, tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn.

Một số chỉ tiêu tài chính

CHỈ TIÊU	NĂM 2023	NĂM 2022	THAY ĐỔI
Doanh thu hoạt động	1.258.998	1.089.005	16%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	808.187	430.857	88%
Lợi nhuận trước thuế	509.048	148.937	242%
Lợi nhuận sau thuế	408.260	112.371	263%

CHỈ TIÊU	NĂM 2023	NĂM 2022	THAY ĐỔI
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	2.27	4.48	-49%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0.44	0.22	101%
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0.78	0.28	177%
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu hoạt động	32.4%	10.3%	214%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	8.7%	2.6%	239%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4.9%	2.0%	144%
4. Chỉ tiêu cho một đơn vị cổ phiếu			
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.105	460	358%
- Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	2.105	460	358%

BSC luôn đề cao việc tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo các giới hạn trong tất cả các hoạt động kinh doanh. Việc quản lý tài sản, quản lý dòng tiền được Công ty vận hành linh hoạt song song với việc kiểm soát chặt chẽ nhằm đảm bảo tối ưu hoá lợi nhuận, đồng thời không phát sinh rủi ro thanh toán hoặc thanh khoản và đáp ứng nhu cầu của các hoạt động kinh doanh. BSC luôn chú trọng kiểm soát nhiều vòng từ các bộ phận Kiểm soát tại bước tác nghiệp, Quản trị rủi ro và rà soát của Kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ. **Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng** được giữ ở mức cao. Tại thời điểm 31/12/2023, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty là 820%, ở vào nhóm tốt theo quy định của UBCKNN.

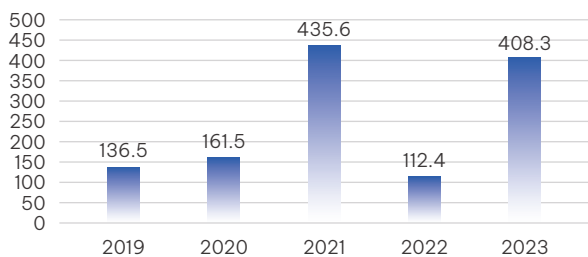
Hoạt động quản trị tài sản – nguồn vốn được Công ty vận hành hiệu quả, linh hoạt giữa các hoạt động kinh doanh và tập trung vào công tác quản trị rủi ro trong năm 2023.

2 Kết quả kinh doanh 2023

Kết quả kinh doanh năm 2023 của BSC được đặt trong bối cảnh thị trường diễn biến nhìn chung không thuận lợi, thanh khoản thị trường chỉ đạt bình quân 17.641 tỷ đồng/phần, giảm 13% so với năm 2022 và thấp hơn đáng kể mức thanh khoản dự kiến khi xây dựng KHKD. Cùng với đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp mặc dù đã có dấu hiệu ổn định hơn sau khi Chính phủ đã ban hành các quy định mới góp phần giúp minh bạch hóa và tăng thanh khoản thị trường tuy nhiên xét về tổng thể năm 2023 vẫn còn nhiều khó khăn, gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tại mảng Tư vấn tài chính của các CTCK trên thị trường.

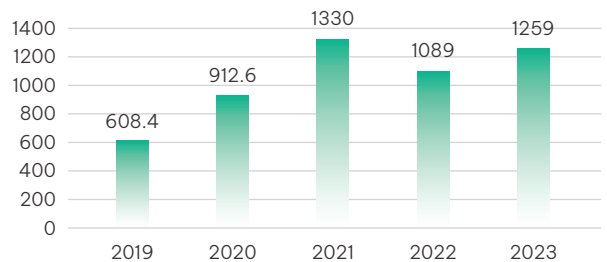
Kết quả kinh doanh BSC giai đoạn 2019-2023 (tỷ đồng)

Lợi nhuận sau thuế



Trong bối cảnh các điều kiện kinh doanh còn nhiều khó khăn, dưới sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty và sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên, kết thúc năm 2023, BSC đạt kết quả kinh doanh khả quan, các mảng hoạt động kinh doanh nhìn chung đều tăng trưởng mạnh mẽ. Lợi nhuận trước thuế của BSC năm 2023 **đạt 509 tỷ đồng**, tăng 242% so với thực hiện năm 2022.

Doanh thu hoạt động

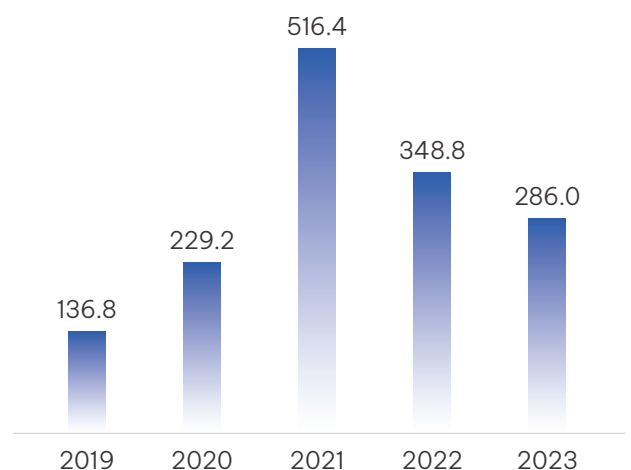


HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI

Duy trì thị phần tăng trưởng và doanh số giao dịch ổn định

Thị phần BSC năm 2023 đạt 2,59%, tăng 1,2% so với năm 2022, đạt Top 9 thị phần môi giới trên sàn HNX và Top 10 thị phần môi giới trên sàn UpCoM.

Giá trị giao dịch thị trường giảm mạnh trong điều kiện không thuận lợi của thị trường chứng khoán trong nửa đầu năm đã ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của mảng này. Năm 2023, doanh thu môi giới BSC đạt 286 tỷ đồng, giảm 18% so với năm 2022. Tốc độ tăng trưởng doanh thu môi giới bình quân giai đoạn 5 năm 2019-2023 đạt 20.2%/năm.



Biểu đồ doanh thu môi giới các năm (tỷ đồng)

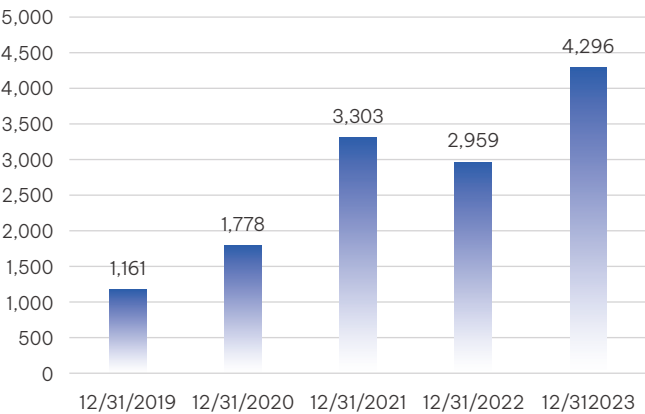
Dư nợ cho vay margin tăng trưởng tốt, kiểm soát rủi ro chặt chẽ

Thanh khoản thị trường năm 2023 có sự giảm mạnh, tuy nhiên, quy mô cho vay margin của BSC vẫn tăng trưởng tích cực ở mức **4.296 tỷ đồng**, tăng 45% so với 2022. Tốc độ tăng trưởng quy mô dư nợ cho vay bình quân giai đoạn 5 năm 2019-2023 đạt 38.7%/năm. **Doanh thu lãi cho vay** của BSC đạt **446.1 tỷ đồng**, tăng 44.2% so với mức thực hiện năm 2022.

Trong năm 2023, BSC liên tục nghiên cứu và chủ động điều chỉnh chính sách sản phẩm phù hợp theo mỗi phân khúc, đảm bảo tính cạnh tranh, thúc đẩy khách hàng giao dịch. Bên cạnh nhiệm vụ mở rộng quy mô cho vay để tạo lợi nhuận, BSC vẫn giữ mục tiêu kép là đẩy mạnh kiểm soát rủi ro cho hoạt động cho vay margin. BSC đã tăng cường công tác kiểm soát rủi ro theo mô hình 3 lớp phòng vệ: quản trị tại bộ phận vận hành, bộ phận quản trị rủi ro và cấp kiểm toán nội bộ. Cùng với đó, BSC triển khai đánh giá, quản lý hạn mức theo từng khách hàng,

danh mục cho vay liên tục và bám sát tình hình thị trường nhằm đảm bảo an toàn vốn đồng thời vẫn giữ được tính cạnh tranh cho sản phẩm. Với việc triển khai những biện pháp quản trị rủi ro kịp thời, hoạt động cho vay tại BSC trong năm qua hoàn toàn không phát sinh nợ xấu.

Quy mô dư nợ cho vay tại BSC giai đoạn 2019 - 2023 (tỷ đồng)



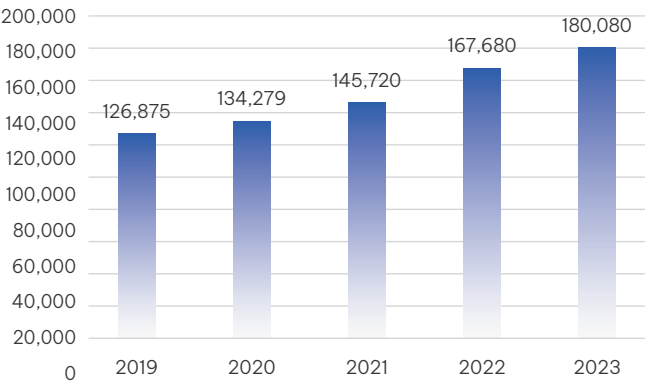
Mở rộng nền tảng khách hàng

Bên cạnh hoàn thiện hệ thống sản phẩm dịch vụ, mở rộng nền tảng khách hàng cũng được BSC chú trọng.

Dịch vụ môi giới cho khách hàng cá nhân

BSC liên tục nghiên cứu và chủ động điều chỉnh chính sách sản phẩm phù hợp theo mỗi phân khúc, đảm bảo tính cạnh tranh, thúc đẩy khách hàng giao dịch. Bên cạnh đó, BSC triển khai các chương trình khuyến mại nhân dịp ra mắt Webtrading mới, chương trình khuyến mại thúc đẩy số lượng khách hàng mở mới active như chương trình “Giao dịch ngay – Quay là trúng”, chương trình “Cơ hội tối – Nhanh mở mới”, chương trình kỷ niệm 24 năm thành lập BSC. Trong năm 2023 có gần 12.4 nghìn tài khoản mở mới tại BSC, nâng số lượng tài khoản quản lý lên 180 nghìn tài khoản, tăng 7.4% so với năm 2022.

Số lượng tài khoản giao dịch giai đoạn 2019-2023



Số lượng tài khoản
▲ 12.400
so với năm 2022

Những sản phẩm dịch vụ và chính sách khách hàng linh hoạt đã tạo niềm tin cho khách hàng tại BSC. Trong năm 2023, BSC tiếp tục giữ vững vị trí Top 9 thị phần môi giới cổ phiếu trên sàn HNX; Top 10 thị phần môi giới cổ phiếu trên sàn UPCoM.



Dịch vụ môi giới khách hàng tổ chức:

Nền tảng khách hàng tổ chức giao dịch qua BSC tiếp tục được chú trọng mở rộng trong năm 2023, tiêu biểu là các quỹ lớn trên thị trường như SSIAM, Vinacapital, DCVFM, IPAAM, KIM, CTBC, Bảo Việt Fund, FairFax...

Đối với mảng môi giới trái phiếu, BSC tiếp tục phát huy và khẳng định vị thế dẫn đầu môi giới trái phiếu chính phủ, thể hiện chất lượng dịch vụ ổn định, chuyên nghiệp cũng như sự tín nhiệm cao với các đối tác là các Ngân hàng thương mại, công ty bảo hiểm. BSC tiếp tục phát huy và giữ vững vị thế top đầu thị trường môi giới trái phiếu Chính phủ, và được Bộ Tài Chính vinh danh **Top 1** Nhà tạo lập thị trường công cụ nợ của Chính phủ.

Đẩy mạnh chuyển đổi số và nâng cấp nền tảng công nghệ

Không chỉ tập trung vào công tác xây dựng chính sách về giá cho khách hàng, BSC còn tập trung vào công tác chuyển đổi số và tích hợp nhiều tính năng, tiện ích trên các nền tảng trực tuyến để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Ra mắt Webtrading phiên bản mới:

Cải tiến các tính năng và giao diện nhằm mang lại những trải nghiệm thuận tiện, nhanh chóng và hiệu quả cho Quý khách hàng.



Phát triển hệ thống đặt lệnh tốc độ cao (OMS):

Trong năm 2023, BSC phát triển thêm hệ thống đặt lệnh tốc độ cao nhằm nâng cao khả năng xử lý của hệ thống giúp đặt lệnh nhanh hơn.



Nâng cấp ứng dụng giao dịch qua điện thoại BSC Smart Invest:

Tích hợp giao dịch chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh, cung cấp khuyến nghị kịp thời và tăng cường tính bảo mật thông qua SmartOTP hoặc SMS-OTP.



Lệnh điều kiện cho chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh:

Giúp nắm bắt cơ hội mua bán theo kỳ vọng, quản trị rủi ro theo danh mục đầu tư, chốt lời/cắt lỗ tự động cho vị thế đang mở khi không có thời gian theo dõi thị trường và giúp các nhà đầu tư giữ vững được nguyên tắc giao dịch đã đặt ra, tránh những tác động tâm lý từ biến động thị trường.



Nâng cao chất lượng tư vấn

Với uy tín 24 năm trên thị trường, chất lượng báo cáo tư vấn phục vụ khách hàng cá nhân và tổ chức luôn được BSC chú trọng. Bằng đội ngũ có sự đa dạng về kiến thức, kinh nghiệm và có sự am hiểu thị trường, trong năm 2023, BSC đã thực hiện 412 báo cáo phân tích gồm 248 bản tin hàng ngày, 93 báo cáo doanh nghiệp, 2 báo cáo chuyên đề, 50 báo cáo tuần, 12 báo cáo Vĩ mô tháng, 7 báo cáo Ngành lớn và được dịch ra Tiếng Anh và Tiếng Nhật nhằm liên tục cập nhật các thông tin, tìm kiếm các mã cổ phiếu tốt khuyến nghị cho Nhà đầu tư.

Bên cạnh những đóng góp về các báo cáo cập nhật tin tức nhanh chóng và kịp thời đến khách hàng, BSC cũng được thị trường ghi nhận, đánh giá cao về chất lượng dịch vụ và nhận được nhiều giải thưởng danh giá do các Tạp chí tài chính lớn, uy tín trên thế giới:



Giải thưởng “**Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam**” do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng.



Giải thưởng “**Nhà phân tích định lượng/kỹ thuật xuất sắc nhất Việt Nam năm 2023**”; và Giải thưởng “**Nhà môi giới khách hàng tổ chức tốt nhất Việt Nam năm 2023**” do Tạp chí Asiamoney trao tặng.

TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Giữ vững chất lượng dịch vụ và uy tín trên thị trường

Trong năm 2023, thị trường phát hành TPDN vẫn diễn biến ảm đạm và chỉ bắt đầu có dấu hiệu ổn định, khởi sắc sau khi Nghị định 08/2023/NĐ-CP được ban hành. Tuy nhiên, khó khăn thách thức vẫn còn nhiều do giá trị trái phiếu đến hạn trong năm lớn, niềm tin của nhà đầu tư chưa được phục hồi.

Với các điều kiện thị trường như vậy, hoạt động Tư vấn tài chính của BSC cũng bị ảnh hưởng bởi tình hình chung của thị trường. Tổng doanh thu hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh, đại lý phát hành năm 2023 của BSC đạt 6.4 tỷ đồng, giảm 62% so với năm 2022.

Trong năm 2023, toàn bộ đội ngũ TVTC của BSC đều nỗ lực hỗ trợ các trái chủ xử lý tài sản đảm bảo và các nghĩa vụ liên quan với Tổ chức phát hành, đảm bảo tối đa lợi ích các bên và uy tín của BSC trên thị trường.

ĐẦU TƯ & KINH DOANH NGUỒN VỐN

Điều tiết và sử dụng vốn hiệu quả, nâng cao lợi suất đầu tư.

Thị trường chứng khoán năm 2023 diễn biến phức tạp với nhiều cơ hội cùng rủi ro đan xen. BSC đã thành công trong việc tận dụng tốt các nhịp tăng của thị trường và quản trị rủi ro chặt chẽ trước những đợt giảm điểm. Theo đó trong năm 2023, lợi nhuận từ các tài sản ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) và các tài sản nắm giữ tới ngày đáo hạn (HTM) đạt 328.4 tỷ đồng, tăng gấp 19 lần năm 2022.

Hoạt động đầu tư bao gồm 02 mảng chính:

Đầu tư cổ phiếu và sản phẩm cấu trúc:

Năm 2023, BSC đã tận dụng những giai đoạn giảm sâu của thị trường để đầu tư và tập trung vào việc đầu tư cổ phiếu của các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh tăng trưởng tốt. Hoạt động đầu tư cổ phiếu trong năm 2023 đã đóng góp tỷ trọng lớn trong cơ cấu lợi nhuận với tỷ suất sinh lời đạt 65.5%.

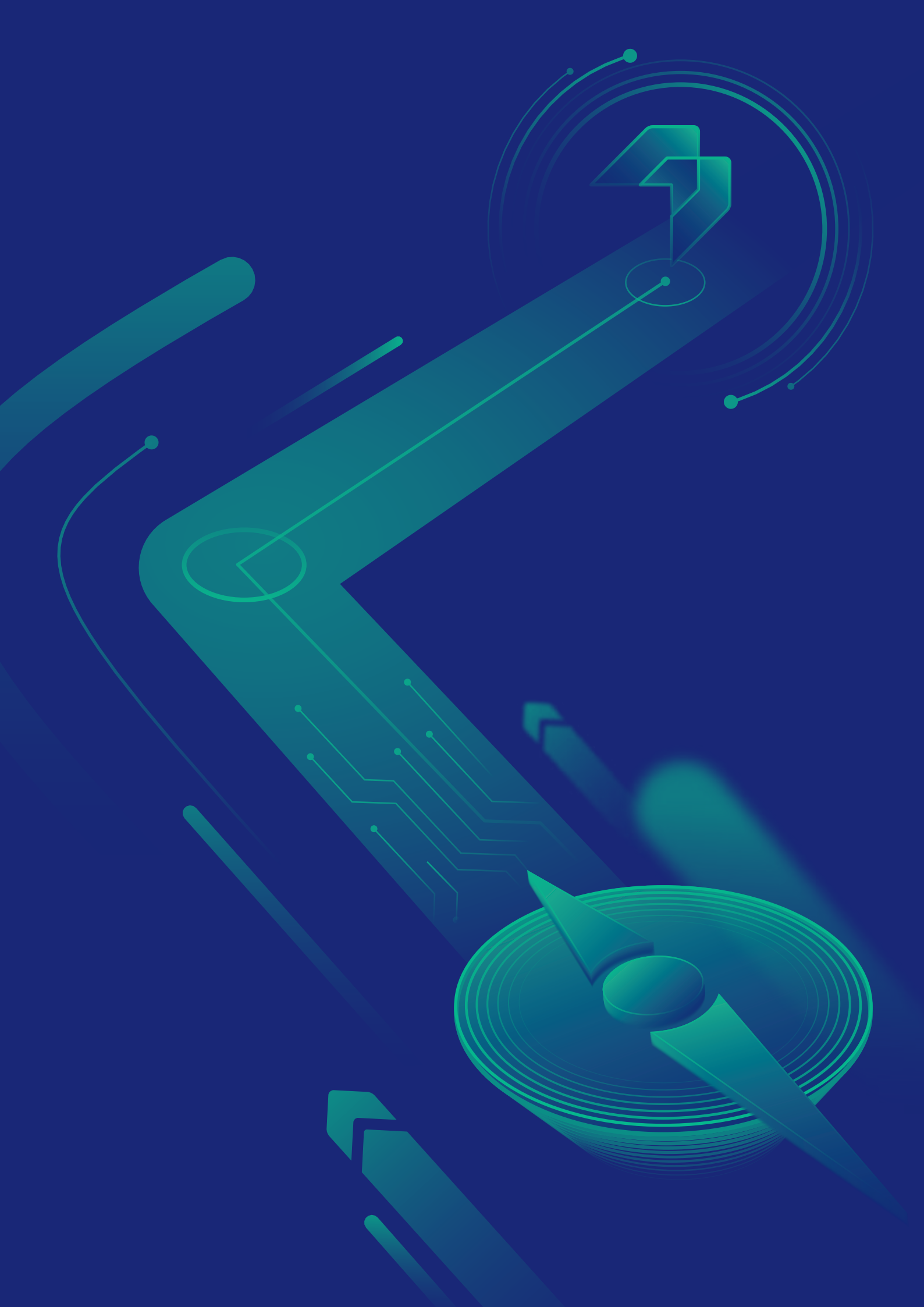
Ngoài ra, BSC tiếp tục hoạt động phát hành chứng quyền dựa trên các cổ phiếu cơ sở là ACB, MWG, STB, TCB, cùng với đó BSC đã thực hiện các biện pháp tạo lập thị trường tích cực nhằm cung cấp cho Nhà đầu tư các sản phẩm đầu tư có đòn bẩy và thanh khoản cao.

Đầu tư trái phiếu và các giấy tờ có giá khác:

Trong năm 2023, hoạt động kinh doanh TPCP, GTCG khác chịu nhiều áp lực từ các thay đổi tỷ giá, lãi suất và thanh khoản của hệ thống ngân hàng, BSC đã tận dụng các nhịp thay đổi để đạt hiệu quả kinh doanh tốt. Bên cạnh đầu tư hưởng chênh lệch lãi suất, các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi đều là các tài sản có tính an toàn cao được BSC đầu tư nhằm mục tiêu phục vụ cho hoạt động nguồn vốn, đáp ứng đầy đủ, kịp thời và hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.

ĐỊNH HƯỚNG

NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2024



Dựa trên việc đánh giá triển vọng vĩ mô và thị trường chứng khoán năm 2024, BSC đã xác định hướng phát triển các yếu tố cốt lõi nhằm tạo ra nguồn thu bền vững:

1

Tăng trưởng toàn diện: Đặt mục tiêu phát triển đồng đều tất cả các mảng kinh doanh cốt lõi.

2

Cải tiến công nghệ và sản phẩm: Hoàn thiện hệ thống công nghệ và quy trình sản phẩm để đón đầu xu hướng phát triển của thị trường.

3

Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ: Cam kết nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ trên nền tảng ứng dụng công nghệ hiện đại.

4

Tối ưu hóa nguồn vốn: Nâng cao năng lực tài chính và tối ưu hóa nguồn vốn để đảm bảo cơ cấu vốn an toàn hiệu quả.

5

Hoàn thiện mô hình tổ chức và chính sách nhân sự tiền lương: Rà soát cơ cấu tổ chức, các chính sách nhân sự, tiền lương theo hướng tinh gọn và mang tính cạnh tranh so với thị trường.

6

Nâng cao giá trị thương hiệu: Đẩy mạnh truyền thông thương hiệu và nâng cao giá trị thương hiệu BSC.



LỢI NHUẬN KỶ VỌNG HỒI PHỤC MẠNH TRONG 2024

Chỉ số tương ứng lợi nhuận theo ngành	2022	2023E	2024F	% vốn hóa/cổ phiếu thu
Tổng cộng	80%	28%	103%	
Ngành	116%	60%	81%	
Tài chính	28%	21%	48%	
IT & Viễn thông	20%	30%	85%	
Đầu tư	-1%	84%	44%	
Phân bón & Hóa chất	110%	65%	89%	
Sản xuất	6%	20%	34%	
Kim loại	2%	88%	90%	
Khối công nghiệp	27%	6%	27%	
Công nghệ	21%	20%	23%	
Năng lượng	37%	4%	20%	
Dầu khí	66%	22%	2%	
Điện	32%	6%	5%	
Thiết bị điện tử	-28%	25%	-20%	
Vận tải & Cảng biển	40%	30%	-32%	
Tổng lợi nhuận sau thuế của các cổ phiếu thuộc BSC cover list (%)		-5%	17%	103%

KẾ HOẠCH

HÀNH ĐỘNG NĂM 2024



Kế hoạch hành động 2024 đối với từng nhóm giải pháp như sau:

1

2 Các công tác quản trị điều hành

Hoàn thiện cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của các phòng ban minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của bên liên quan.

Nâng cao năng lực quản trị rủi ro: Xây dựng chiến lược quản trị rủi ro; rà soát, cập nhật các chính sách, quy định quản trị rủi ro nhằm đảm bảo quy định pháp luật và theo các chuẩn mực, nguyên tắc quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế.

Tăng cường kiểm tra, giám sát tuân thủ: củng cố, nâng cao kỷ luật lao động, tính tuân thủ quy trình, quy chế trong các hoạt động; Tăng cường tư vấn, nâng cao kiến thức pháp luật, chính sách.

3 Các công tác hoàn thiện hệ thống

Hoàn thiện mô hình tổ chức và chính sách nhân sự: Thực hiện rà soát, cải tiến đồng bộ hệ thống chính sách nhân sự, chính sách động lực gắn với thực tiễn và tạo động lực thúc đẩy hiệu quả kinh doanh, sử dụng kết quả làm thước đo, đảm bảo thu nhập của cán bộ phù hợp với mức độ đóng góp và hiệu quả công việc.

Phát triển đội ngũ: Tăng cường đào tạo nhân sự nhằm phát triển và bồi dưỡng nguồn nhân lực, sẵn sàng cho sự đổi mới và sáng tạo.

Đầu tư và nâng cấp hệ thống Công nghệ thông tin: Đầu tư và nâng cấp hệ thống Công nghệ thông tin đảm bảo yêu cầu kỹ thuật sau khi Golive dự án KRX; Tăng cường năng lực cơ sở hạ tầng và kiểm soát an ninh bảo mật CNTT; Nâng cấp các phần mềm giao dịch trực tuyến.

4 Hoạt động quản lý thương hiệu

Đẩy mạnh truyền thông thương hiệu: Xây dựng Chiến lược truyền thông phù hợp với từng phân khúc khách hàng với từng sản phẩm dịch vụ; Đẩy mạnh hoạt động truyền thông thương hiệu, vinh danh thương hiệu BSC hoạt động hiệu quả, minh bạch, phát triển bền vững; Tích cực thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với sự phát triển của cộng đồng, xã hội.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

62

Thông tin cổ đông

64

Cơ cấu tổ chức quản trị

78

Báo cáo hoạt động của Hội đồng
Quản trị năm 2023

92

Báo cáo hoạt động
của Ban kiểm soát

97

Các giao dịch, thù lao và các khoản
lợi ích của Hội đồng Quản trị,
Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV tại thời điểm 31/12/2023:

1 Thông tin Cổ phần

Tổng số cổ phần BSI **202.783.127**

Loại cổ phần đang ưu hành: Phổ thông

Mệnh giá cổ phần **10.000 đồng**/cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành **202.783.127**

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng **65.730.042**

2 Thông tin cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số GCNĐKKD/ ĐKSH	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %/ Vốn điều lệ
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0100150619	Tháp BIDV, Số 194 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	105.385.361	51,97%
2	Hana Securities CO., LTD	CB1827	82, Uisadang-daero, Youngdeungpo-gu, Seoul	70.988.445	35,01%



3 Cơ cấu cổ đông

Tiêu chí	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông lớn vs cổ đông khác			
Cổ đông khác	5677	26.409.321	13,02%
Cổ đông lớn	2	176.373.806	86,98%
Cổ đông tổ chức vs cá nhân			
Nhà đầu tư cá nhân	5633	15.268.103	7,53%
Nhà đầu tư tổ chức	46	187.515.024	92,47%
Cổ đông nước ngoài vs trong nước			
Nhà đầu tư trong nước	5560	120.909.851	59,63%
Nhà đầu tư nước ngoài	119	81.873.276	40,37%
Cổ đông nhà nước và cổ đông khác			
Cổ đông nhà nước	0	0	0%
Cổ đông khác	5679	202.783.127	100%
Cổ phiếu quỹ			
	0	0	0%
Tổng	5679	202.783.127	100,00%

Nguồn: VSD, BSC tổng hợp

4 Tình hình thay đổi vốn điều lệ trong năm 2023

Vốn điều lệ đầu năm: **1.878.001.200.000** đồng

Giá trị cổ phần phát hành thêm trong năm (theo mệnh giá): **149.830.070.000** đồng

Vốn điều lệ sau phát hành: **2.027.831.270.000** đồng

Lý do thay đổi: Công ty trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông (tỷ lệ thực hiện 5%) và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ lệ thực hiện 3%).

5 Thay đổi số lượng cổ phiếu quỹ

Trong năm 2023, BSC đã đăng ký với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước để thực hiện giao dịch bán cổ phiếu quỹ, cụ thể:

Số lượng cổ phiếu quỹ trước khi thực hiện giao dịch: **505.660** cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ đã thực hiện giao dịch bán: **505.660** cổ phiếu. Thời gian thực hiện từ 30/11/2023 đến 15/12/2023.

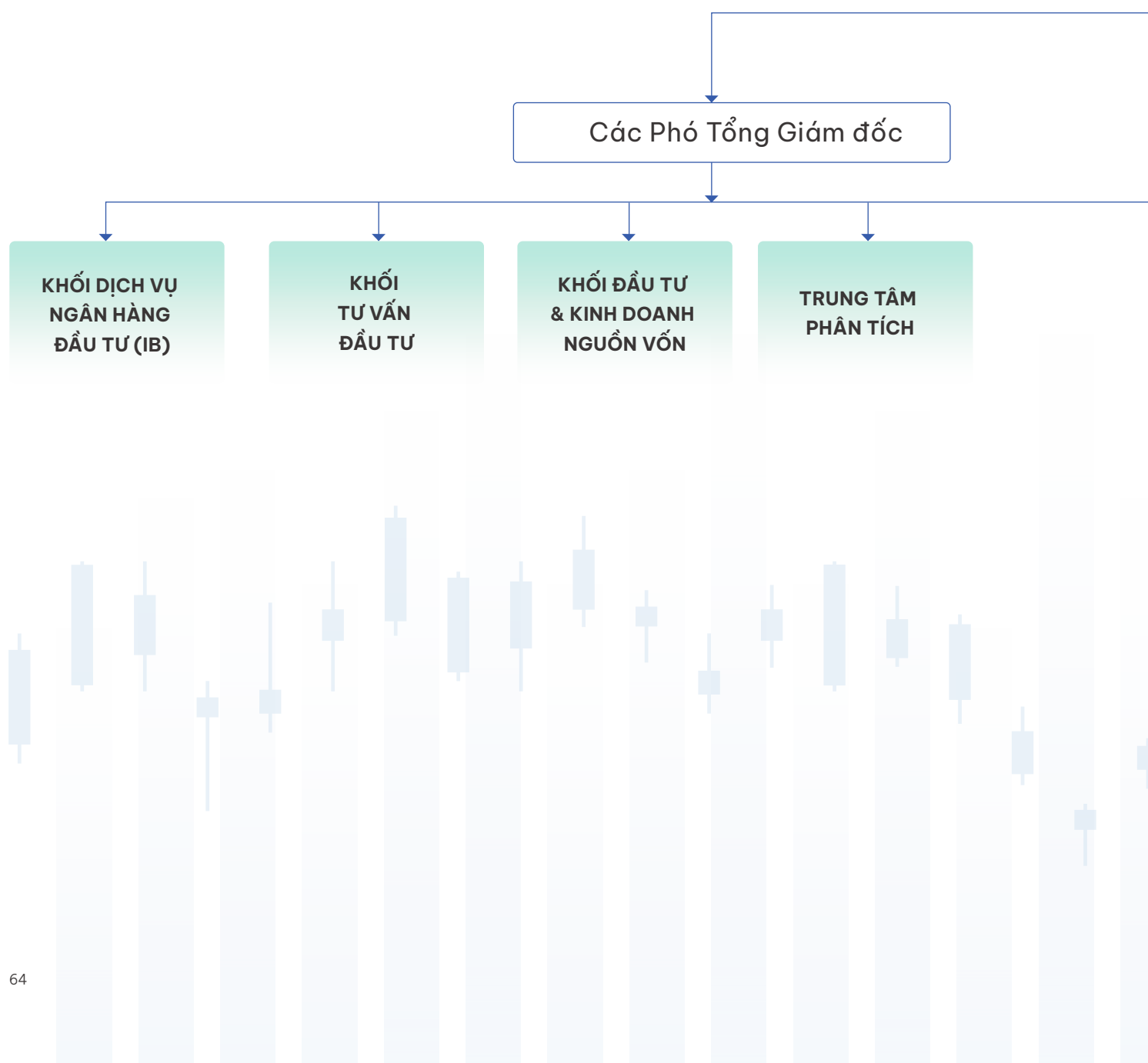
Số lượng cổ phiếu quỹ hiện có: 0 cổ phiếu

Lý do thay đổi: Công ty thực hiện bán cổ phiếu quỹ.

6 Công ty con, công ty liên kết: Không có

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ

CƠ CẤU TỔ CHỨC



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC

Văn phòng HĐQT

Ban Kiểm toán nội bộ

Các tiểu ban trực thuộc

**KHỐI
CÔNG NGHỆ
THÔNG TIN**

**KHỐI
CHIẾN LƯỢC VÀ
CHUYỂN ĐỔI SỐ**

**KHỐI
KIỂM SOÁT
TUÂN THỦ**

**KHỐI
VẬN HÀNH**

CHI NHÁNH BSC HỒ CHÍ MINH

1 Nhân sự chủ chốt (tính đến 31/12/2023)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGÔ VĂN DŨNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị BSC

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính ngân hàng
- Quá trình công tác:
 - 1991 - 1998: Công tác tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
 - 1998 - 2002: Giám đốc BIDV Chi nhánh Thăng Long
 - 2002 - 2004: Giám đốc Ban Tín dụng BIDV
 - 2004 - 2007: Giám đốc Ban Quản lý rủi ro BIDV
 - 2007 - 2015: Giám đốc BIDV Chi nhánh Hà Nội
 - 2015 - nay: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV
 - 2019 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị BSC

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2023:

Đại diện sở hữu: 57.961.949 cổ phiếu, tương đương 28,58%

Cá nhân sở hữu: 0,0000%

Ông CHUNG JAE HOON

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc BSC

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm chuyên môn:
 - 04/2008 - 07/2010: Trưởng phòng - Ban Phát triển nguồn nhân lực - Công ty chứng khoán Hana
 - 07/2010 - 06/2012: Trưởng phòng - Ban Quản lý Kế hoạch - Công ty Chứng khoán Hana
 - 07/2012 - 03/2013: Phó Giám đốc - Ban Kinh doanh Quốc tế - Công ty Chứng khoán Hana
 - 07/2014 - 04/2018: Phó Giám đốc - Ban Quản lý tài sản - Công ty Chứng khoán Hana
 - 04/2018 - 01/2021: Giám đốc - Ban Sản phẩm Dịch vụ Đầu tư - Công ty Chứng khoán Hana
 - 01/2021 - 11/2023: Giám đốc - Ban bán buôn Dịch vụ tài chính - Công ty Chứng khoán Hana
 - 18/11/2023 - nay: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị BSC
 - 01/12/2023 - nay: Phó Tổng Giám đốc BSC



Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2023:

Đại diện sở hữu: 0,0000%

Cá nhân sở hữu: 0,0000%



Ông NGUYỄN DUY VIỄN

Thành viên Hội đồng quản trị BSC kiêm Tổng Giám đốc BSC

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 2000 – 2001: Công tác tại BIDV Chi nhánh Sở giao dịch 1
 - 2001 – 2004: Công tác tại BIDV Chi nhánh Bắc Hà Nội
 - 2004 – 2007: Công tác tại Phòng Tín dụng – Hội sở BIDV
 - 11/2007 – 09/2009: Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư – Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC)
 - 09/2009 – 07/2012: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC)
 - 07/2012 – 10/2012: Quyền Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC)
 - 10/2012 – 12/2017: TGD Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC)
 - 01/2018 – 03/2019: Phó Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp lớn – Hội sở BIDV
 - 03/2019 – 06/2020: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC)
 - 06/2020 – nay: Thành viên HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC)

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2023:

Đại diện sở hữu: 31.615.608 cổ phiếu tương ứng 15,59%
Cá nhân sở hữu: 0,0000%

Ông LIM DO KYOON

Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm chuyên môn:
 - 04/2013 – 07/2013: Phó Giám đốc – Ban Kinh doanh Quốc tế – Công ty Chứng khoán Hana
 - 07/2013 – 09/2014: Phó Giám đốc – Ban Chiến lược & Quản trị – Công ty Chứng khoán Hana
 - 09/2014 – 12/2016: Phó Giám đốc – Ban Chiến lược Toàn cầu – Công ty Chứng khoán Hana
 - 01/2017 – 07/2018: Giám đốc – Ban Chiến lược & Đổi mới Doanh nghiệp – Công ty Chứng khoán Hana
 - 07/2018 – 12/2018: Giám đốc – Ban Sản phẩm Đầu tư – Công ty Chứng khoán Hana
 - 12/2018 – 04/2021: Trưởng phòng – Phòng xúc tiến kinh doanh Ngân hàng đầu tư – Công ty Chứng khoán Hana
 - 05/2021 – nay: Trưởng phòng – Phòng chiến lược toàn cầu – Công ty Chứng khoán Hana
 - 18/11/2023 – nay: Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị BSC



Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2023:

Đại diện sở hữu: 0,0000%.
Cá nhân sở hữu: 0,0000%.

Bà NGUYỄN THANH HUYỀN

Thành viên Hội đồng quản trị BSC



- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, CFA, CPA
- Kinh nghiệm chuyên môn:
 - 02/2005 – 12/2009: Chuyên viên Ban Đầu tư – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)
 - 01/2010 – 02/2015: Phó trưởng phòng Ban Đầu tư – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)
 - 03/2015 – 04/2019: Trưởng phòng Ban Đầu tư – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)
 - 04/2019 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2023:

Đại diện sở hữu: 15.807.804 cổ phiếu, tương đương 7,8%.

Cá nhân sở hữu: 5 cổ phiếu, tương đương 0,...001%

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông NGUYỄN DUY VIỄN

Thành viên Hội đồng quản trị BSC kiêm Tổng Giám đốc BSC

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 2000 – 2001: Công tác tại BIDV Chi nhánh Sở giao dịch 1
 - 2001 – 2004: Công tác tại BIDV Chi nhánh Bắc Hà Nội
 - 2004 – 2007: Công tác tại Phòng Tín dụng – Hội sở BIDV
 - 11/2007 – 09/2009: Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư – Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC)
 - 09/2009 – 07/2012: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC)
 - 07/2012 – 10/2012: Quyền Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC)
 - 10/2012 – 12/2017: TGD Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC)
 - 01/2018 – 03/2019: Phó Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp lớn – Hội sở BIDV
 - 03/2019 – 06/2020: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC)
 - 06/2020 – nay: Thành viên HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC)

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2023:

Đại diện sở hữu: 31.615.608 cổ phiếu, tương ứng 15,59%.

Cá nhân sở hữu: 0,0000%.

Ông CHUNG JAE HOON

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc BSC



- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm chuyên môn:
 - 04/2008 – 07/2010: Trưởng phòng – Ban Phát triển nguồn nhân lực – Công ty chứng khoán Hana
 - 07/2010 – 06/2012: Trưởng phòng – Ban Quản lý Kế hoạch – Công ty Chứng khoán Hana
 - 07/2012 – 03/2013: Phó Giám đốc – Ban Kinh doanh Quốc tế – Công ty Chứng khoán Hana
 - 07/2014 – 04/2018: Phó Giám đốc – Ban Quản lý tài sản – Công ty Chứng khoán Hana
 - 04/2018 – 01/2021: Giám đốc – Ban Sản phẩm Dịch vụ Đầu tư – Công ty Chứng khoán Hana
 - 01/2021 – 11/2023: Giám đốc – Ban bán buôn Dịch vụ tài chính – Công ty Chứng khoán Hana
 - 18/11/2023 – nay: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị BSC
 - 01/12/2023 – nay: Phó Tổng Giám đốc BSC

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2023:

Đại diện sở hữu: 0,0000%.

Cá nhân sở hữu: 0,0000%.

Bà NGÔ THỊ PHONG LAN

Phó Tổng Giám đốc BSC kiêm Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm chuyên môn:
 - 6/2001 – 5/2005: Chuyên viên Phân tích – BSC
 - 06/2005 – 12/2006: Phó Trưởng phòng Nghiên cứu và Phát triển – Chi nhánh BSC
 - 12/2006 – 05/2007: Trưởng phòng Nghiên cứu và Phát triển – Chi nhánh BSC
 - 06/2007 – 12/2010: Trưởng phòng Đầu tư và Tư vấn tài chính – Chi nhánh BSC
 - 01/2011 – 03/2011: Trưởng phòng Tư vấn tài chính – Chi nhánh BSC
 - 03/2011 – 06/2014: Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Campuchia Việt Nam
 - 06/2014 – 10/2014: Trợ lý Tổng Giám đốc BSC
 - 27/10/2014 – nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh BSC



Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2023:

Đại diện sở hữu: 0,0000%.

Cá nhân sở hữu: 13.824 cổ phiếu, tương ứng 0,007%.



Ông PHẠM XUÂN ANH

Phó Tổng Giám đốc BSC

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Kinh nghiệm chuyên môn:
 - 1999 – 2005: Cán bộ tại Bộ Thương mại
 - 2005 – 2009: Chuyên viên phân tích tại Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC)
 - 2009 – 2011: Phó Trưởng phòng Phân tích và Tự doanh Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC)
 - 2012 – 2017: Trưởng phòng Tư vấn tài chính – Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC)
 - 2017 – 2020: Làm việc tại Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
 - 10/2020 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC)

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2023:

Đại diện sở hữu: 0,0000%.

Cá nhân sở hữu: 1 cổ phiếu, tương ứng 0,0001%.



Ông LÊ QUANG HUY

Phó Tổng Giám đốc BSC

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng
- Kinh nghiệm chuyên môn:
 - 2002 – 2005: Chuyên viên tín dụng Sở Giao dịch 1 – BIDV
 - 2005 – 2007: Phó trưởng phòng Tín dụng – BIDV Chi nhánh Quang Trung
 - 2007 – 2008: Phó trưởng phòng Tư vấn tài chính – BSC
 - 2008 – 2010: Trưởng phòng Tư vấn tài chính – BSC
 - 2010 – 2012: Trưởng phòng Tự Doanh – BSC
 - 2012 – 2018: Phó Tổng Giám đốc – BSC
 - 2018 – 2020: Làm việc tại Công ty Chứng khoán VCBS
 - 2020 – nay: Phó Tổng Giám đốc – BSC.

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2023:

Đại diện sở hữu: 0,0000%.

Cá nhân sở hữu: 0,0000%

Bà TRẦN NGỌC DIỆP

Kế toán trưởng BSC

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng
- Kinh nghiệm chuyên môn:
 - 11/2007 – 03/2011: Cán bộ phòng Tài chính kế toán – Hội sở BSC
 - 03/2011 – 01/2013: Phó Trưởng phòng Dịch vụ Chứng khoán – Hội sở BSC
 - 02/2013 – 11/2016: Phó Trưởng phòng Tài chính kế toán BSC
 - 11/2016 – nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC)

Số lượng cổ phiếu BSI nắm giữ tại thời điểm 31/12/2023:

Đại diện sở hữu: 0,0000%.

Cá nhân sở hữu: 0,0000%.



BAN KIỂM SOÁT



Bà PHẠM THANH THUỶ

Trưởng Ban Kiểm soát

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế
- Kinh nghiệm chuyên môn:
 - 2007 – 02/2009: Trưởng phòng TCKT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
 - 03/2009 – 06/2013: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
 - 07/2016 – nay: Phó Giám đốc Ban Tài chính – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
 - 04/2021 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát BSC

Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phiếu BSI tại 31/12/2023: 0,0000%

Bà VŨ MINH CHÂU

Thành viên Ban Kiểm soát

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính
- Kinh nghiệm chuyên môn:
 - 02/2006 – 11/2012: Cán bộ Ban Quản lý Đầu tư – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
 - 12/2012 – 11/2020: Phó Trưởng phòng Ban Quản lý Đầu tư – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
 - 12/2020 – nay: Trưởng phòng Ban Quản lý Đầu tư – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
 - 04/2021 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát BSC

Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phiếu BSI tại 31/12/2023: 0,0000%



Bà KANG HEE JOUNG

Thành viên Ban Kiểm soát

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- 2/2002 – 6/2005: Nhà phân tích – Trung tâm nghiên cứu – Công ty Chứng khoán Hana
- 6/2005 – 1/2009: Quản lý – Chi nhánh Gwangjangdong – Công ty Chứng khoán Hana
- 2/2009 – 12/2018: Quản lý – Khối Bán hàng Sản phẩm Tài chính – Công ty Chứng khoán Hana
- 1/2019 – 12/2020: Quản lý – Ban IPS – Công ty Chứng khoán Hana
- 1/2021 – 12/2022: Quản lý – Ban Quản trị rủi ro – Công ty Chứng khoán Hana
- 1/2023 – nay: Quản lý – Ban Thanh tra và Kiểm toán – Công ty Chứng khoán Hana
- 04/2023 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát BSC

Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phiếu BSI tại 31/12/2023: 0,0000%



Bà BÙI THỊ HỒNG NHUNG

Trưởng ban Kiểm toán nội bộ

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế ngân hàng
- Kinh nghiệm chuyên môn:
 - 2009 – 2014: Kế toán viên – Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV
 - 2014 – 2016: Chuyên viên Tổ chức hành chính – Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV
 - 2016 – 2022: Chuyên viên Dịch vụ chứng khoán – Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV
 - 2022 – 09/2023: Phó Trưởng phòng Dịch vụ chứng khoán – Công ty cổ phần chứng khoán BSC
 - 09/2023 – nay: Trưởng ban Kiểm toán nội bộ BSC

Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phiếu BSI tại 31/12/2023: 0,0000%



Ông PHÙNG MINH SƠN

Người phụ trách quản trị công ty

- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
- Kinh nghiệm chuyên môn:
 - 11/2007 – 10/2008: Chuyên viên Tín dụng cá nhân Ngân hàng HSBC tại Việt Nam
 - 11/2008 – 04/2010: Cán bộ phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
 - 04/2010 – 11/2011: Trưởng phòng Tư vấn tài chính – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sacombank
 - 12/2011 – 03/2020: Cán bộ Ban Quản lý đầu tư BIDV
 - 04/2020 – 08/2023: Phó Trưởng phòng – Ban Quản lý đầu tư BIDV
 - 09/2023 – 04/2023: Trưởng ban Kiểm toán nội bộ BSC
 - 04/2023 – nay: Người phụ trách quản trị công ty

Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phiếu BSI tại 31/12/2023: 0,0000%

Ông ĐỖ VĂN SƠN

Thư ký Công ty

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tiếng Hàn
- Kinh nghiệm chuyên môn:
 - 04/2019 – 12/2022: Đại diện Hãng hàng không Air Busan – Chi nhánh Hà Nội
 - 10/2020-02/2023: Giáo viên tiếng Hàn – Samsung Multicampus
 - 02/2023 – 04/2023: Chuyên viên Biên phiên dịch Tiếng Hàn – Văn phòng Hội đồng quản trị BSC
 - 04/2023 – nay: Thư ký Công ty

Tỷ lệ sở hữu cá nhân cổ phiếu BSI tại 31/12/2023: 0,0000%





2 Chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận



● Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IB):

Cung cấp các dịch vụ Ngân hàng đầu tư phù hợp quy định của pháp luật và quy định nội bộ của công ty trong từng thời kỳ, bao gồm nhưng không giới hạn: Tư vấn mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (M&A); tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp; tư vấn tài chính doanh nghiệp; Đại lý phát hành chứng khoán; Dịch vụ tư vấn bảo lãnh phát hành.

● Khối Đầu tư và Kinh doanh nguồn vốn:

Cân đối và quản lý nguồn vốn của Công ty; Nghiên cứu xây dựng và thực hiện chiến lược đầu tư của Công ty.

● Trung tâm Phân tích:

Xây dựng, quản lý và cung cấp hệ thống các báo cáo/sản phẩm phân tích phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, khách hàng/đối tác.

● Khối Công nghệ thông tin:

Xây dựng, phát triển, vận hành hệ thống hạ tầng CNTT phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty; Xây dựng, phát triển, vận hành hệ thống phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty.



● Khối Chiến lược và Chuyển đổi số:

Tham mưu, đề xuất Ban lãnh đạo công ty về chiến lược hoạt động kinh doanh của công ty trong từng thời kỳ; Xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược chuyển đổi số của công ty.

● Khối Kiểm soát tuân thủ:

Giám sát và kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty; Xây dựng chính sách quản trị rủi ro, theo dõi giám sát trạng thái rủi ro toàn Công ty; Đầu mối công tác pháp chế phục vụ hoạt động của Công ty.

● Khối Vận hành:

Cung cấp các dịch vụ liên quan đến hoạt động giao dịch, quản lý chứng khoán cho khách hàng/đối tác của công ty; Đầu mối tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ Ban điều hành công ty trong hoạt động quản trị nội bộ của Công ty.

● Khối Tư vấn Đầu tư:

Môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán; phát triển mở rộng các đối tượng khách hàng nhằm gia tăng thị phần Môi giới của Công ty; nghiên cứu, phát triển, quản lý các sản phẩm dịch vụ tài chính có liên quan đến hoạt động Môi giới.



● Ban điều hành công ty trong hoạt động quản trị nội bộ của Công ty:

quản trị kế hoạch kinh doanh, kế hoạch hoạt động của Công ty và Khối/Trung tâm/Chi nhánh; quản trị Kế toán tài chính, quản trị nhân sự, quản trị hành chính; quản trị các hoạt động Truyền thông – Marketing của Công ty.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

1 Tình hình hoạt động của Công ty năm 2023

Bối cảnh Kinh tế – xã hội năm 2023

Kinh tế thế giới năm 2023 diễn biến phức tạp, khó lường, thách thức hơn nhiều so với dự báo; tăng trưởng chậm khi các điểm nghẽn chưa được tháo gỡ như xung đột tại Trung Đông; chiến sự Nga – Ukraina; các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro; hoạt động xuất, nhập khẩu sụt giảm. Trong bối cảnh khó khăn như vậy, dưới sự chỉ đạo điều hành quyết liệt của Chính phủ; cùng sự tham gia tích cực, đồng lòng của các cấp, các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và người dân; kinh tế Việt Nam năm 2023 vẫn ghi nhận một số kết quả tích cực: tăng trưởng GDP đạt 5,05%, mặc dù không đạt kế hoạch đề ra nhưng vẫn ở mức cao so với các nước trong khu vực; chỉ số giá tiêu dùng bình quân kiểm soát ở mức 3,25%; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 683 tỷ USD, cán cân thương mại xuất siêu 28 tỷ USD.

Về chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt song song với việc triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát và bảo đảm an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng; tăng trưởng tín dụng toàn ngành ngân hàng đạt 13,5%.

Năm 2023, VN-Index trải qua nhiều biến động mạnh và khó lường. Trong những phiên đầu năm, VN-Index ghi nhận mức tăng điểm ấn tượng, có thời điểm lên tới 10,34% so với cuối năm 2022 nhờ vào kỳ vọng phục hồi đến từ việc Trung Quốc mở cửa trở lại sau Covid. Tuy nhiên ngay sau đó thị trường giảm điểm trở lại và giao dịch trầm lắng với thanh khoản sụt giảm mạnh, nguyên nhân chính đến từ sự suy giảm tăng trưởng của các nền kinh tế lớn, áp lực lạm phát, tỷ giá và căng thẳng địa chính trị ở nhiều khu vực trên thế giới. Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/12/2023, VNI đạt 1.130 điểm và HNX-Index đạt 231 điểm, tăng lần lượt 12,20% và 12,53% so với đầu năm. Giá trị giao dịch bình quân 1 phiên trên cả 3 sàn đạt 17.641 tỷ VND, giảm 13% so với bình quân năm 2022.

Bên cạnh đó, trong năm 2023 thị trường chứng khoán Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng trong việc xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai. Những bước tiến này bao gồm:

- Sự gia tăng về quy mô: Vốn hóa toàn thị trường đạt 244,76 tỷ USD, tăng 4,28% YoY và tương đương 57,47% GDP, trong đó vốn hóa tính riêng sàn HoSE là 188,13 tỷ USD.
- Thanh khoản thị trường chuyển biến tích cực từ tháng 5/2023 sau khi NHNN bắt đầu hạ lãi suất điều hành.
- Dòng tiền trong nước duy trì ổn định nhờ môi trường lãi suất thấp, là điểm tựa vững chắc giúp thị trường chứng khoán Việt Nam đứng vững trước áp lực bán rong của khối ngoại trong nhiều thời điểm.
- Năm 2023, Chính phủ và Ủy ban Chứng khoán đã nỗ lực thúc đẩy, xây dựng TTCK Việt Nam vững chắc theo hướng minh bạch, bền vững. Cụ thể, Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt triển khai các giải pháp nâng hạng thị trường chứng khoán, ra mắt hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, làm sạch số liệu tài khoản, xử lý nghiêm các vi phạm hành chính trên thị trường chứng khoán. Nhờ đó, TTCK Việt Nam đã có những bước phát triển tích cực.

Kết quả kinh doanh của BSC năm 2023

Trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động, song BSC đã đạt được những kết quả hoạt động ấn tượng. Tổng tài sản Công ty tại 31/12/2023 đạt 8.326 tỷ đồng, tăng 49% với cuối năm 2022. Lợi nhuận trước thuế Công ty năm 2023 đạt 509 tỷ đồng, tăng 3,4 lần so với mức thực hiện năm 2022 và là mức lợi nhuận kỷ lục trong lịch sử gần 25 năm hoạt động, qua đó giúp ROA đạt 5,9% và ROE đạt 9,0%.

Toàn bộ tài sản của BSC đều là tài sản sinh lời, được duy trì quản trị rủi ro chặt chẽ, giúp Công ty đảm bảo chất lượng tài sản tốt và tình hình tài chính lành mạnh.

Trong lĩnh vực công nghệ thông tin, trong năm vừa qua BSC đã cho ra mắt nền tảng giao dịch trực tuyến Webtrading phiên bản mới ngày 15/05/2023, đồng thời phát triển các tính năng mới cho nền tảng giao dịch trên điện thoại BSC Smart Invest. Cùng với đó, BSC đã hoàn thành các thử nghiệm về kỹ thuật khi triển khai kiểm thử hệ thống KRX, đạt kết quả đáp ứng 100% các yêu cầu kỹ thuật và cam kết sẵn sàng việc triển khai phục vụ khách hàng ngay khi hệ thống KRX chính thức đi vào hoạt động.

Với những kết quả đó, BSC tiếp tục được thị trường ghi nhận, đánh giá cao về chất lượng dịch vụ, nhận được nhiều giải thưởng danh giá do các Tạp chí tài chính lớn, uy tín trên thế giới như: Đứng đầu Bảng xếp hạng Đánh giá Nhà tạo lập thị trường Công cụ nợ của Chính phủ năm 2023 của Bộ Tài chính; Giải thưởng “**Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam**” do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng; Giải thưởng “Nhà phân tích định lượng/kỹ thuật xuất sắc nhất Việt Nam năm 2023” và Giải thưởng “Nhà môi giới khách hàng tổ chức tốt nhất Việt Nam năm 2023” do Tạp chí Asiamoney trao tặng cho các cán bộ BSC.



2 Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023

Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 của BSC hiện bao gồm các Ông/Bà sau:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Ngô Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Chung Jae Hoon	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
3	Ông Nguyễn Duy Viễn	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
4	Bà Nguyễn Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT
5	Ông Lim Do Kyoan	Ủy viên HĐQT độc lập

Các thành viên HĐQT của BSC đều là những nhân sự có kinh nghiệm về quản trị, pháp luật, tài chính và chứng khoán cũng như sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, thành viên độc lập HĐQT.

Vai trò, trách nhiệm và hoạt động của HĐQT trong năm 2023

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của BSC, HĐQT là cơ quan quản lý của công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội Đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).

Thực hiện các chức trách, nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ BSC, HĐQT đã thực hiện cân bằng 03 chức năng cơ bản bao gồm: (i) Thiết lập định hướng, chính sách và chiến lược; (ii) Giám sát toàn diện hoạt động của Công ty và (iii) Quyết định các vấn đề trọng yếu của Công ty.

HĐQT đã làm tốt vai trò lãnh đạo, định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty; ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách nhằm đảm bảo các hoạt động Công ty được vận hành thống nhất, hiệu quả. Đồng thời, HĐQT thực hiện công tác quản trị và giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và bất thường.

Trong năm 2023, nhằm thông qua những vấn đề lớn trong hoạt động của Công ty, HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp tập trung, 135 lần xin ý kiến bằng văn bản, qua đó đã ban hành 158 nghị quyết/quyết định. Các cuộc họp của HĐQT nhằm mục tiêu bàn bạc, thảo luận và thống nhất các quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT để kịp thời đưa ra những chỉ đạo trong điều hành hoạt động kinh doanh của BSC phù hợp với biến động của thị trường.

Danh mục về các cuộc họp của HĐQT, tỷ lệ tham dự của từng thành viên HĐQT và số lượng các Nghị quyết/Quyết định quan trọng do HĐQT ban hành đều được công bố đầy đủ tại Báo cáo quản trị Công ty theo đúng quy định của tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn

Các hoạt động chính của HĐQT trong năm 2023 như sau:

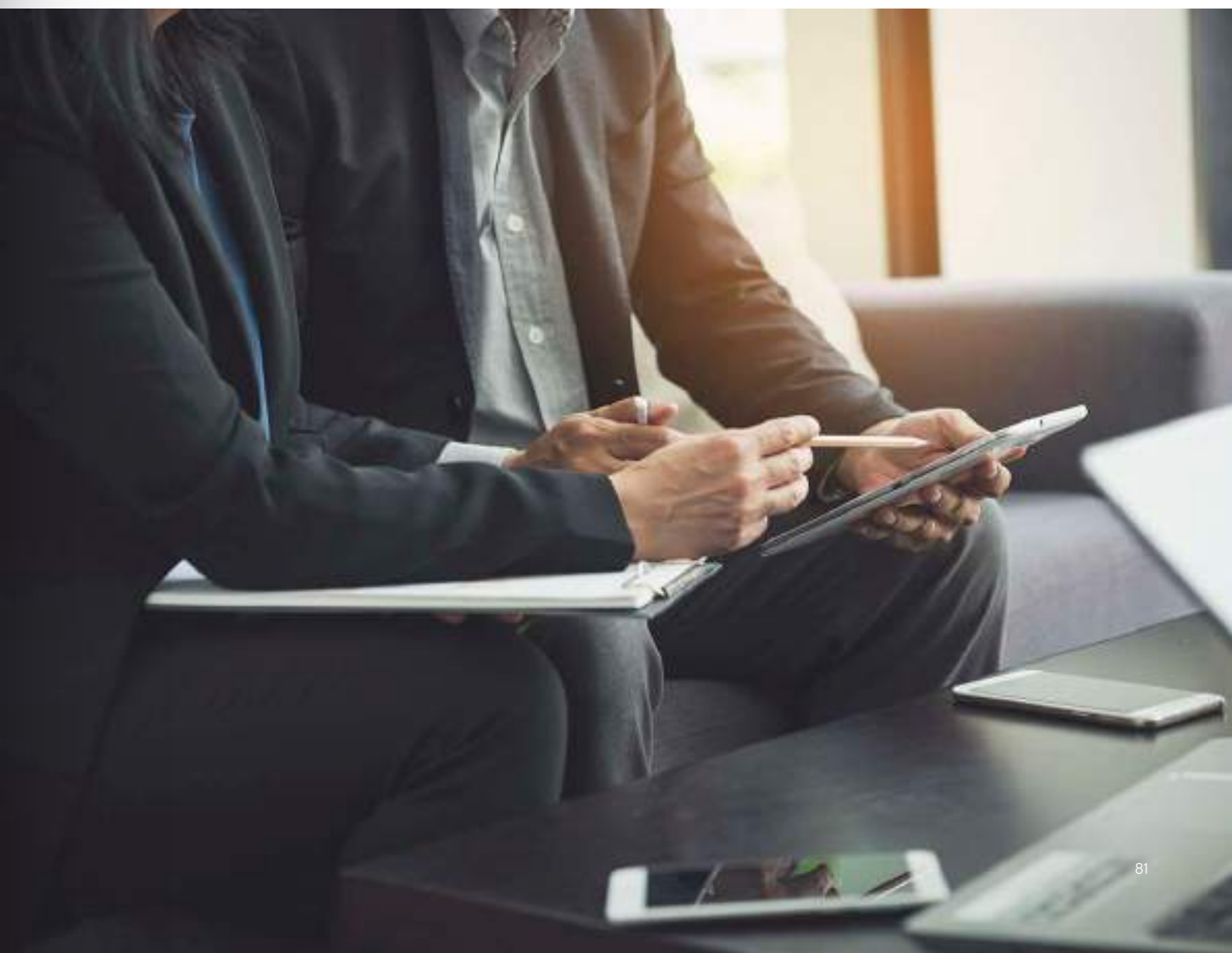
- Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2023 để trình ĐHĐCĐ phê duyệt;
- Thông qua Điều lệ Công ty sửa đổi theo tên công ty và vốn điều lệ mới;
- Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 vào ngày 14/04/2023 đúng quy định của Pháp luật hiện hành;
- Thông qua Phương án phát hành trái phiếu BSC năm 2023;
- Đánh giá KPI Công ty năm 2022 và năm 2023;
- Thông qua Phương án bán Cổ phiếu quỹ của Công ty;
- Ban hành Chính sách quản trị rủi ro năm 2023;
- Thông qua đề xuất ký Biên bản ghi nhớ về việc hợp tác toàn diện giữa BIDV-BSC-KIM Vietnam;
- Thông qua Chiến lược đầu tư năm 2023;
- Ban hành Quy chế thu chi nội bộ thay thế quy định thu chi nội bộ hiện hành của BSC;
- Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- Phê duyệt ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các Tiểu ban trực thuộc HĐQT;
- Thông qua việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn;
- Giám sát việc công bố các thông tin định kỳ và bất thường theo quy định;
- Ban hành Quy chế Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và chấm dứt việc giữ chức vụ đối với cán bộ;
- Đôn đốc và giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch Kinh doanh năm 2023;
- Tiếp tục kiện toàn nhân sự các Ban và Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị;
- Thông qua các giao dịch vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc, thuộc thẩm quyền của HĐQT

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám Đốc

Theo quy định Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, Tổng Giám Đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Để thực hiện giám sát có hiệu quả, HĐQT thực hiện việc giám sát thông qua các hình thức:

- Giám sát thông qua hệ thống thông tin báo cáo định kỳ, bất thường;
- Giám sát thông qua các đơn vị giúp việc/tham mưu cho HĐQT gồm: Văn phòng HĐQT; Ban Kiểm toán Nội bộ; Tiểu Ban Quản trị rủi ro; Tiểu ban Chính sách Phát triển; Tiểu ban Nhân sự Tiền lương;
- Giám sát trực tiếp: Thông qua việc HĐQT trực tiếp thực hiện việc giám sát, xem xét chỉ đạo Ban điều hành trên nguyên tắc trung thực, cẩn trọng, khách quan.

HĐQT ban hành các Nghị quyết để thông qua các những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT. Đồng thời theo thẩm quyền, HĐQT cung cấp các hướng dẫn chiến lược, nhận định tình hình thị trường và tình hình kinh tế tổng quan để hỗ trợ rà soát các chiến lược, kế hoạch kinh doanh. HĐQT thường xuyên trao đổi, nắm bắt thông tin từ Ban Điều hành và các tiểu ban, đơn vị trực thuộc nhằm giám sát việc triển khai kế hoạch và điều chỉnh khi cần thiết, giúp đạt được các mục tiêu chiến lược BSC đề ra



Hoạt động của các Ban/ Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Mô hình quản trị công ty đã được kiện toàn bao gồm các Ban/Tiểu ban của HĐQT phụ trách các vấn đề về Kiểm toán nội bộ, Quản lý rủi ro, Nhân sự – tiền lương, Chính sách phát triển để giúp cho HĐQT thực hiện các chức năng này.

Các Ban/Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng tham mưu cho HĐQT về các vấn đề chuyên môn như sau:

● Ban Kiểm toán nội bộ:

- Thực hiện các cuộc kiểm toán nội bộ để tham mưu cho HĐQT, Ban Điều hành hoàn thiện các quy trình quy định nội bộ phù hợp với mục tiêu quản trị, chính sách kinh doanh;
- Rà soát Báo cáo tài chính và chỉ tiêu An toàn tài chính;
- Kiểm toán hoạt động Phòng chống rửa tiền 2022 tại BSC;
- Báo cáo đánh giá tình hình, hiệu quả hoạt động và các rủi ro thua lỗ tiềm ẩn trong hoạt động kinh doanh của công ty;
- Xây dựng và tham mưu cho HĐQT phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm.

● Tiểu ban Quản trị rủi ro:

- Tham mưu cho HĐQT ban hành chính sách quản trị rủi ro;
- Đánh giá và đề xuất các phương án xử lý đối với rủi ro trong danh mục đầu tư;
- Tham mưu cho HĐQT xử lý kịp thời các vướng mắc trong công tác QTRR dựa trên báo cáo định kỳ của Tổng Giám đốc, Phòng QTRR và các bộ phận liên quan đến hoạt động QTRR;
- Thực hiện chức năng kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty.

● Tiểu ban Nhân sự – Tiền lương:

- Tham mưu cho HĐQT ban hành Quy chế Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và chấm dứt việc giữ chức vụ đối với cán bộ;
- Tham mưu cho HĐQT về công tác Xếp loại thi đua khen thưởng;
- Tham mưu cho HĐQT về công tác Đánh giá KPI Công ty;
- Tham mưu cho HĐQT về công tác Tổ chức và đánh giá cán bộ;
- Đề xuất chính sách lương thưởng của Công ty.

● Tiểu ban Chính sách phát triển:

- Tham mưu cho HĐQT về chiến lược và thực hiện chính sách phát triển của công ty;
- Xác định và triển khai các ưu tiên hoạt động trong từng giai đoạn cũng như đánh giá hiệu quả hoạt động trong dài hạn của công ty.

3 Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024

Trong năm 2024, BSC sẽ tiếp tục tập trung phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh và hướng tới mục tiêu xác lập vị thế là một trong những công ty chứng khoán top đầu của thị trường trong nước, hoạt động lành mạnh và hiệu quả cao. Để góp phần đạt được mục tiêu đề ra, HĐQT BSC sẽ tiếp tục đồng hành và sát cánh cùng Ban điều hành để định hướng và chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty, với các kế hoạch hoạt động trong năm 2024 như sau:

- Nâng cao chất lượng hệ thống giám sát, điều hành của HĐQT để nâng cao hiệu quả chỉ đạo của HĐQT trong việc triển khai kế hoạch kinh doanh hàng năm;
- Bám sát diễn biến thị trường, và hoạt động kinh doanh của Công ty để có chỉ đạo phù hợp triển khai đồng bộ các giải pháp để gia tăng hiệu quả kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận, đảm bảo lợi ích cho cổ đông.
- Tiếp tục chỉ đạo triển khai các dự án đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật khi đưa vào vận hành hệ thống KRX trong mọi trường hợp, thực hiện công tác chuyển đổi số, tích hợp sâu vào từng hoạt động tại công ty để cung cấp đầy đủ các chức năng, tiện ích, đáp ứng việc triển khai các sản phẩm và dịch vụ mới;
- Phối hợp chặt chẽ cùng cổ đông chiến lược trong thúc đẩy các hoạt động hợp tác kinh doanh để mở rộng thị trường, gia tăng thị phần và mang lại lợi ích lâu dài cho Công ty;
- Tiếp tục xây dựng và triển khai văn hoá đề cao văn hóa doanh nghiệp, văn hóa kiểm soát rủi ro, môi trường làm việc tin cậy, văn minh và tính trách nhiệm với cộng đồng. Tìm kiếm, triển khai các biện pháp gia tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng môi trường làm việc cho người lao động.



Phụ lục 1: NỘI DUNG CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT BSC NĂM 2023

STT	Họ và Tên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Ngô Văn Dũng	6/6	100%	
2	Ông Chung Jae Hoon	6/6	100%	
3	Ông Nguyễn Duy Viễn	6/6	100%	
4	Bà Nguyễn Thanh Huyền	6/6	100%	
5	Ông Lim Do Kyoan	6/6	100%	

Phụ lục 2: NỘI DUNG CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT BSC NĂM 2023

STT		Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	07/NQ-BSC	05/01/2023	Phê duyệt giá trị thương hiệu BSC	100%
2	18/NQ-BSC	16/01/2023	Phê duyệt Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2023	100%
3	16/NQ-BSC	12/01/2023	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng của BSC	100%
4	106/QĐ-BSC	10/02/2023	Phê duyệt Ban hành Quy chế Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và chấm dứt việc giữ chức vụ đối với cán bộ	100%
5	21/NQ-BSC	18/01/2023	Đánh giá KPI Công ty năm 2022	100%
6	22/NQ-BSC	30/01/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
7	91/NQ-BSC	30/01/2023	Phê duyệt nội dung và ban hành Chính sách quản trị rủi ro năm 2023	100%
8	104/NQ-BSC	07/02/2023	Phê duyệt Kế hoạch đào tạo năm 2023	100%
9	104/NQ-BSC	07/02/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
10	108/QĐ-BSC	13/02/2023	Điều động và Bổ nhiệm Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	100%
11	109/QĐ-BSC	13/02/2023	Bổ nhiệm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ	100%
12	110/QĐ-BSC	13/02/2023	Xếp lương đối với Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	100%
13	119/NQ-BSC	15/02/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
14	122/NQ-BSC	16/02/2023	Quyết toán thù lao thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm năm 2022	100%
15	130/NQ-BSC	21/02/2023	Kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	100%
16	140/NQ-BSC	23/02/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
17	147/NQ-BSC	06/03/2023	Phê duyệt báo cáo đầu tư tiền gửi	100%
18	148A/NQ-BSC	06/03/2023	Phê duyệt Đầu tư Chứng chỉ tiền gửi	100%
19	149/NQ-BSC	06/03/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
20	151/QĐ-BSC	08/03/2023	Thành tích xuất sắc tiêu biểu đối với Bộ phận cho vay margin – Phòng Phát triển sản phẩm BSC	100%
21	152/QĐ-BSC	08/03/2023	Thành tích xuất sắc tiêu biểu đối với Bộ phận cho vay margin – Phòng Phát triển sản phẩm BSC	100%

22	153/QĐ-BSC	08/03/2023t	Thành tích xuất sắc tiêu biểu đối với Tổ công tác BSC tham gia đàm phán bán vốn cho đối tác chiến lược HANA Securities	100%
23	154/QĐ-BSC	08/03/2023	Thành tích xuất sắc tiêu biểu đối với Bộ phận Pháp chế – Phòng Quản trị rủi ro BSC	100%
24	155/QĐ-BSC	08/03/2023	Thành tích xuất sắc tiêu biểu đối với Phòng Tư vấn đầu tư khách hàng tổ chức HO	100%
25	156/QĐ-BSC	08/03/2023	Thành tích xuất sắc tiêu biểu đối với Phòng Tư vấn đầu tư khách hàng tổ chức chi nhánh	100%
26	157/QĐ-BSC	08/03/2023	Thành tích xuất sắc tiêu biểu đối với Tổ công tác triển khai các dự án chuyển đổi số	100%
27	158/QĐ-BSC	08/03/2023	Thành tích xuất sắc tiêu biểu đối với Phòng Kinh doanh nguồn vốn & trái phiếu BSC	100%
28	159/QĐ-BSC	08/03/2023	Xếp loại đánh giá ý thức tổ chức kỷ luật cá nhân năm 2022	100%
29	207/NQ-BSC	08/03/2023	Xếp loại thi đua khen thưởng năm 2022	100%
30	216/NQ-BSC	09/03/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
31	192/NQ-BSC	10/03/2023	Phê duyệt Báo cáo Kinh tế – kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án “Trang bị CSVC và hạ tầng kỹ thuật phần diện tích mở rộng tại Trụ sở BSC”	100%
32	199/NQ-BSC	13/03/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
33	207/NQ-BSC	16/03/2023	Phê duyệt ký sửa đổi, bổ sung Phụ lục số: 01/HĐHT-BIDV-BSC Hợp đồng hợp tác phát triển khách hàng ngày 07/02/2022	100%
34	216/NQ-BSC	22/03/2023	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
35	217/NQ-BSC	23/03/2023	Thông qua tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	100%
36	218/NQ-BSC	23/03/2023	Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2023 của BSC để trình ĐHĐCĐ phê duyệt	100%
37	219/NQ-BSC	23/03/2023	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận 2023 của BSC để trình ĐHĐCĐ phê duyệt	100%
38	220/NQ-BSC	23/03/2023	Thông qua Phương án xử lý Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty để trình ĐHĐCĐ phê duyệt	100%
39	221/NQ-BSC	23/03/2023	Phê duyệt phương án thay đổi tên công ty và sửa đổi nội dung Điều lệ công ty tương ứng để trình ĐHĐCĐ	100%

40	222/NQ-BSC	23/03/2023	Phê duyệt bộ quy chuẩn logo mới của BSC, Nhận diện thương hiệu theo màu sắc và Phương án thiết kế bảng biển theo nhận diện thương hiệu mới	100%
41	219A/NQ-BSC	27/03/2023	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
42	241/NQ-BSC	05/04/2023	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
43	261/NQ-BSC	25/04/2023	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
44	259/NQ-BSC	25/04/2023	Phê duyệt chủ trương và dự toán gói dịch vụ “Lựa chọn đơn vị kiểm toán/ soát xét BCTC và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính BSC cho năm tài chính 2023 đến 2025	100%
45	263/QĐ-BSC	25/04/2023	Miễn nhiệm chức vụ Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị Công ty	100%
46	219A/NQ-BSC	25/04/2023	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	100%
47	264/QĐ-BSC	25/04/2023	Bổ nhiệm Thư ký Công ty	100%
48	323/NQ-BSC	08/05/2023	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	100%
49	326/NQ-BSC	09/05/2023	Phê duyệt đề xuất thay đổi tên chi nhánh/phòng giao dịch của Công ty	100%
50	328/NQ-BSC	11/05/2023	Phê duyệt kế hoạch trang bị tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023	100%
51	329/NQ-BSC	11/05/2023	Phê duyệt chi khen thưởng hoạt động điều hành đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành BSC	100%
52	338/NQ-BSC	17/05/2023	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng của BSC	100%
53	336/NQ-BSC	17/05/2023	Phê duyệt bổ sung mục đích tài trợ cho hạn mức tín dụng của BSC	100%
54	337/NQ-BSC	17/05/2023	Phê duyệt áp dụng vị trí đối với các đơn vị mới thành lập tại MHTC BSC để có cơ sở trả lương KPI cho cán bộ năm 2023	100%
55	384/NQ-BSC	25/05/2023	Phê duyệt chiến lược đầu tư năm 2023	80%
56	359/NQ-BSC	02/06/2023	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu năm 2022 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	100%
57	365/NQ-BSC	06/06/2023	Thông qua việc đầu tư giấy tờ có giá	100%
58	368/NQ-BSC	07/06/2023	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
59	376/NQ-BSC	12/06/2023	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%

60	588/NQ-BSC	21/06/2023	Thông qua đề xuất sử dụng hạn mức tín dụng	100%
61	589/NQ-BSC	23/06/2023	Thông qua phương án phát hành 5 mã Chứng quyền dựa trên cổ phiếu ACB, MWG, SSI, STB và TCB	100%
62	587/NQ-BSC	23/06/2023	Cập nhật Điều lệ liên quan đến việc thay đổi tên Công ty	100%
63	408/NQ-BSC	28/06/2023	Phê duyệt kiện toàn nhân sự Văn phòng HĐQT và Ban Kiểm toán nội bộ	80%
64	417/NQ-BSC	30/06/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
65	418/NQ-BSC	30/06/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
66	419/NQ-BSC	05/07/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
67	428/NQ-BSC	06/07/2023	Phê duyệt đề xuất bổ sung cơ hội đầu tư và hạ lãi suất đầu tư tối thiểu với sản phẩm giấy tờ có giá	100%
68	436/NQ-BSC	10/07/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
69	438/NQ-BSC	10/07/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
70	449/NQ-BSC	13/07/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
71	450/NQ-BSC2	13/07/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
72	41/NQ-BSC	20/07/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
73	467/NQ-BSC	24/07/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
74	468/NQ-BSC4	24/07/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
75	69/NQ-BSC	25/07/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
76	473/NQ-BSC	26/07/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
77	477/NQ-BSC	27/07/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
78	478/NQ-BSC	27/07/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
79	489/NQ-BSC	01/08/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
80	538/NQ-BSC	02/08/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
81	539/NQ-BSC	03/08/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
82	541/NQ-BSC	03/08/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
83	542/NQ-BSC	03/08/2023	Thông qua điều chỉnh mức lương đóng BHXH đối với một số nhân sự cấp cao	100%
84	545/NQ-BSC	09/08/2023	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
85	556/NQ-BSC	15/08/2023	Phê duyệt việc thuê địa điểm làm trụ sở Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	100%
86	561/NQ-BSC	17/08/2023	Phê duyệt điều chỉnh hạn mức tín dụng	100%

87	562/NQ-BSC	18/08/2023	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
88	563/NQ-BSC	17/08/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
89	564/NQ-BSC	17/08/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
90	589/NQ-BSC	17/08/2023	Phê duyệt kiện toàn nhân sự Văn phòng HĐQT và Ban Kiểm toán nội bộ	100%
91	573/NQ-BSC	21/08/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
92	574/NQ-BSC	22/08/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
93	575/NQ-BSC	22/08/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
94	581/NQ-BSC	24/08/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
95	582/NQ-BSC	24/08/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
96	586/NQ-BSC	28/08/2023	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
97	593/NQ-BSC	31/08/2023	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
98	594/NQ-BSC	31/08/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
99	621/NQ-BSC	31/08/2023	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
100	623/NQ-BSC	11/09/2023	Thông qua phương án phát hành trái phiếu năm 2023	
101	625/NQ-BSC	06/09/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
102	627/NQ-BSC	07/09/2023	Thông qua hủy đăng ký chào bán chứng quyền đối với mã chứng khoán cơ sở SSI trong đợt phát hành lần 1/2023	100%
103	646/NQ-BSC	18/09/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
104	647/NQ-BSC	18/09/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
105	648/NQ-BSC	19/09/2023	Cập nhật Điều lệ theo vốn Điều lệ mới của công ty	100%
106	650/NQ-BSC	19/09/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
107	651/NQ-BSC	20/09/2023	Thông qua đề xuất hạn mức vay vốn cá nhân và tổ chức (không phải TCTD) tại BSC	100%
108	652/NQ-BSC	20/09/2023	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
109	659/NQ-BSC	25/09/2023	Thông qua chủ trương đầu tư xây dựng công trình “Trang bị cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật Trụ sở mới Chi nhánh BSC TPHCM”	100%
110	661/NQ-BSC	28/09/2023	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
111	662/NQ-BSC	28/09/2023	Thông qua đề xuất cho phép Người có liên quan tới Công ty được thực hiện giao dịch mua Trái phiếu BSC	100%
112	666/NQ-BSC	29/09/2023	Thông qua Phương án bán Cổ phiếu quỹ của Công ty	100%

113	667/NQ-BSC	29/09/2023	Thông qua đề xuất ký kết biên bản ghi nhớ về việc hợp tác toàn diện giữa BIDV – BSC – KIM VIETNAM	100%
114	675/NQ-BSC	04/10/2023	Phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu Trang bị tài sản CNTT năm 2023	100%
115	686/NQ-BSC	10/10/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
116	688/NQ-BSC	18/10/2023	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
117	694/NQ-BSC	24/10/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
118	697/NQ-BSC	25/10/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
119	696/NQ-BSC	27/10/2023	Thông qua đề xuất kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh đối với bà Ngô Thị Phong Lan	100%
120	772/NQ-BSC	06/11/2023	Phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án “Trang bị cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật Trụ sở mới chi nhánh BSC TPHCM”	100%
121	784/QĐ-BSC	13/11/2023	Quyết định thành lập Hội đồng lương cấp cao BSC	100%
122	785/QĐ-BSC	13/11/2023	Quyết định xếp lương đối với cán bộ	100%
123	786/QĐ-BSC	13/11/2023	Quyết định xếp lương đối với cán bộ	100%
124	787/QĐ-BSC	13/11/2023	Quyết định xếp lương đối với cán bộ	100%
125	788/QĐ-BSC	13/11/2023	Quyết định xếp lương đối với cán bộ	100%
126	789/QĐ-BSC	13/11/2023	Quyết định xếp lương đối với cán bộ	100%
127	790/QĐ-BSC	13/11/2023	Quyết định xếp lương đối với cán bộ	100%
128	791/NQ-BSC	14/11/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
129	792/NQ-BSC	14/11/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
130	793/NQ-BSC	14/11/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
131	797/NQ-BSC	15/11/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
132	799/NQ-BSC	17/11/2023	Thông qua Báo cáo Cập nhật kế hoạch chi phí chung 09 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2023	100%
133	810/NQ-BSC	17/11/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
134	813/NQ-BSC	20/11/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
135	835/NQ-BSC	29/11/2023	Thông qua điều chỉnh kế hoạch hoạt động của Kiểm toán nội bộ trong Quý IV/2023	100%
136	845/QĐ-BSC	01/12/2023	Quyết định Ban hành Quy định thu chi nội bộ thay thế cho Quy định thu chi nội bộ được ban hành tại Quyết định số 588/QĐ-BSC ngày 08/08/2017	100%

137	847/NQ-BSC	05/12/2023	Phê duyệt chủ trương tham gia Quỹ Hưu trí tự nguyện cho cán bộ BSC	100%
138	848/QĐ-BSC	05/12/2023	Quyết định xếp lương đối với cán bộ	100%
139	849/QĐ-BSC	05/12/2023	Quyết định xếp lương đối với cán bộ	100%
140	850/QĐ-BSC	05/12/2023	Quyết định xếp lương đối với cán bộ	100%
141	851/QĐ-BSC	05/12/2023	Quyết định xếp lương đối với cán bộ	100%
142	863/NQ-BSC	08/12/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
143	865/NQ-BSC	12/12/2023	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
144	866/NQ-BSC	12/12/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
145	867/NQ-BSC	13/12/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
146	868/NQ-BSC	13/12/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
147	884NQ-BSC	20/12/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
148	886/NQ-BSC	21/12/2023	Phê duyệt sử dụng hạn mức tín dụng	100%
149	887/NQ-BSC	21/12/2023	Phê duyệt chủ trương mua phần mềm tạo lập thị trường chứng quyền và ETF	100%
150	900/NQ-BSC	27/12/2023	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án “Trang bị cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật phần diện tích mở rộng tại Trụ sở BSC”	100%
151	901/NQ-BSC	28/12/2023	Phê duyệt phương án vay vốn của BSC	100%
152	902/QĐ-BSC	28/12/2023	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban Quản trị rủi ro	100%
153	903/QĐ-BSC	28/12/2023	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban Chính sách phát triển	100%
154	904/QĐ-BSC	28/12/2023	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban Nhân sự – Tiền lương	100%
155	905/NQ-BSC	28/12/2023	Phê duyệt quyết toán thù lao thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm năm 2023	100%
156	908/NQ-BSC	29/12/2023	Phê duyệt xếp loại đánh giá hoàn thành nhiệm vụ và Quyết toán quỹ lương năm 2023 của BSC	80%
157	909/NQ-BSC	29/12/2023	Phê duyệt thay đổi điều kiện tài sản đảm bảo hạn mức tín dụng	100%
158	915/NQ-BSC	29/12/2023	Phê duyệt Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2024	100%



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1 Cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

ĐHĐCĐ 14/04/2023 đã thông qua việc miễn nhiệm, bầu bổ sung các thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026, theo đó, thành phần BKS BSC bao gồm ba (03) thành viên:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Ngày bắt đầu là thành viên BKS
1	Bà Phạm Thanh Thủy	Trưởng Ban	Được bầu làm trưởng Ban Kiểm soát kể từ ngày 10/04/2021
2	Bà Vũ Minh Châu	Thành Viên	Được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát kể từ ngày 10/04/2021
3	Bà Kang Hee Joung	Thành viên	Được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát kể từ ngày 14/04/2023



2 Báo cáo hoạt động của BKS trong năm 2023

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát với tư cách đại diện cổ đông BSC, đã thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định, kiến nghị những thay đổi cần thiết trong hoạt động kinh doanh, công tác quản trị rủi ro, công tác quản trị – điều hành Công ty, góp phần cùng HĐQT và Ban Điều hành triển khai kế hoạch kinh doanh và các nhiệm vụ liên quan theo phê duyệt của ĐHĐCĐ.

Ban Kiểm soát đã thực hiện đúng chức trách, vai trò, quyền hạn theo quy định pháp luật, Điều lệ BSC và Quy chế hoạt động của BKS Công ty, đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, TGD và các cổ đông. Trưởng BKS và các kiểm soát viên đã hoàn thành vai trò trách nhiệm trong thực thi kế hoạch mà BKS đề ra, cụ thể:

Giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ hoạt động của BSC, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, công tác quản trị – điều hành của HĐQT và Tổng Giám đốc, giám sát hoạt động và tính hiệu lực, hiệu quả của bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện đầy đủ nhiệm vụ giám sát hoạt động của BSC trong việc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ hoạt động của BSC, các thay đổi về quy định pháp luật, hoạt động kinh doanh, công tác quản trị – điều hành của HĐQT và Tổng Giám đốc để kịp thời đưa ra các vấn đề cần lưu ý, khuyến nghị góp phần đảm bảo hoạt động của BSC phù hợp với quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả kinh doanh

Dưới sự giám sát của Ban Kiểm soát, năm 2023 Công ty đã đạt được kết quả ấn tượng trong hoạt động kinh doanh như: Tổng tài sản Công ty tại 31/12/2023 đạt 8.326 tỷ đồng, tăng 49% với cuối năm 2022; Lợi nhuận trước thuế Công ty năm 2023 đạt 509 tỷ đồng, tăng 3,4 lần so với thực hiện năm 2022.

Ngoài ra, Ban Kiểm soát cũng duy trì giám sát hoạt động và tính hiệu lực, hiệu quả của bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro để kịp thời đưa ra những định hướng để các đơn vị này hoàn thành tốt nhiệm vụ, đáp ứng đầy đủ về tính hiệu lực, hiệu quả và chất lượng trong hoạt động



Giám sát HĐQT, Ban Điều hành trong việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023 đã được thông qua

Qua công tác kiểm tra, giám sát năm 2023, Ban Kiểm soát đánh giá HĐQT, Ban Điều hành đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng với luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:

● Công tác quản trị công ty của Hội đồng quản trị

Năm 2023, HĐQT đã tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế quản trị của công ty. HĐQT đã triển khai và thực hiện có hiệu quả các nội dung tại Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp trực tiếp, trong các phiên họp HĐQT, các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm nhằm mục tiêu trao đổi thảo luận và thống nhất các quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. Chỉ đạo kịp thời các hoạt động kinh doanh của công ty theo diễn biến của thị trường đảm bảo lợi ích và quyền lợi của cổ đông trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động. Đồng thời, HĐQT đã thực hiện 135 lần xin ý kiến bằng văn bản để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền.

Với vai trò lãnh đạo định hướng chỉ đạo, quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh của công ty, trong năm HĐQT đã ban hành 158 Nghị quyết/Quyết định, chủ yếu liên quan đến các hoạt động nghiệp vụ làm cơ sở cho Ban điều hành triển khai thực hiện.

● Công tác quản trị công ty của Tổng giám đốc

Cùng với Ban Điều hành, Tổng Giám Đốc đã chỉ đạo Công ty triển khai đầy đủ, kịp thời các Quyết định, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, nỗ lực duy trì hoạt động kinh doanh Công ty ở mức tích cực trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động; chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành kinh doanh; phát huy hiệu quả bộ máy tổ chức và quản lý doanh nghiệp.

Trong bối cảnh TTCK có nhiều biến động, ảnh hưởng tới khả năng thực hiện kế hoạch, Tổng Giám đốc đã thường xuyên, kịp thời báo cáo HĐQT các kết quả hoạt động, khó khăn, vướng mắc trong kinh doanh của Công ty, đồng thời chủ động đưa ra các quyết định điều hành nhằm giảm thiểu thiệt hại và tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Năm 2023, Tổng Giám đốc đã nỗ lực cao trong quản trị – điều hành BSC, một mặt đảm bảo lợi nhuận và lợi ích của cổ đông trong bối cảnh thị trường chung đặc biệt khó khăn.

HĐQT, TGD cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu, nghị quyết họp HĐQT và các tài liệu khác phục vụ công tác của BKS. BKS được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT, đóng góp các ý kiến độc lập để đảm bảo các quyết định là tối ưu trong duy trì quyền và lợi ích của cổ đông và các bên liên quan.

Giám sát tình hình thực hiện các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ 2023

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu KHKD năm 2023:

Chỉ tiêu	KHKD 2023	Thực hiện tại 31/12/2023	% hoàn thành kế hoạch 2023
Lợi nhuận trước thuế	565 tỷ đồng	509 tỷ đồng	90,1%
Hệ số an toàn tài chính (%)	≥ 260%	820%	Hoàn thành

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023

Công ty phân phối lợi nhuận năm 2022 theo đúng phương án đã được ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt; thực hiện chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt 5%, bằng cổ phiếu 5%. Trong năm 2023, Công ty chưa thực hiện phân phối lợi nhuận của năm 2023.

Tăng vốn cổ phần từ nguồn VCSH:

Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn VCSH với tỷ lệ 3%.

Thù lao HĐQT, BKS năm 2023:

Trong năm 2023, BSC đã chi trả thù lao năm 2023 tới thành viên HĐQT và Ban KS theo quy định với tổng số tiền 5.485.482.802 VNĐ, nằm trong phạm vi ngân sách ĐHĐCĐ phê duyệt tại Nghị quyết số 02/NQ – ĐHĐCĐ thông qua ngày 14/04/2023, trong đó tổng thù lao cho các thành viên chuyên trách là 5,269,482,802VNĐ; Tổng thù lao cho các thành viên HĐQT không chuyên trách và thành viên BKS không chuyên trách là 216.000.000 VNĐ

Như vậy, ngoài việc chưa hoàn thành mục tiêu lợi nhuận chủ yếu do yếu tố khách quan chung từ thị trường, BSC thực hiện đầy đủ các nội dung được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023.

Về công tác thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng và báo cáo tài chính năm của Công ty:



Các báo cáo tài chính của công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán, kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, bán niên, năm đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

Ban Kiểm soát đã xem xét, có ý kiến và thống nhất các số liệu trong Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên và cả năm 2023; đưa ra các ý kiến rà soát gửi Ban điều hành để hoàn thiện, đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán.

Các nội dung của báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên và năm 2023 đã đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành, được soát xét/kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập có uy tín trên thị trường, phản ánh đúng đắn, trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại các thời điểm và thời kỳ. Các báo cáo tài chính được công bố thông tin tới cổ đông một cách kịp thời, theo đúng quy định hiện hành áp dụng cho công ty niêm yết

Giám sát, đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác rà soát, giám sát định kỳ đối với hoạt động của Công ty. Qua kết quả giám sát, Ban Kiểm soát đã có những đánh giá, nhận diện các vấn đề, rủi ro tiềm ẩn, thực hiện kiến nghị HĐQT, Ban Điều hành để chỉ đạo khắc phục, xử lý các tồn tại.

Ngoài ra, Ban Kiểm soát cũng đã thực hiện đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty để đưa ra các khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động này.

Công tác rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan

Trong năm 2023, Công ty có hợp đồng/giao dịch với 07 Bên có liên quan. Qua rà soát, các hợp đồng/giao dịch kể trên là hợp đồng cung cấp dịch vụ, giao dịch thường xuyên với BIDV hoặc các bên có liên quan để phối hợp cung cấp dịch vụ cho khách hàng, phát triển hoạt động bán chéo sản phẩm; ký kết biên bản ghi nhớ về việc hợp tác và giao dịch mua trái phiếu với người liên quan. Đây đều là những giao dịch đảm bảo được lợi ích của BSC, góp phần gia tăng nguồn vốn cho Công ty và thúc đẩy hợp tác bán hàng với các bên liên quan, qua đó góp phần gia tăng lợi nhuận cho Công ty và lợi ích cho Cổ đông



3 Định hướng hoạt động năm 2024

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ; Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, BKS dự kiến trọng tâm công tác năm 2024 như sau:

- Giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ hoạt động của BSC, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, công tác quản trị – điều hành của HĐQT và Tổng Giám đốc, giám sát hoạt động và tính hiệu lực, hiệu quả của bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024.
- Tham dự, tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định.
- Giám sát việc ban hành, điều chỉnh các văn bản nội bộ của Công ty nhằm đáp ứng yêu cầu từ cơ quan quản lý hoặc khi có thay đổi trong các văn bản pháp lý liên quan, chỉnh sửa và ban hành các văn bản phục vụ hoạt động của BKS.
- Thẩm định, soát xét tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, xem xét các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty; thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định.

4 Kiến nghị đối với Công ty trong năm 2024

Thông qua việc giám sát các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2023, đối với năm 2024, BKS kiến nghị, đề xuất như sau:

- Năm 2024 dự kiến tiếp tục là năm có nhiều thách thức đối với nền kinh tế và TTCK. Do đó, BSC cần nỗ lực ở mức cao nhất, phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ phân giao.
- Trong năm 2024, Công ty cần tiếp tục có những chia sẻ toàn diện lĩnh vực nghiệp vụ chuyên môn, quản trị – điều hành, chuyển giao công nghệ, phát triển sản phẩm, dịch vụ hiện đại từ đối tác chiến lược HSC, tiếp tục tận dụng cơ hội từ sự hợp tác giữa BSC và HSC để gia tăng lợi ích cho Công ty và Cổ đông.
- Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin nâng cao tính ổn định, an toàn hệ thống, tăng năng lực hoạt động công nghệ thông tin, nâng cấp các tiện ích giao dịch, các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng số nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cho khách hàng.
- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra giám sát, kiểm toán nội bộ để phát hiện, cảnh báo và đưa ra các biện pháp chấn chỉnh, phòng ngừa kịp thời trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

1 Chế độ thù lao của HĐQT và BKS

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát BSC năm 2023 được ĐHCĐ phê duyệt tại ĐHCĐ thường niên năm 2023 ngày 14/4/2023. Theo đó, chế độ thù lao (trước thuế Thu nhập cá nhân) cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cụ thể như sau:

Thành viên chuyên trách:

Hưởng lương theo quy chế thu nhập của công ty.

Thành viên không chuyên trách:

Chủ tịch Hội đồng Quản trị	10.000.000 đồng/tháng
Thành viên Hội đồng Quản trị	5.000.000 đồng /tháng
Trưởng Ban Kiểm soát	5.000.000 đồng/ tháng
Thành viên Ban Kiểm soát	3.000.000 đồng/ tháng

Ghi chú: Mức thù lao chi trả cho thành viên HĐQT, BKS là trước thuế thu nhập cá nhân

2 Thu nhập của HĐQT, BKS và Ban Giám đốc

Năm 2023	16.578.382.437 VND
Năm 2022	12.789.878.968 VND
Năm 2021	11.968.408.461 VND

3 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ công ty

Trong năm 2023, BSC không ghi nhận giao dịch cổ phiếu của người nội bộ của công ty.

4 Hợp đồng hoặc Giao dịch với các bên liên quan

STT	Tên tổ chức / cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ	
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Công ty mẹ	0100150619 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở KHĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/04/1993, Đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 01/03/2023	Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	

Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
2023		Doanh thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu 72.343.446.510 VNĐ Chi phí dịch vụ giao dịch 41.875.942.631 VNĐ Chi phí dịch vụ thanh toán 257.502.259 VNĐ Thu hộ tiền cho vay cầm cố của khách hàng 819.262.785.669 VNĐ Chi hộ cho vay cầm cố cho khách hàng 862.572.226.560 VNĐ Số dư tiền gửi của Công ty tại BIDV 219.883.973.598 VNĐ Số dư tiền gửi của nhà đầu tư tại BIDV 2.226.528.550.220 VNĐ Đầu tư vào cổ phiếu (lô lẻ) 1.369.646.596 VNĐ Đầu tư vào trái phiếu 13.560.357.538 VNĐ Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn 1.211.240.192.867 VNĐ Dự thu lãi tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu 27.655.209.021 VNĐ Phải trả phí dịch vụ giao dịch 2.460.775.260 VNĐ Phải trả lãi hoạt động cho vay ký quỹ 1.146.871.708 VNĐ

2	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC)	Công ty con của BIDV	0100931299	Tầng 11, 263 Cầu Giấy, Hà Nội	
3	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia	Công ty con của BIDV	B7.09.148	#370, Monivong Blvd, Boeung Keng Kang I, Chamkarmon, Phnom Penh, Cambodia	
4	Công ty TNHH Chứng khoán Hana	Cổ đông lớn	CB1827	Uisadang-daero, Yongdeungpo-gu, Seoul	
5	Phạm Thanh Thủy	Trưởng Ban kiểm soát		Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội	
6	Phạm Xuân Anh	Phó Tổng Giám đốc		Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Hà Nội	
7	Lê Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc		Tràng Tiển, Hoàn Kiếm Hà Nội	

	Nghị quyết HĐQT số 207/NQ-BSC ngày 16/03/2023	Phê duyệt ký sửa đổi, bổ sung Phụ lục số: 01/HĐHT-BIDV-BSC Hợp đồng hợp tác phát triển khách hàng ngày 07/02/2022
	Nghị quyết số 667/NQ-BSC ngày 29/09/2023	Thông qua đề xuất ký kết biên bản ghi nhớ về việc hợp tác toàn diện giữa BIDV – BSC – KIM VIETNAM
2023		Doanh thu phí môi giới chứng khoán 225.071.386 vnd Chi phí mua bảo hiểm 912.022.819 vnd Đầu tư vào cổ phiếu (lô lẻ) 302.793 vnd
2023	#370, Monivong Blvd, Boeung Keng Kang I, Chamkarmon, Phnom Penh, Cambodia	Doanh thu lãi tiền gửi 2.191.806 vnd Số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại BIDC 10.000.000.000 vnd Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại BIDC 2.191.781 vnd
2023		Chi phí cho nhân sự phái cử 8.622.794.308 vnd
2023	Nghị quyết số 662/NQ-BSC Ngày 28/09/202	Mua trái phiếu BSC 41.600.000.000 vnd
2023	Nghị quyết số 662/NQ-BSC Ngày 28/09/2023	Mua trái phiếu BSC 2.000.000.000 vnd
2023	Nghị quyết số 662/NQ-BSC Ngày 28/09/2023	Mua trái phiếu BSC 2.000.000.000 vnd

BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

104

Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững

105

Định hướng phát triển bền vững toàn diện

106

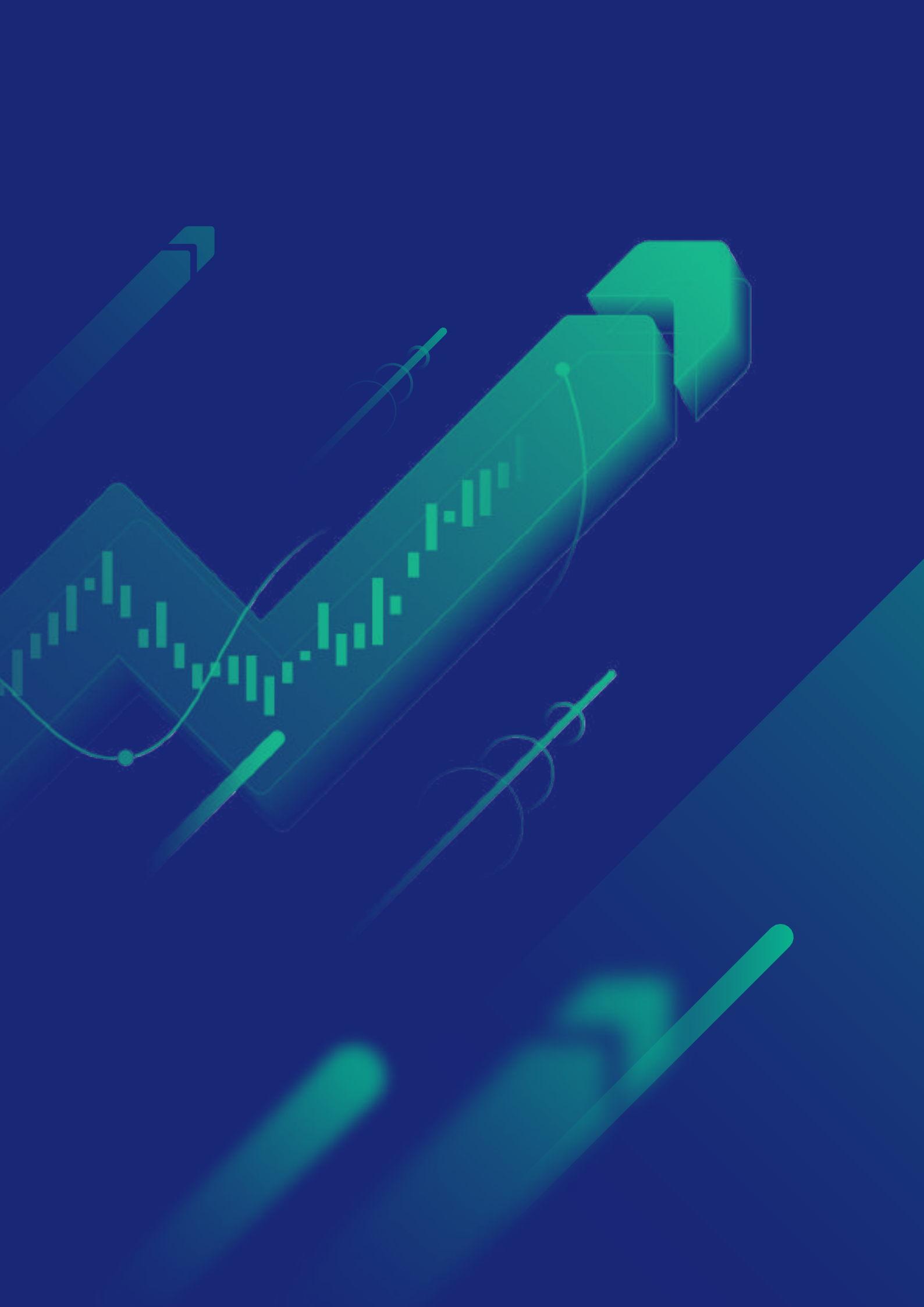
Quản trị phát triển bền vững

112

Đảm bảo cam kết với các bên liên quan

129

GRI công bố thông tin



TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Thị trường chứng khoán luôn nhiều biến động và chưa đựng những rủi ro khó lường nhưng sau hơn hai thập kỷ xây dựng và trưởng thành, BSC luôn vững vàng vị thế là một trong những công ty chứng khoán uy tín hàng đầu thị trường. nỗ lực để đổi mới, tiên phong đón đầu xu thế, BSC không ngừng phát triển hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm với chất lượng tốt nhất gửi trao Khách hàng. Với đội ngũ nhân sự trẻ trung cùng trái tim nhiệt huyết yêu nghề, hăng say cống hiến, BSC luôn sẵn sàng ứng biến với thay đổi của thị trường và bắt kịp đà phát triển của xu thế công nghệ mới. Bên cạnh đó, yếu tố phát triển bền vững luôn được coi trọng trong tất cả mọi hoạt động của BSC. Báo cáo Phát triển bền vững được chúng tôi xây dựng như một hệ quy chiếu đến tất cả các hoạt động của công ty nhằm tổng hợp, đánh giá và công bố ngắn gọn những hoạt động hướng đến sự bền vững trong cả năm 2023. Báo cáo tổng hợp các khía cạnh về định hướng phát triển bền vững toàn diện và đảm bảo cam kết với các bên liên quan. Đây cũng là ấn phẩm thể hiện nỗ lực công khai, minh bạch trong việc công bố thông tin đến các bên liên quan bao gồm cổ đông, khách hàng, đối tác, cơ quan quản lý và người lao động gia, từ đó tăng giá trị mang lại cho cổ đông, góp phần phát triển cộng đồng và xã hội, cũng như xây dựng uy tín, thương hiệu của Công ty.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TOÀN DIỆN

Là một trong những Công ty Chứng khoán uy tín hàng đầu thị trường, BSC luôn chú trọng mang lại sự hài lòng toàn diện cho khách hàng trên từng dịch vụ, sản phẩm cung cấp, cân bằng và đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông, người lao động, và đảm bảo trách nhiệm với các bên liên quan, hướng đến tăng trưởng bền vững, nền tảng phát triển lâu dài.

Mô hình phát triển bền vững



Kinh tế

Quan điểm phát triển bền vững về kinh tế luôn được đặt lên hàng đầu đối với BSC. 2023 là một năm thị trường Chứng khoán không có nhiều điểm sáng, BSC đã kiểm soát tốt rủi ro, thực hiện các biện pháp nhằm tối ưu hoá các nguồn lực để cạnh tranh và phát triển, đem lại giá trị bền vững cho cổ đông, đóng góp cho sự phát triển của nền kinh tế. Bên cạnh đó, Chúng tôi luôn tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu về chỉ tiêu tài chính và các giới hạn đầu tư theo Luật quy định nhằm đảm bảo tăng trưởng ổn định, an toàn và bảo vệ quyền lợi cho các cổ đông.



Xã hội

Với phương châm không chỉ tập trung phát triển kinh tế, thực hiện trách nhiệm xã hội vì sự phát triển của cộng đồng cũng được Chúng tôi quan tâm. Những hoạt động phát triển xã hội như chung tay phòng chống dịch bệnh, thiên tai; đầu tư, xây dựng các chương trình phát triển giáo dục liên tục được đẩy mạnh góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.



Môi trường

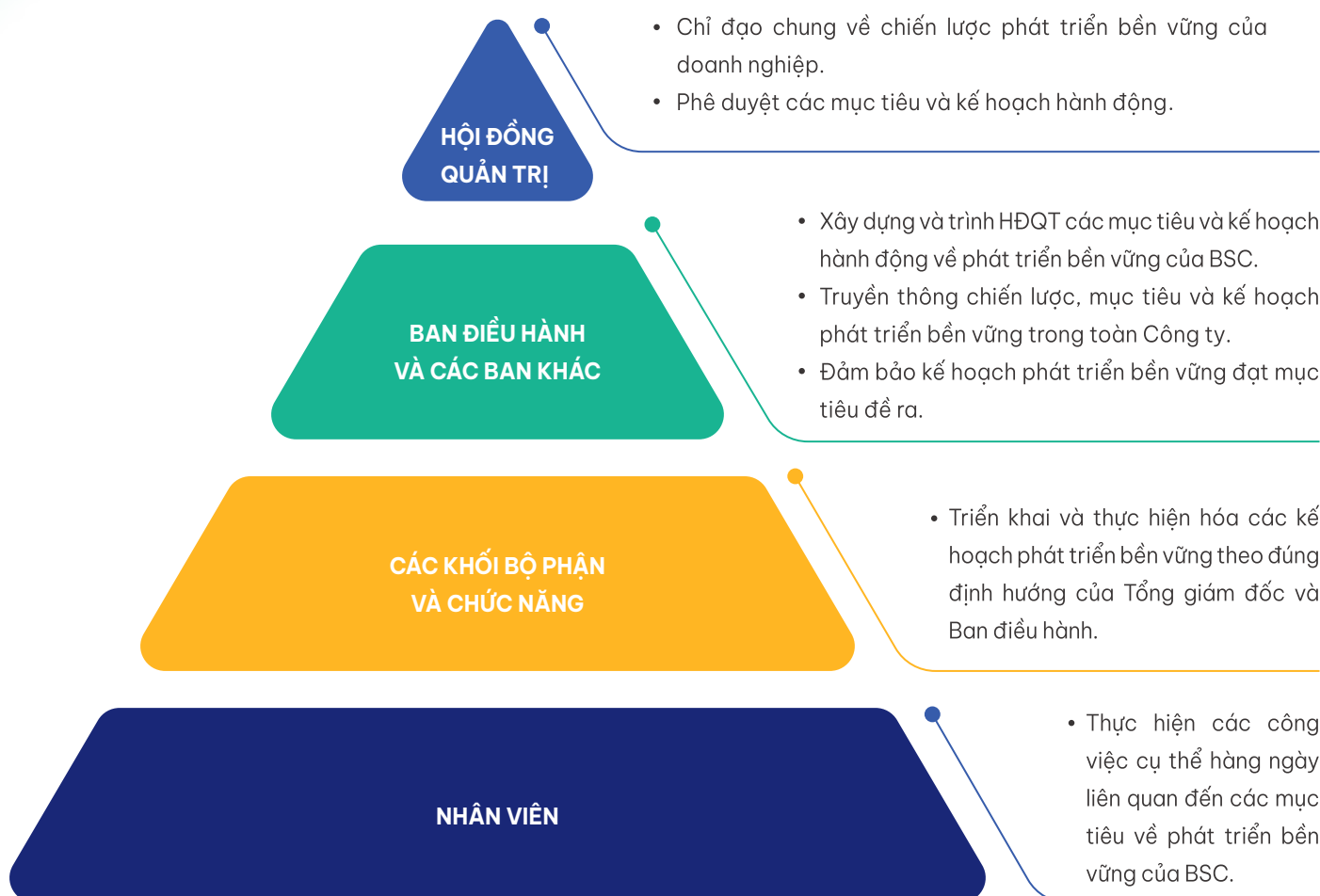
Đánh giá cao tầm quan trọng của yếu tố môi trường đến cuộc sống và sự phát triển kinh tế, đối với những vấn đề về môi trường và tiết kiệm năng lượng BSC rất quan tâm và chú trọng.

QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1 Mô hình quản trị về phát triển bền vững

Công tác quản trị bền vững của BSC được xây dựng dựa trên những thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong khu vực và trên thế giới, song song với việc tuân thủ chặt chẽ quy định của Pháp luật Việt Nam về quản trị công ty đại chúng. Cơ chế quản trị về phát triển bền vững tại BSC được xây dựng thống nhất và xuyên suốt, nhằm triển khai hoạt động kinh doanh một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả.

Mô hình quản trị về phát triển bền vững



2 Phương thức tương tác và tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan

Với nỗ lực không ngừng phát triển, BSC luôn sẵn sàng tiếp nhận phản hồi, đóng góp ý kiến từ tất cả các bên liên quan như khách hàng, cổ đông... để từ đó có đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên và cũng là cơ sở để tiếp tục nâng cao, phát triển hoạt động kinh doanh của công ty. Với mỗi nhóm đối tượng, BSC sẽ có các cách thức tiếp cận thông tin khác nhau đồng thời BSC luôn nỗ lực đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các kênh cung cấp thông tin, phát triển hệ thống tiếp nhận các ý kiến, thông tin phản hồi với các bên liên quan thông qua đa dạng các kênh, cụ thể:

Bên liên quan	Kênh tương tác / tiếp nhận ý kiến
Khách hàng	Thông qua việc gặp gỡ trực tiếp tại Hội sở, Chi nhánh. Trung tâm hỗ trợ khách hàng, Tổng đài chăm sóc khách hàng, Zalo Official Account, Email... Các kênh kết nối với các nhà đầu tư, bao gồm website, mạng xã hội các buổi hỏi đáp và email thường xuyên về kết quả hoạt động kinh doanh. Khảo sát mức độ hài lòng. Các buổi hội thảo và hội nghị.
Cổ đông	Thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên, bất thường) hay thông qua các kênh liên lạc khác: website, email, điện thoại của công ty.
Cơ quan quản lý	Tiếp nhận các ý kiến, thông tin phản hồi thông qua việc tham dự các hội nghị/hội thảo/hệ thống giao tiếp điện tử của các cơ quan quản lý nhà nước (nếu có). Tham gia góp ý các dự thảo, chính sách khi được yêu cầu.
Các hiệp hội và tổ chức chuyên nghiệp	Các hiệp hội gồm: - Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam - Hiệp hội thị trường Trái phiếu Việt Nam
Nhân viên	Họp tổng kết hàng tháng, quý, bán niên, cả năm. Các kênh truyền thông nội bộ: Điện thoại nội bộ, trực tuyến, conference và email. Các chương trình đào tạo nội bộ, các sự kiện định kỳ của công ty.
Cộng đồng và thế hệ trẻ	Các sự kiện của các tổ chức sinh viên và các trường đại học, tiếp nhận sinh viên xuất sắc vào thực tập. Các chương trình từ thiện, an sinh xã hội; các hoạt động môi trường và cộng đồng.
Báo chí và truyền thông	Các buổi hội thảo và phỏng vấn, cung cấp thông tin cho báo chí.

3 Quản trị rủi ro

BSC luôn coi trọng công tác quản trị rủi ro và đảm bảo tuân thủ theo các quy định của UBCKNN. Hệ thống quản trị rủi ro hoàn chỉnh và thống nhất giúp BSC có tầm nhìn khách quan nhất về các mặt hoạt động của mình. Khả năng chủ động phát hiện các rủi ro tiềm tàng, quản lý rủi ro luôn là một lợi thế để giúp BSC ngăn chặn và hạn chế một cách có hiệu quả những tổn thất do các rủi ro gây ra.

Hàng năm, BSC xây dựng và ban hành chính sách rủi ro làm cơ sở cho hoạt động quản trị rủi ro thường xuyên và thiết lập khung quản trị rủi ro nhằm: xác định khẩu vị rủi ro đảm bảo nguyên tắc gắn kết với các mục tiêu và chiến lược kinh doanh của BSC, và xác định khả năng chấp nhận rủi ro của BSC.

Quy trình quản trị rủi ro tại BSC được xây dựng đầy đủ, chi tiết, bao gồm: nhận diện rủi ro, đo lường và phân tích rủi ro, đánh giá rủi ro, xử lý rủi ro, báo cáo và theo dõi rủi ro.



Dựa trên nền tảng hệ thống quản trị rủi ro, BSC đã xây dựng các chương trình hành động áp dụng chính sách quản trị rủi ro vào từng loại rủi ro trong năm 2023:

Loại rủi ro	Quản trị rủi ro tại BSC
Rủi ro hoạt động	BSC chuẩn hóa quy trình và các chốt chặn kiểm soát thông qua việc xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung các chính sách và quy trình đối với từng nghiệp vụ như môi giới, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư... trong đó quy định rõ vai trò và trách nhiệm của từng vị trí đối với từng công việc cụ thể. Đây là công cụ cơ bản để nâng cao tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm giảm thiểu rủi ro. Cùng với đó, các biện pháp quản trị rủi ro khác được áp dụng bao gồm: xây dựng và giám sát các thông số đo lường rủi ro tuân thủ, nhân sự, gián đoạn giao dịch,...; triển khai và hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống giám sát và cảnh báo sự cố; xây dựng và bổ sung các kịch bản diễn tập cho việc xử lý các sự cố liên quan đến CNTT; quản lý việc truy cập, phân quyền truy cập theo chức năng – nhiệm vụ đối với từng bộ phận nhằm nâng cao tính bảo mật của hệ thống...
Rủi ro thị trường	BSC thực hiện đo lường giá trị rủi ro thị trường hàng ngày theo quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính, kết hợp với hệ thống báo cáo định kỳ tại BSC. Hàng năm, BSC xây dựng các thông số đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro từng nghiệp vụ kinh doanh tiềm ẩn rủi ro thị trường (tự doanh cổ phiếu, trái phiếu...) đảm bảo phù hợp với kế hoạch kinh doanh, chiến lược đầu tư và khẩu vị rủi ro của BSC. Các thông số đo lường rủi ro này được tính toán, theo dõi thường xuyên và cảnh báo kịp thời tới cấp thẩm quyền khi có sự kiện vi phạm ngưỡng cảnh báo. Hàng tuần, các phòng kinh doanh được thông báo về giới hạn kiểm soát hạn mức đầu tư từng tuần. Ngoài ra, cơ cấu danh mục đầu tư được quản lý hàng tháng thông qua báo cáo phân tích giá trị thuần của các khoản đầu tư nhằm cung cấp các thông tin về mức độ tập trung rủi ro và các tiêu chí đánh giá bao gồm: đơn vị phát hành/ đối tác, lĩnh vực/ ngành nghề, loại đầu tư, kỳ hạn...
Rủi ro thanh toán	BSC thực hiện đo lường giá trị rủi ro thanh toán hàng ngày theo quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính. Hàng năm, BSC xây dựng các thông số đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro từng nghiệp vụ kinh doanh tiềm ẩn rủi ro thanh toán (tự doanh trái phiếu, cho vay ký quỹ...) đảm bảo phù hợp với kế hoạch kinh doanh và khẩu vị rủi ro của BSC. Các thông số đo lường rủi ro này được theo dõi, đánh giá định kỳ và được cảnh báo kịp thời tới cấp thẩm quyền khi có sự kiện vi phạm ngưỡng cảnh báo. Định kỳ hàng tháng và hàng quý, BSC thực hiện đánh giá về mức độ rủi ro thanh toán của danh mục trái phiếu đầu tư và danh mục cho vay ký quỹ dựa trên các thông tin cập nhật trên thị trường và mô hình xếp hạng cổ phiếu do BSC xây dựng nhằm nhận diện, sàng lọc và giảm thiểu mức độ rủi ro thanh toán cho BSC.

BSC xây dựng bộ chỉ số thanh khoản mục tiêu áp dụng dựa trên Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính. BSC luôn duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền hợp lý để đáp ứng cho các hoạt động của BSC và giúp ổn định thanh khoản.

Rủi ro thanh khoản

Hàng tháng, BSC lập báo cáo phân tích chỉ số thanh khoản, xác định dòng tiền ra, dòng tiền vào và mức chênh lệch thanh khoản thực tế theo thang kỳ hạn nhằm đánh giá về khả năng/ trạng thái thanh khoản của BSC trong kỳ báo cáo.

Ngoài ra, hàng quý BSC lập báo cáo phân tích dòng tiền cho các hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính, qua đó phân tích và đánh giá những xu hướng sử dụng và huy động vốn trong kỳ.

BSC chủ động cập nhật các thay đổi của văn bản pháp luật và đánh giá những tác động của việc thay đổi các chính sách liên quan đến hoạt động của BSC.

Rủi ro pháp lý

Đồng thời, BSC chủ động rà soát, chuẩn hóa các quy trình, chính sách, phân cấp ủy quyền của các nghiệp vụ để đảm bảo phù hợp với các thay đổi pháp lý, đồng thời thống nhất nội dung, tránh các văn bản, quy định rời rạc, thiếu nhất quán.

4 Bộ quy tắc ứng xử

Bộ quy tắc ứng xử tại BSC được xây dựng và truyền thông rộng rãi đến tất cả các cá nhân trong công ty nhằm xây dựng một tập thể vững mạnh, đoàn kết, hướng tới sự phát triển lâu dài. Bộ quy tắc ứng xử của chúng tôi luôn đặt yếu tố ý thức con người lên hàng đầu, bao gồm những đặc điểm, phẩm chất làm kim chỉ nam cho các hành vi, tình huống đối xử giữa các đồng nghiệp trong công ty, đề cao sự sáng tạo, nhân phẩm mỗi cá nhân, tạo ra môi trường hoàn toàn bình đẳng, thoải mái để các nhân viên có thể hoàn thành tốt công việc của mình, tuyệt đối nói không với chèn ép, bắt nạt và các hành vi quấy rối, đảm bảo sự riêng tư và tuyệt mật đối với từng người. Bộ quy tắc được thể hiện qua các đặc điểm sau:



5 Tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp

Tuân thủ pháp luật

BSC luôn cam kết và nỗ lực hành động để đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, thông lệ quốc tế và các hợp đồng, thỏa thuận, giao dịch đã được BSC ký kết với các khách hàng, đối tác nhằm đáp ứng cho sự phát triển an toàn, bền vững. BSC không chấp nhận bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy định nội bộ, vi phạm nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp. Mọi chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động của BSC đều được nhận diện, theo dõi, đảm bảo việc chấp hành và phòng, tránh các hành vi vi phạm tuân thủ. Hoạt động tuân thủ pháp luật tại BSC được triển khai đồng bộ và toàn diện dựa trên các nội dung:

Luôn bám sát và thường xuyên cập nhật hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, quy định pháp luật và thông lệ quốc tế liên quan đến các hoạt động của công ty

Xây dựng và ban hành hệ thống văn bản, quy trình, quy định nội bộ nhằm hướng dẫn và đảm bảo thực thi tuân thủ trong các hoạt động của công ty; Ứng dụng sâu rộng và mạnh mẽ nền tảng công nghệ thông tin vào tất cả các hoạt động của công ty, từ đó nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ nhân viên, hiệu quả của hoạt động và hạn chế các hành vi vi phạm;

Tăng cường hoạt động đào tạo nghiệp vụ, các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp cho toàn thể cán bộ, nhân viên của BSC, góp phần xây dựng văn hóa tuân thủ, theo đó, mọi cán bộ, nhân viên BSC luôn hiểu, làm đúng và tự nguyện tuân thủ;

Xây dựng hệ thống giám sát tuân thủ, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp thông lệ quốc tế; Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, đánh giá tuân thủ trong toàn bộ hoạt động quản lý, vận hành của công ty;

Kiến nghị và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hoạt động tuân thủ tại BSC.

Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong giao dịch với khách hàng và các đối tác:

- BSC luôn phục vụ và hỗ trợ khách hàng, đối tác, cổ đông theo chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cao nhất, nỗ lực đạt lợi thế cạnh tranh tốt nhất thông qua việc không ngừng cải thiện, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đồng thời không chấp nhận bất cứ hành vi vi phạm pháp luật, gian lận, vi phạm đạo đức nghề nghiệp để trục lợi hoặc cạnh tranh không lành mạnh.
- BSC duy trì và nâng cao hình ảnh uy tín, sự tin tưởng đối với đối tác, khách hàng, cổ đông, tăng cường phối hợp và trao đổi với các cơ quan quản lý nhà nước trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật trong nước, pháp luật quốc tế và các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, ứng xử mà BSC ban hành. BSC mong muốn xây dựng niềm tin, sự tin nhiệm của khách hàng, đối tác thông qua văn hóa làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả trên cơ sở thượng tôn pháp luật và cạnh tranh lành mạnh.



ĐẢM BẢO CAM KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN



1 Đảm bảo quyền và lợi ích tối đa cho cổ đông

Minh bạch thông tin

Công bố thông tin

Là công ty đại chúng, doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán, BSC luôn đề cao tính minh bạch, chính xác và kịp thời trong hoạt động công bố thông tin. Trong năm 2023 việc công bố thông tin của BSC tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ của công ty, Quy chế Công bố thông tin và đảm bảo các bên liên quan có thể tiếp cận dễ dàng với các thông tin đã được BSC công bố.

Lựa chọn đơn vị kiểm toán

Để đảm bảo tính minh bạch, BSC luôn lựa chọn một trong bốn công ty kiểm toán hàng đầu tại Việt Nam (Big4) đã được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm và soát xét các báo cáo tài chính bán niên. Trong năm 2023, BSC đã thực hiện ký kết hợp đồng và lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán Ernst & Young Việt Nam (EY) là đơn vị thực hiện công tác kiểm toán cho BSC trong giai đoạn từ 2023 đến 2025.

Tối đa hóa lợi ích cho cổ đông

Chi trả cổ tức

Tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông là điều mà BSC luôn hướng tới. Việc này được BSC cụ thể hóa bằng việc trong năm 2023, BSC đã thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông của BSC. Trong đó, BSC trả cổ tức bằng tiền cho năm tài chính 2022 với tỷ lệ cụ thể là 5%/mệnh giá cổ phiếu (500 đồng/cổ phiếu) tại ngày 04/08/2023 cho các cổ đông có tên trong danh sách chốt hưởng quyền tại ngày 06/07/2023.

Bên cạnh việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt, BSC cũng đã hoàn thành thực hiện việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ thực hiện 5%), thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu/phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông (tỷ lệ thực hiện 3%) cho các cổ đông trong danh sách chốt quyền tại ngày 06/07/2023.

• **Trả cổ tức bằng tiền mặt**
5% / mệnh giá cổ phiếu

• **Trả cổ tức bằng cổ phiếu**
tỷ lệ thực hiện **5%**

• **Phát hành cổ phiếu thưởng**
tỷ lệ thực hiện **3%**

Quan hệ cổ đông

BSC luôn duy trì các kênh liên lạc với cổ đông từ online qua email hay qua kênh liên lạc trực tiếp bằng văn bản, điện thoại... Bên cạnh đó, BSC cũng sẵn sàng lắng nghe các ý kiến, phản hồi hay giải đáp các thắc mắc (nếu có) từ phía các cổ đông thông qua các kênh liên lạc nêu trên nhằm mục đích đảm bảo tối đa quyền lợi của các cổ đông.

Đảm bảo quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Trong năm 2023, BSC đã thực hiện tổ chức 01 cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên được BSC tổ chức thành công ngay trong lần họp đầu tiên tại ngày 14/04/2023.

Tham gia họp ĐHĐCĐ

Việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ, tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ đều được BSC thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của BSC tại ngày đăng ký cuối cùng cho cuộc họp ĐHĐCĐ đều được gửi thông báo mời họp với các thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ.

Toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của BSC đảm bảo thời gian hai mươi mốt (21) ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ.

Biên bản họp, Nghị quyết của cuộc họp ĐHĐCĐ được đều được công bố thông tin đúng thời hạn tới các cơ quan quản lý và đăng tải công khai, kịp thời trên trang thông tin điện tử của BSC sau khi kết thúc Đại hội. Các nội dung được đăng tải thể hiện đầy đủ các thông tin, nội dung đã được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, các quy định nội bộ của công ty và đảm bảo cho tất cả các cổ đông, kể cả các cổ đông không tham dự cũng nắm bắt được các nội dung quan trọng tại Đại hội.

Biểu quyết tại ĐHĐCĐ

Trong trường hợp cổ đông không thể tham dự trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ, BSC tạo điều kiện để cổ đông được ủy quyền cho người khác tham dự và thực hiện quyền biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền khi tham dự Đại hội đều được phát Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết theo mẫu của BSC. Cổ đông dùng Thẻ biểu quyết để thông qua các vấn đề chung được thảo luận và lấy ý kiến thông qua tại Đại hội. Việc biểu quyết của cổ đông tại Đại hội được thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và quy chế tổ chức Đại Hội đồng cổ đông được thông qua tại Đại hội.

Đảm bảo quyền bình đẳng đối với tất cả cổ đông

BSC luôn đảm bảo công bằng, bình đẳng, bảo vệ quyền lợi đối với tất cả các cổ đông. Do đó, việc cung cấp thông tin một cách minh bạch và đầy đủ tới tất cả cổ đông, đảm bảo sự bình đẳng, không phân biệt cổ đông thiểu số/đa số hay cổ đông trong/ngoài nước là điều mà BSC luôn hướng tới để thực hiện.

Quản trị xung đột về lợi ích

Việc ngăn ngừa, hạn chế tối đa xung đột về lợi ích đặc biệt là trong các giao dịch với người có liên quan, người nội bộ (nếu có) đều được BSC kiểm soát, thực hiện một cách công khai minh bạch. Các giao dịch với người liên quan, người nội bộ (nếu có) được BSC ghi nhận trong các báo cáo như Báo cáo quản trị, Báo cáo tài chính... Các báo cáo này được thực hiện công bố thông tin theo quy định và công khai thông tin tới các cổ đông, đảm bảo quản trị xung đột về lợi ích.



2 Nỗ lực nâng cao trải nghiệm khách hàng qua từng điểm chạm

Tối ưu trải nghiệm của khách hàng luôn là kim chỉ nam trong mọi hoạt động của BSC. Bám sát định hướng này, trong năm 2023, BSC tiếp tục đẩy mạnh đầu tư hạ tầng công nghệ để gia tăng trải nghiệm, cung cấp các sản phẩm mới đa dạng, thuận tiện hơn tới khách hàng, tiêu biểu như:

Ra mắt WebTrading phiên bản mới

Không ngừng nỗ lực cải tiến để mang đến những trải nghiệm hoàn thiện cho mỗi khách hàng, tháng 05/2023, BSC chính thức ra mắt phiên bản nâng cấp của Web Trading với nhiều tính năng đột phá, là bước đi giúp BSC bứt phá trên hành trình gia tăng điểm “chạm” với khách hàng.

Hướng tới mục tiêu mang đến “một nền tảng, mọi giao dịch” cho nhà đầu tư, BSC Web Trading phiên bản mới được thiết kế với nhiều tính năng ưu việt, đột phá hơn so với phiên bản cũ: Tích hợp giao dịch chứng khoán cơ sở – phái sinh – chứng quyền – ETFs trên một nền tảng; Bổ sung tính năng “Chuyên mục thị trường” hỗ trợ nhà đầu tư theo dõi bao quát mọi biến động của thị trường; Đặt lệnh dễ dàng ngay trên bảng giá; Đặt lệnh pro với hệ thống thông tin chuyên sâu; Thiết kế giao diện màn hình theo khẩu vị riêng ...



Nâng cấp bộ lệnh điều kiện trong giao dịch chứng khoán

Năm 2023, BSC hoàn thiện nâng cấp bộ lệnh điều kiện áp dụng cho cả chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh trên tất cả các kênh giao dịch, gồm các lệnh: Lệnh Stop Limit, lệnh Trailing Stop, lệnh OCO và lệnh TP/SL.

Với bộ lệnh điều kiện của BSC, nhà đầu tư có thể nắm bắt cơ hội mua bán theo kỳ vọng; Quản trị rủi ro theo danh mục đầu tư; Chốt lời/cắt lỗ tự động cho vị thế đang mở khi không có thời gian theo dõi thị trường; Hỗ trợ nhà đầu tư giữ vững nguyên tắc giao dịch đã đặt ra, tránh những tác động tâm lý từ biến động thị trường.



Hợp tác cùng DATX – Mở ra kỷ nguyên đầu tư mới với AI

Với mong muốn mang đến những tiện ích và sản phẩm tốt nhất cho khách hàng, tháng 08/2023, BSC ký kết thỏa thuận hợp tác với CTCP DATX Việt Nam. Theo đó, khách hàng của BSC có thể trực tiếp trải nghiệm nền tảng hỗ trợ đầu tư chứng khoán XWealth, công cụ cung cấp những tín hiệu nhanh chóng, kịp thời với độ chính xác cao dựa trên lợi thế ưu việt về khả năng thu thập và xử lý tin tức của AI, giúp nhà đầu tư tự tin đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp.

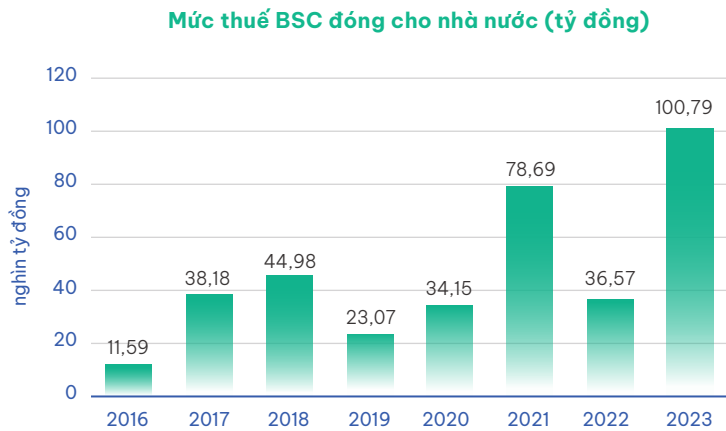


3 Trách nhiệm với thị trường và cơ quan quản lý, các hiệp hội

Đóng góp cho
Ngân sách nhà nước

100,79 tỷ VND

Một doanh nghiệp hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế là một doanh nghiệp có trách nhiệm với xã hội. Hiểu rõ được quyền và nghĩa vụ của mình, BSC luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách nhà nước. Trong năm 2023, BSC đã đóng góp gần 100,79 tỷ đồng vào Ngân sách nhà nước.



Tích cực tham gia các hiệp hội

BSC ý thức được trách nhiệm của mình trong việc góp phần xây dựng thị trường vốn, thúc đẩy kinh tế phát triển, đặc biệt là trong việc thúc đẩy sự minh bạch, liêm chính và khơi nguồn sự đổi mới.

Công ty luôn chủ động tham gia vào các hoạt động thị trường và các hiệp hội trong ngành. Đại diện của BSC là các thành viên của Ủy ban Hội đồng chỉ số, Hiệp hội Trái phiếu Việt Nam, Hiệp hội đầu tư sang Campuchia, Hiệp hội xi măng, Hiệp hội mía đường, Hiệp hội kinh doanh chứng khoán... Công ty thường xuyên tổ chức các buổi Hội nghị phân tích định kỳ hàng quý cho báo đài và các quỹ đầu tư quan tâm, qua đó giúp các nhà đầu tư trong và ngoài nước có thêm những thông tin hữu ích và đáng tin cậy cho các quyết định đầu tư.

4 Quản trị nguồn nhân lực

Xây dựng và gắn kết nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực luôn được BSC xem là chìa khóa của sự thành công, là nội lực của mỗi doanh nghiệp. Đặc thù của ngành tài chính yêu cầu nhân sự cần có tư chất đạo đức tốt, cũng như các yêu cầu về kiến thức chuyên môn và tư duy, vì vậy để có những bước phát triển vững vàng trong tương lai, việc thu hút, khuyến khích và giữ chân nhân viên giỏi, tạo môi trường cho nhân viên phát triển luôn là nhiệm vụ trọng tâm, đi đầu.



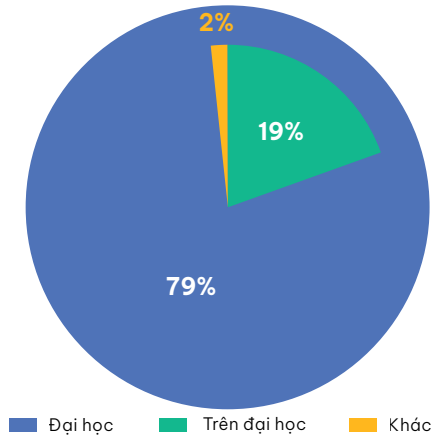
Thống kê đội ngũ Nhân sự năm 2023

Tại thời điểm 31/12/2023, tổng số nhân sự đang làm việc tại BSC là 303 cán bộ (tăng 2.74% so với tổng số nhân sự tại thời điểm 31/12/2022). Tỷ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học chiếm 98.35% tổng số lao động. Với 78.88% số lượng nhân viên có trình độ cử nhân, 19.47% số lượng nhân viên có trình độ trên đại học đảm bảo nền tảng kiến thức chuyên môn để phát triển và cung cấp cho khách hàng các sản phẩm dịch vụ có chất lượng cao.

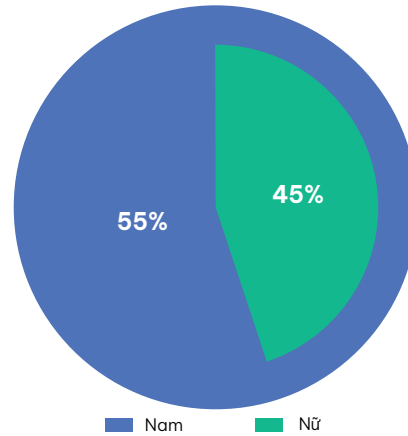
**Tổng số nhân sự
thời điểm 31/12/2023**

2.74%
(so với thời điểm 31/12/2022)

Trình độ học vấn người lao động



Tỷ lệ lao động phân chia theo giới



Thống kê đội ngũ Nhân sự năm 2023

Xét về độ tuổi, đội ngũ nhân sự của BSC chủ yếu tập trung ở độ tuổi từ 25-40 tuổi (73.27%) và có xu hướng trẻ hóa, được đào tạo bài bản và nhiệt tình trong công việc. Với cơ cấu nhân sự trẻ như vậy, BSC trang bị cho mình lực lượng lao động ở độ tuổi cống hiến, nhiệt tình, hứa hẹn mang lại một BSC năng động, sáng tạo, không ngừng chuyển mình phát triển lớn mạnh trong tương lai.

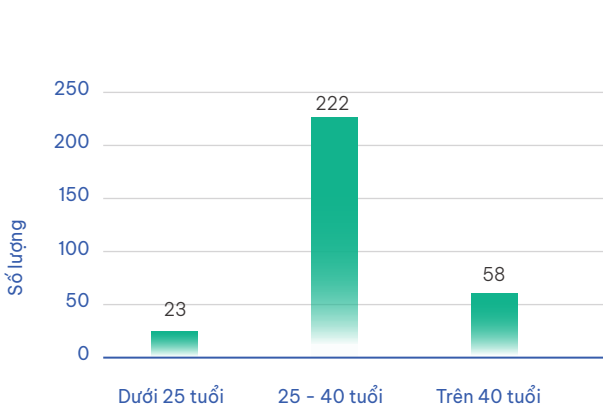
**Nhân sự ở độ tuổi
25-40**

73.27%

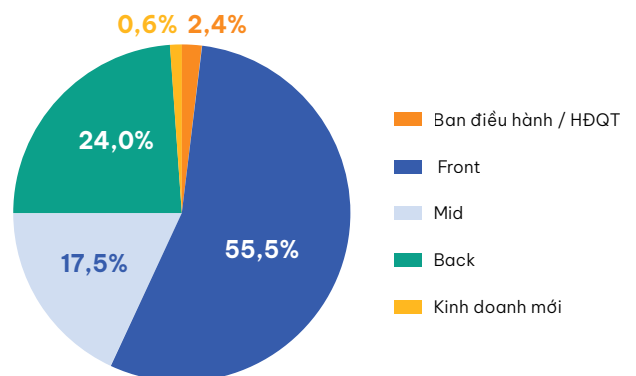
Khối kinh doanh trực tiếp luôn được BSC đảm bảo duy trì cơ cấu với tỷ trọng lớn chiếm đến 52.48% trên tổng số nhân sự. Bên cạnh đó, 23.43% là nhân sự khối Backoffice và 20.79% nhân sự thuộc khối Middle.

Số liệu chi tiết về nhân sự được trình bày sau đây:

Số lượng lao động tính theo độ tuổi



Cơ cấu nhân viên theo khối



Tại BSC, 100% người lao động được đánh giá hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp thông qua chỉ tiêu KPIs được phân giao và đánh giá định kỳ hàng tháng, quý, năm.

Công tác huấn luyện, đào tạo

Công tác huấn luyện, đào tạo là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Công ty nhằm phát triển nguồn nhân lực nội bộ, từ đó gia tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Hằng năm, BSC dành một ngân sách tương đối lớn cho công tác đào tạo, thông qua tổ chức các chương trình đào tạo nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm thực tiễn cho cán bộ nhân viên, cử nhân viên tham gia các diễn đàn, các hội thảo chuyên đề để có cơ hội học hỏi, chia sẻ và tiếp cận thông tin. Bên cạnh đó, BSC luôn khuyến khích, tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho nhân viên tự học tập, trau dồi năng lực cá nhân. Bên cạnh những chứng chỉ hành nghề phục vụ cho công việc hàng ngày của người lao động, BSC còn tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia học tập và hoàn thiện các chứng chỉ quốc tế chuyên nghiệp phù hợp với lĩnh vực chuyên môn như CFA, CPA, CMA...

Trong năm 2023, BSC đã tổ chức triển khai nhiều khóa đào tạo có tính ứng dụng cao và đáp ứng nhu cầu học tập, phát triển của cán bộ nhân viên, có thể kể đến một số khóa tiêu biểu như:



STT	Chương trình huấn luyện / đào tạo
1	Khóa học về Linux và mạng cơ bản
2	Kiểm toán nội bộ theo chuẩn quốc tế IIA
3	Lập trình Mobile Flutter
4	Phân tích dữ liệu với Python
5	Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ chuẩn quốc tế COSO
6	Ứng dụng Dashboard Reporting trong Excel
7	Quản lý dự án Agile
8	Oracle Administration
9	Giao tiếp Tiếng Hàn cơ bản
10	Đấu thầu cơ bản

Chế độ lương thưởng và chính sách phúc lợi toàn diện



Không chỉ chú trọng mục tiêu về lợi nhuận, mục tiêu về thu nhập của người lao động cũng được công ty quan tâm và xây dựng hợp lý để đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường.

Các chính sách lương thưởng – phúc lợi của cá nhân được gắn liền với năng lực, hiệu quả công việc, đóng góp vào hiệu quả chung của bộ phận và của Công ty nhằm thúc đẩy năng suất lao động, sử dụng lợi ích làm thước đo, đảm bảo công bằng thu nhập cho mỗi cán bộ. Các chính sách về quy chế thu nhập được công ty theo dõi, rà soát, chỉnh sửa thường xuyên nhằm đảm bảo lợi ích của người lao động, thu hút và giữ chân nhân tài cho công ty.



Trong năm 2023, BSC đã tiến hành chi trả hơn 136.26 tỷ đồng tiền lương gồm: (1) Lương cơ bản hàng tháng, (2) Lương doanh số, (3) Lương hiệu suất, (4) Lương hiệu suất cao, (5) lương làm thêm giờ cho toàn thể nhân viên công ty.

Lương thưởng chi trả

136,26 tỷ VND

Bên cạnh những khoản thu nhập được chi trả định kỳ nêu trên, nhân viên BSC còn nhận được một số khoản thu nhập khác như:

- Tiền ăn trưa (chi trả cùng tiền lương hàng tháng)
- Phụ cấp trang phục (chi trả theo lương hàng tháng)
- Tiền thưởng chi trả dựa trên thành tích cá nhân và kết quả kinh doanh của công ty ở từng thời kỳ.

Ngoài ra, BSC còn đưa ra nhiều chương trình phúc lợi khác như:

- Tổ chức khám sức khỏe hàng năm tại các cơ sở y tế uy tín hàng đầu.
- Chương trình bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, quỹ hưu trí tự nguyện.
- Tổ chức các chương trình du lịch, các kỳ nghỉ mát, du xuân, tổ chức các hoạt động cộng đồng, các câu lạc bộ rèn luyện thể thao (bóng đá, bóng bàn, chạy, yoga, zumba...) để đảm bảo cân bằng giữa công việc và cuộc sống, từ đó gia tăng sự gắn kết giữa nhân viên với công ty và giữa các nhân viên với nhau.
- Hỗ trợ về nơi ở cho nhân viên công tác dài ngày, cán bộ điều động.
- Các chương trình khác giúp tăng cường sự gắn kết giữa nhân viên, gia đình với công ty như: hỗ trợ kinh phí điều trị các bệnh hiểm nghèo, khen thưởng học sinh giỏi và tổ chức các chương trình vui tết thiếu nhi, tết trung thu cho các con em cán bộ làm việc tại BSC, khen thưởng các cán bộ có “giải pháp, sáng kiến, sáng tạo” trong công việc,...

BSC cũng thay mặt nhân viên đóng góp vào quỹ Công đoàn. Tất cả các kế hoạch, chương trình được tổ chức đều vì mục đích chung là đem lại lợi ích cho nhân viên BSC.

Tổng quan đãi ngộ tài chính trong năm 2023

Diễn giải	2023 (VND)
Lương, thưởng	136,260,608,368
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	7,183,539,550
Quỹ khen thưởng phúc lợi	19,314,000,000

5 Xây dựng văn hóa doanh nghiệp

Văn hóa doanh nghiệp là những giá trị cốt lõi, niềm tin, hành vi, thái độ được chia sẻ, đặc trưng cho các thành viên và ban lãnh đạo trong cách hoạt động, thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh. Có thể hiểu, văn hoá doanh nghiệp là toàn bộ giá trị văn hoá được gây dựng nên trong suốt quá trình tồn tại và phát triển của một doanh nghiệp, tạo nên sự khác biệt của một doanh nghiệp so với tất cả các doanh nghiệp khác.

Hành trình hơn hai thập kỷ hình thành và phát triển, bên cạnh việc tập trung đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, xây dựng chiến lược phát triển, BSC còn chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp với những giá trị cốt lõi được kết tinh đậm đà bản sắc BSC nhằm tạo dựng hình ảnh một công ty chứng khoán không chỉ chuyên nghiệp trong hoạt động mà còn ghi dấu ấn bởi những giá trị văn hóa tốt đẹp trong tâm thức khách hàng và xã hội.

Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp nhưng vẫn thân thiện, gần gũi, gắn kết nội bộ từ Ban lãnh đạo tới cán bộ nhân viên và giữa nhân viên với nhân viên là mục tiêu mà BSC luôn hướng tới. Bên cạnh việc nỗ lực đổi mới phù hợp với xu thế xã hội, BSC cũng chú trọng việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng. Đây chính là yếu tố quan trọng tạo động lực cho người lao động cống hiến, là cầu nối gắn kết các cá nhân đơn lẻ trở thành một đại gia đình làm nên sức mạnh tập thể lớn mạnh và bền vững.





Tôn trọng bản sắc cá nhân

Bản sắc cá nhân luôn là điều cần được tôn trọng. Tại BSC, những đóng góp của cán bộ luôn được tập thể ghi nhận, lắng nghe, khuyến khích bày tỏ và sẻ chia. Năng lực cán bộ được đánh giá dựa trên kết quả công việc, giảm thiểu các đánh giá cảm tính, giúp phát huy tối đa năng lực của các cá nhân, đóng góp cho sự phát triển của tập thể.

Khuyến khích sự sáng tạo

Thị trường chứng khoán luôn biến động không ngừng, điều này đòi hỏi mỗi cán bộ nhân viên cần nhanh chóng thích nghi để ứng biến với những thay đổi của thị trường để nâng cao năng suất và hiệu quả công việc luôn. Đây là chìa khoá quan trọng với sự thành công của doanh nghiệp, chính vì thế chúng tôi luôn khuyến khích sự sáng tạo, tinh thần liên tục cải tiến, tạo điều kiện cho người lao động đề xuất và hiện thực hoá ý tưởng của mình nhằm đem lại những giá trị cho khách hàng.



Tận tâm với công việc

Thấu hiểu việc đội ngũ nhân sự luôn là lực lượng nòng cốt cho sự phát triển của công ty, BSC luôn chú trọng vào công tác đào tạo năng lực chuyên môn, nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ. Đồng thời, bồi đắp tinh thần yêu nghề, tận tâm với công việc qua những chương trình đạo tạo hàng năm, những hoạt động gắn kết nội bộ. Nhờ đó, tại BSC, cán bộ nhân viên luôn có tinh thần trách nhiệm, chú trọng xây dựng niềm tin với khách hàng và đồng nghiệp, liên tục cải tiến và sáng tạo, trung thực và thẳng thắn trên cơ sở tôn trọng bản thân và tôn trọng đồng nghiệp. Thái độ tích cực thể hiện qua lòng ham mê nhiệt huyết trong công việc mỗi ngày, sẵn sàng học hỏi, nâng cao năng lực với tinh thần cầu thị.





Nhiệt huyết trong hoạt động tập thể

Cống hiến hăng say, vui chơi hết mình là tinh thần của người BSC. Tại BSC, Ban lãnh đạo luôn mong muốn xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, nhưng gần gũi như ngôi nhà chung thứ 2 của Cán bộ nhân viên. Có lẽ bởi vậy, bên cạnh việc hoàn thành công tác chuyên môn, Cán bộ BSC rất tích cực với các hoạt động phong trào. Năm 2023, BSC đã tổ chức nhiều chương trình nội bộ, các phong trào thi đua, Câu lạc bộ văn hóa, thể thao, ... Những hoạt động này không chỉ mang ý nghĩa gắn kết trong nội bộ công ty và còn góp phần mang đến nguồn năng lượng tích cực, vui tươi cho cá nhân mỗi Cán bộ BSC.

Phong trào “Sống khỏe để xây dựng tổ chức vững mạnh”

Nhằm mục tiêu lan tỏa lối sống tích cực, rèn luyện thể dục thể thao, tạo sự gắn kết và tăng cường giao lưu giữa các thành viên trong công ty, nâng cao chất lượng cuộc sống của bản thân cũng như gia đình. BSC đã thành lập các câu lạc bộ chạy bộ BSC Runners Club; CLB yoga BSC, CLB bóng bàn, CLB zumba ...



Cuộc thi Thơ “Hành trình thanh xuân tuổi 24”

Để cùng nhìn lại chặng đường đã đi qua, nhân dịp sinh nhật BSC tròn 24 tuổi, BSC đã tổ chức cuộc thi Thơ với chủ đề “Hành trình thanh xuân tuổi 24”. Cuộc thi đã diễn ra hết sức sôi nổi và nhận được sự quan tâm, hưởng ứng nhiệt tình của các cán bộ BSC. Cuộc thi không chỉ tạo không khí tung bừng mừng sinh nhật BSC mà còn là sân chơi để các Cán bộ BSC được thỏa sức sáng tạo, phát huy tài năng văn thơ ca, văn nghệ. Hơn thế nữa, thông qua các tác phẩm dự thi, Cán bộ BSC đã gửi gắm được những tâm tư, tình cảm dành cho Ngôi nhà chung BSC và góp phần giúp chúng ta cùng nhìn lại chặng đường 24 năm thanh xuân.



Chương trình Teambuilding bùng nổ tại Cam Ranh 2023

Mùa hè 2023 bùng nổ ấn tượng với chương trình teambuilding “To Shine Together” với sự sum vầy của Cán bộ nhân viên hai miền Nam – Bắc nhà BSC. Hoạt động đã góp phần gắn bó tình cảm đồng nghiệp giữa các cán bộ nhân viên và thật nhiều kỷ niệm đáng nhớ đã ghi dấu trong tâm thức mỗi BSC-er.



Phong trào nữ công sôi nổi với “ Khóa học phong thái dẫn lối thành công” và Cuộc thi “Duyên dáng áo dài BSC” nhân ngày 20/10

Nhằm mục tiêu bồi dưỡng, xây dựng hình ảnh nữ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp, duyên dáng, tự tin, BSC phối hợp với các đơn vị đối tác tổ chức khóa đào tạo “Phong thái dẫn lối thành công” cho nữ cán bộ BSC ở Hội sở và Chi nhánh năm 2023.

Phụ nữ luôn xinh đẹp và duyên dáng là thông điệp Cuộc thi “Duyên dáng áo dài BSC” nhân ngày kỷ niệm 20/10 mang tới chị em BSC. Những bức ảnh tham gia dự thi của các nữ cán bộ BSC mang đậm vẻ đẹp và ý nghĩa của trang phục truyền thống áo dài. Đây là những hoạt động góp phần gắn kết, tạo tinh thần sôi nổi trong nội bộ BSC.





Trách nhiệm vì cộng đồng và xã hội

Đề cao giá trị nhân văn, chung tay sẻ chia cùng những hoàn cảnh khó khăn, năm 2023 BSC tiếp tục hành trình thực hiện những chương trình an sinh xã hội bao gồm hoạt động tài trợ giáo dục, thiện nguyện, uống nước nhớ nguồn, thay đổi hướng đến bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Hoạt động vì xã hội cộng đồng

Mái trường cho em

Không chỉ là những Cán bộ hăng say, cống hiến trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ, Cán bộ tại BSC còn mang trong mình trái tim giàu lòng yêu thương nhân ái. Trong những năm vừa qua, dưới sự quan tâm, chỉ đạo sát sao từ Ban lãnh đạo, phối kết hợp cùng Công đoàn và Đoàn Thanh niên, BSC đã đều đặn thực hiện chương trình “Mái trường cho em” với nhiều điểm trường được xây dựng như: Điểm trường Nhà Sa, Điện Biên (tháng 2/2023), điểm trường thôn Long Nang, Đắk Glei, tỉnh Kon Tum (tháng 10/2023). Để những giá trị nhân văn được nối dài, BSC sẽ tiếp tục hành trình tham gia các hoạt động thiện nguyện, giúp đỡ các trẻ em ở vùng sâu vùng xa, dân tộc thiểu số để các em có thêm áo ấm, chăn ấm và sách vở đi học. Chúng tôi vẫn hàng ngày vun đắp những mầm cây, nuôi dưỡng những ước mơ của thế hệ tương lai.



Hành trình về nguồn đầy ý nghĩa tại Quảng Trị kỷ niệm 76 năm ngày thương binh liệt sĩ 27/7

Phát huy truyền thống tốt đẹp “Uống nước nhớ nguồn” và “Đền ơn đáp nghĩa” của tuổi trẻ đối với thế hệ cha anh đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhân kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh, Liệt sĩ (27/7/1947 – 27/7/2023), ngày 13/7/2023 vừa qua, Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) đã tổ chức chuyến đi Về nguồn dâng hương tại Nghĩa trang liệt sĩ quốc gia Trường Sơn, Đường 9 và Thành cổ Quảng Trị. Nhắc về Quảng Trị, chúng ta nhớ về một tỉnh thuộc miền Trung, nơi có dòng sông Thạch Hãn huyền thoại đã đi vào miền ký ức của bao người dân Việt Nam, cũng là nơi trải qua cuộc kháng chiến đầy gian khổ, hy sinh của dân tộc Việt Nam bởi chỉ tính riêng số liệt sĩ đã hy sinh và đang yên nghỉ tại 72 nghĩa trang liệt sĩ trong tỉnh đã lên tới con số gần 60 nghìn người. Trong đó có hai Nghĩa trang Quốc gia đoàn BSC đến viếng thăm: Nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn và Nghĩa trang liệt sĩ Đường 9. Mỗi địa điểm là nơi yên nghỉ của hơn 10 nghìn liệt sĩ. Trong hành trình xúc động vừa qua, Đoàn cũng đến viếng thăm Thành cổ Quảng Trị. Địa danh gắn liền với cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước kiên cường, nơi xương máu của các anh đã hóa thân trong từng tấc đất, ngủ sâu trong lòng đất mẹ Quảng Trị. Về nguồn là chuyến đi vô cùng ý nghĩa đối với tập thể và từng cán bộ BSC thể hiện sự tri ân sâu sắc của thế hệ tuổi trẻ đối với những hi sinh, cống hiến của các thế hệ cha anh đi trước cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.



Tích cực tham gia BIDV RUN - Cho cuộc sống Xanh 2023, BIDV RUN - Tết ấm cho người nghèo Xuân Giáp Thìn 2024

Nhằm chung tay giúp đỡ những đồng bào có hoàn cảnh khó khăn đồng thời hưởng ứng phong trào từ ngân hàng BIDV, BSC đã cùng nhau tham gia chương trình BIDV-Run vô cùng ý nghĩa. Mỗi bước chạy đi qua, Cán bộ nhân viên không chỉ góp phần giúp Tết Giáp Thìn của những đồng bào kém may mắn ấm no hơn mà còn là cơ hội để mỗi Cán bộ nhân viên được rèn luyện sức khỏe, tạo thói quen cho một lối sống “healthy and balance” đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao, nâng cao sức khỏe người lao động BSC nói riêng và cộng đồng nói chung.



Đồng hành cùng thế hệ trẻ

Với mục tiêu góp phần đào tạo và cung cấp cơ hội rèn luyện cho thế hệ nhân sự trẻ ngành chứng khoán Việt Nam, BSC đã tham gia tài trợ cho nhiều cuộc thi chứng khoán dành cho sinh viên như: cuộc thi I-INVEST! – Đại học Ngoại thương, Bản lĩnh nhà đầu tư – Học viện Ngân hàng, GO FINANCE – Đại học Kinh tế quốc dân.

Các hoạt động tài trợ này không chỉ giúp nâng cao sức lan tỏa thương hiệu công ty, mở rộng quan hệ với các trường đại học lớn mà còn là một kênh thu hút nhân tài trẻ cho BSC. Năm 2023 BSC cũng đã tài trợ cho các cuộc thi chứng khoán như: GO FINANCE, Bản lĩnh nhà đầu tư và I-INVEST!. Với cương vị là nhà tài trợ của cuộc thi, BSC đã hỗ trợ Ban tổ chức và thí sinh thông qua chia sẻ về chuyên môn, nghiệp vụ tại các buổi hội thảo, tư vấn và đưa ra lời khuyên cho các thí sinh trong quá trình cuộc thi. Đối với các thí sinh xuất sắc, BSC cũng tạo cơ hội nghề nghiệp với vị trí thực tập sinh để các tài năng trẻ có trải nghiệm công việc thực tế, sở hữu những hành trang quý báu trong những chặng đường đầu tiên của sự nghiệp.

Thương hiệu BSC cũng đã xuất hiện trên toàn bộ ấn phẩm và các bài viết liên quan đến cuộc thi, đây cũng là cơ hội để hình ảnh BSC được lan tỏa hơn nữa tới đối tượng các em sinh viên và khách hàng đại chúng.



Chú trọng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường

Doanh nghiệp là một tế bào của nền kinh tế và là một chủ thể tích cực trong xã hội, nên không thể không đặt ra vấn đề trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với môi trường và xã hội. Từ nhiều năm nay BSC luôn cố gắng giảm thiểu các tác hại gây ra cho môi trường và thực hiện nhiều thay đổi trong hoạt động của doanh nghiệp, nâng cao nhận thức trong việc sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên để góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Cụ thể:

Năng lượng



Theo dõi và có chế độ bảo trì, vệ sinh thường xuyên máy móc, thiết bị và hệ thống điều hòa để nâng cao tuổi thọ và tiết kiệm điện năng tiêu thụ.

Ban hành quy định và kiểm tra hàng ngày về việc tắt các thiết bị điện sau giờ làm việc.

Đầu tư hệ thống Công nghệ thông tin phục vụ họp trực tuyến và trao đổi, làm việc từ xa cho các cán bộ nhân viên thông qua các nền tảng Microsoft Teams, Zoom, 3CX ... đảm bảo triển khai công việc thông suốt trong điều kiện dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp. Qua đó giảm tần suất di chuyển bằng các Phương tiện giao thông, tiết kiệm chi phí đi lại, xăng dầu góp phần giảm lượng khí thải ra môi trường.

Nước thải và chất thải rắn



Đưa vào sử dụng phần mềm eOffice phục vụ báo cáo, luân chuyển, lưu trữ văn bản, chứng từ và tiết kiệm giấy in, không gian lưu trữ.

Sử dụng chai nước thủy tinh, bình giữ nhiệt cho nhân viên, khách hàng, đối tác thay vì dùng chai nước uống 1 lần để hạn chế rác thải nhựa.

Công ty áp dụng các giải pháp hạn chế phát thải ra môi trường từ các Phương tiện giao thông thông qua khuyến khích các cuộc họp trực tuyến, trao đổi công việc trên nền tảng sử dụng công nghệ thông tin để giảm việc di chuyển.

Môi trường làm việc xanh



Người lao động dành một phần lớn thời gian trong ngày của mình tại nơi làm việc, vì vậy, môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp được BSC duy trì và không ngừng cải tiến.

BSC luôn chú trọng công tác vệ sinh, an toàn lao động và đảm bảo chất lượng không khí sạch, tạo môi trường làm việc an toàn cho các cán bộ.

Hướng tới mục tiêu văn phòng xanh, cây xanh được bố trí với mật độ hợp lý tại các văn phòng, với đội ngũ nhân viên chăm sóc chuyên biệt, đồng thời, BSC khuyến khích cán bộ trồng cây xanh tại bàn làm việc nhằm tạo ra môi trường xanh, nâng cao sức khỏe và tinh thần cho người lao động.

GRI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Phạm vi của báo cáo

Giai đoạn báo cáo: Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023

Tiêu chuẩn áp dụng: Báo cáo này bao gồm các kết quả và thành tích của BSC trong công cuộc quản lý bền vững, được áp dụng Bộ tiêu chuẩn lập Báo cáo phát triển bền vững – GRI Sustainability Reporting Standards của Tổ chức sáng kiến Báo cáo toàn cầu, bao gồm các tiêu chuẩn báo cáo toàn diện bền vững sử dụng rộng rãi nhất trên thế giới. Báo cáo này đã được lập tuân theo Tiêu chuẩn GRI: tùy chọn Cốt lõi.

Nguyên tắc báo cáo

NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BÁO CÁO	Gắn kết các bên liên quan
	Bối cảnh phát triển bền vững
	Mức độ trọng yếu
	Tính cốt lõi
NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO	Chính xác Cân bằng Rõ ràng So sánh Tin cậy Cập nhật

Thông tin liên hệ

Mọi thông tin, ý kiến đóng góp liên quan đến hoạt động phát triển bền vững cũng như nội dung trong Báo cáo phát triển bền vững của BSC, vui lòng liên hệ với chúng tôi theo thông tin dưới đây:

Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV – Hội sở chính



Số điện thoại: (+84 24) 39352722



Email: hn.ttmkt@bsc.com.vn



Địa chỉ: Tầng 8,9, Toà nhà ThaiHoldings, số 210 Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

PHỤ LỤC THAM CHIẾU CHỈ SỐ GRI STANDARDS

GRI	MÔ TẢ	THAM CHIẾU	TRANG	LÝ DO BỎ QUA
GRI 100: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG 2016				
THÔNG TIN DOANH NGHIỆP				
102-1	Tên Tổ chức	BCTN	14	
102-2	Các hoạt động, thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ	BCTN – Tổng quan	10, 11	
102-3	Địa điểm của Trụ sở chính	BCTN – Tổng quan	14	
102-4	Các địa điểm hoạt động	BCTN – Tổng quan	18	
102-5	Quyền sở hữu và hình thức pháp lý	BCTN	111	
102-7	Quy mô của tổ chức	BCTN – Tổng quan	14	
102-8	Thông tin nhân viên và người lao động khác	BCPTBV – Quản trị nguồn nhân lực	64	
102-9	Chuỗi cung ứng	BCTN – Tổng quan	18	
102-10	Những thay đổi đáng kể đối với tổ chức và chuỗi cung ứng của tổ chức	Thay đổi tên Công ty	06	
102-11	Phương pháp hoặc nguyên tắc phòng ngừa	BCPTBV – Mô hình quản trị rủi ro	108	
102-12	Các sáng kiến bên ngoài			
102-13	Quyền hội viên trong các hiệp hội	BCPTBV – Đảm bảo cam kết với các bên liên quan	112	
CHIẾN LƯỢC				
102-14	Tuyên bố của người ra quyết định cấp cao	BCTN – Thông điệp của Tổng giám đốc BCPTBV – Mô hình phát triển bền vững	04	
102-15	Các tác động, rủi ro và cơ hội chính	BCPTBV – Quản trị rủi ro	109	
ĐẠO ĐỨC VÀ CHÍNH TRỰC				
102-16	Các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực của hành vi	BCPTBV – Đạo đức kinh doanh; Bộ quy tắc ứng xử	110	
QUẢN TRỊ				
102-18	Cơ cấu quản trị	BCTN – Quản trị công ty	64	

102-35	Chính sách về thù lao	BCTN – Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	97
102-39	Tỷ lệ phần trăm gia tăng trong tổng tỷ lệ thù lao hàng năm	BCTN – Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	97
SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN			
102-40	Danh sách các nhóm liên quan	BCPTBV – Đảm bảo cam kết với các bên liên quan	112
102-42	Nhận diện và lựa chọn các bên liên quan	BCPTBV – Đảm bảo cam kết với các bên liên quan	112
102-43	Phương pháp tiếp cận đối với gắn kết các bên liên quan	BCPTBV – Cơ chế tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan	112
102-44	Các chủ đề và mối quan ngại chính được nêu lên	BCPTBV – Mô hình phát triển bền vững	104
THÔNG LỆ BÁO CÁO			
102-45	Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất	BCTC	138
102-46	Xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề	BCPTBV – Mô hình phát triển bền vững	104
102-47	Danh mục các chủ đề trọng yếu	BCPTBV – Mô hình phát triển bền vững	104
102-48	Trình bày lại thông tin		Không phát sinh việc trình bày lại thông tin
102-49	Các thay đổi trong báo cáo	BCPTBV – GRI Công bố thông tin	129
102-50	Kỳ báo cáo	01/01/2023 – 31/12/2023	
102-52	Chu kỳ báo cáo	Thường niên	
102-53	Đầu mối liên hệ cho thắc mắc về báo cáo	BCPTBV – GRI Công bố thông tin	129
102-54	Tuyên bố báo cáo tuân thủ theo tiêu chuẩn GRI	BCPTBV – GRI Công bố thông tin	129

102-55	Mục lục GRI	BCPTBV – Phụ lục tham chiếu chỉ số GRI	130
102-56	Bảo đảm độc lập của bên thứ ba	BCPTBV – GRI Công bố thông tin	129
PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ			
103-1	Giải thích về chủ đề trọng yếu và phạm vi chủ đề	BCPTBV – Mô hình phát triển bền vững	104
103-2	Phương pháp quản trị và các hợp phần	BCPTBV – Mô hình quản trị về phát triển bền vững	106
103-3	Đánh giá phương pháp quản trị	BCPTBV – Mô hình quản trị về phát triển bền vững	104
GRI 200: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN KINH TẾ 2016			
GRI 201: HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			
201-1	Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và được phân bổ	BCTN – Báo cáo về các hoạt động kinh doanh của BSC năm 2023	45
201-3	Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác	BCPTBV – Chế độ lương thưởng và chính sách phúc lợi toàn diện	119
GRI 203: TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP			
203-1	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ		BSC chưa có dự án đầu tư cơ sở hạ tầng
203-2	Tác động kinh tế gián tiếp trọng yếu	BCPTBV – Đảm bảo cam kết với các bên liên quan	112
GRI 205: CHỐNG THAM NHŨNG			
205-1	Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	BCPTBV – Bộ quy tắc ứng xử của BSC	110
205-2	Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình phòng chống tham nhũng	BCPTBV – Bộ quy tắc ứng xử của BSC	110
205-3	Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và các biện pháp xử lý		Không có vụ việc tham nhũng
GRI 300: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG 2016			
GRI 302: NĂNG LƯỢNG			
302-4	Giảm tiêu hao năng lượng	BCPTBV – Chú trọng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường	105
302-5	Giảm nhu cầu năng lượng của sản phẩm và dịch vụ	BCPTBV – Chú trọng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường	105

GRI 307: TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG

307-1 Không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường

Không có hành vi vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường

GRI 400: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN XÃ HỘI 2016

GRI 401: VIỆC LÀM

401-1 Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc

BCPTBV – Thống kê đội ngũ nhân sự

117

401-2 Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian

BCPTBV – Chế độ lương thưởng và chính sách phúc lợi toàn diện

119

401-3 Nghỉ thai sản

BCPTBV – Chế độ lương thưởng và chính sách phúc lợi toàn diện

119

GRI 404: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

404-2 Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp

BCPTBV – Công tác huấn luyện, đào tạo

118

404-3 Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp

BCPTBV – Thống kê đội ngũ nhân sự

117

GRI 405: SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

405-1 Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên

BCPTBV – Thống kê đội ngũ nhân sự

117

GRI 413: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

413-1 Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển

BCPTBV – Trách nhiệm vì cộng đồng và xã hội

125

413-2 Những hoạt động có tác động tiêu cực tiềm ẩn và thực tế đáng kể với cộng đồng địa phương

Không có ảnh hưởng tiêu cực nào

GRI 417: TIẾP THỊ VÀ NHÃN HIỆU

417-1 Các yêu cầu đối với thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ

BCTN – Các hoạt động kinh doanh chính

19

417-2 Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến thông tin nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ

Không có vụ việc không tuân thủ nào

417-3

Các vụ việc không tuân thủ liên
quan đến truyền thông tiếp thị

Không có vụ
việc không
tuân thủ nào

GRI 418: QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

418-1

Khiếu nại có căn cứ về việc vi phạm
Quyền bảo mật thông tin khách
hàng và mất dữ liệu khách hàng

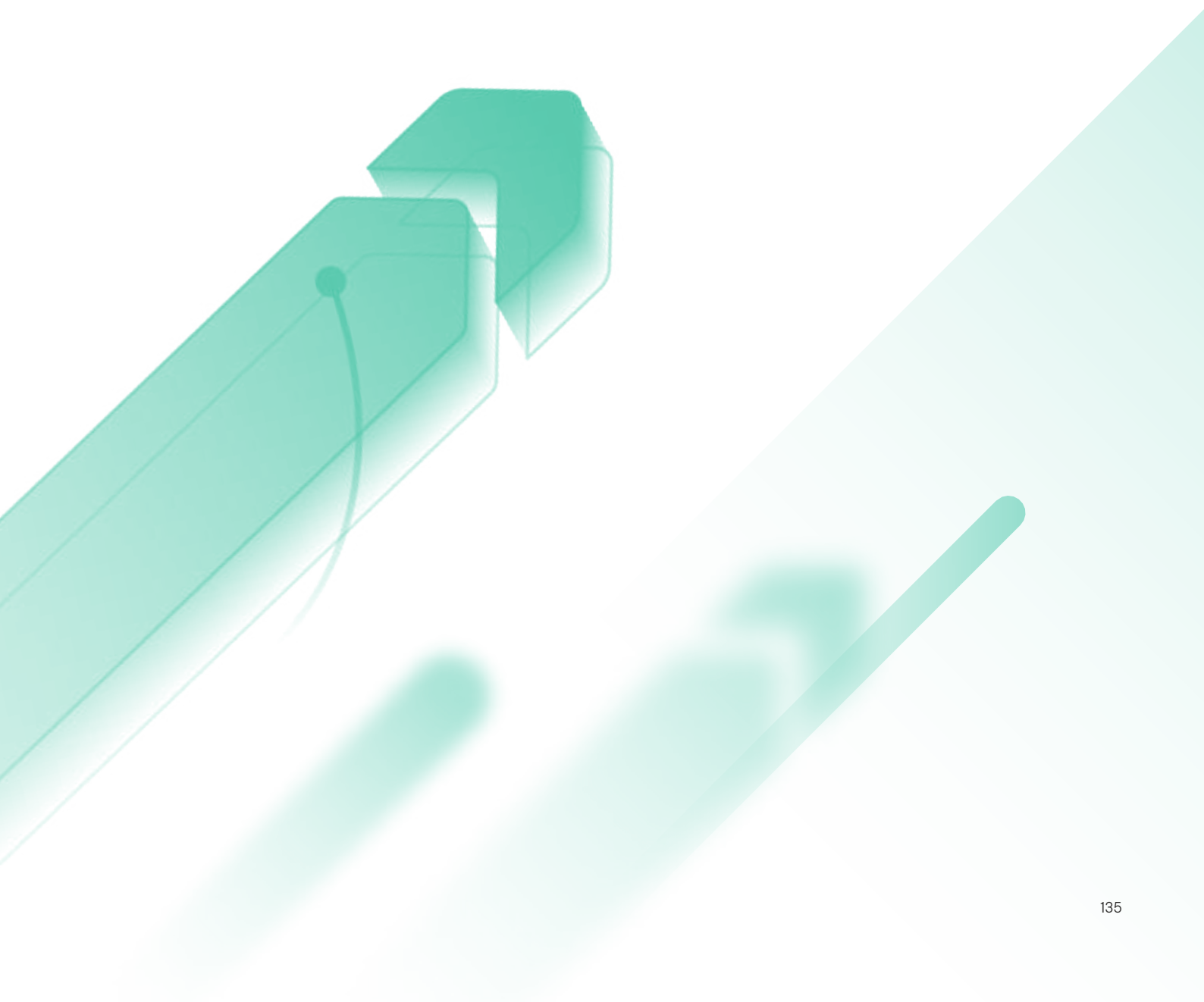
Không có vụ
việc không
tuân thủ nào

GRI 419: TUÂN THỦ VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI

419-1

Không tuân thủ luật pháp và các
quy định trong lĩnh vực kinh tế xã hội

Không có vụ
việc không
tuân thủ nào



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

138

Thông tin về doanh nghiệp

139

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

140

Báo cáo kiểm toán độc lập

142

Báo cáo tình hình tài chính
(Mẫu số B01 – CTCK)

148

Báo cáo kết quả hoạt động
(Mẫu số B02 – CTCK)

151

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
(Mẫu số B03b – CTCK)

158

Báo cáo tình hình biến động vốn
chủ sở hữu (Mẫu số B04 – CTCK)

188

Thuyết minh báo cáo tài chính
(Mẫu số B09 – CTCK)



Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV

THÔNG TIN CHUNG

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 02/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu vào ngày 26 tháng 11 năm 1999 và các giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp theo từng thời kỳ. Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán cập nhật mới nhất tại thời điểm 31/12/2023 là Giấy phép số 70/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 09 năm 2023. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101003060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký lần đầu vào ngày 31 tháng 03 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 27 vào ngày 22 tháng 09 năm 2023.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; tư vấn tài chính; bảo lãnh phát hành chứng khoán; lưu ký chứng khoán và thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có trụ sở chính tại Tầng 8, 9 Tòa nhà Thaiholdings, Số 210 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam, một (01) chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh và hai (02) phòng giao dịch.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023,
tổng vốn điều lệ của Công ty là **2.027.831.270.000** đồng
(tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: **1.878.001.200.000** đồng).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Ông Ngô Văn Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2021
	Ông Chung Jae Hoon	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2022
	Ông Nguyễn Duy Viễn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2021
	Bà Nguyễn Thanh Huyền	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2021
	Ông Lim Do Kyoong	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2022
BAN KIỂM SOÁT	Bà Phạm Thanh Thủy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2021
	Bà Vũ Minh Châu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2021
	Bà Kang Hee Joung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2023
	Ông Kang Ju Seok	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2023
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Ông Nguyễn Duy Viễn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 06 năm 2020
	Bà Ngô Thị Phong Lan	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2020
	Ông Lê Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2020
	Ông Phạm Xuân Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2020
	Ông Chung Jae Hoon	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2022
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Viễn, chức danh Tổng Giám đốc.		
KIỂM TOÁN VIÊN	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty		

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1 TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

2 CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Nguyễn Duy Viễn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 15 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (“Công ty”), được lập ngày 05 tháng 03 năm 2024 và được trình bày từ trang 06 đến trang 72, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được một doanh nghiệp khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 13 tháng 03 năm 2023.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

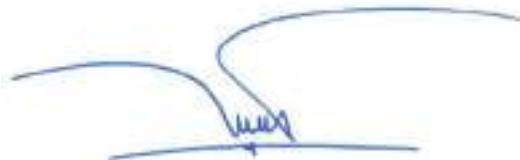


Đặng Phương Hà

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán:

2400-2023-004-1



Nguyễn Văn Trung

Kiểm toán viên

Số giấy CNĐKHN kiểm toán:

3847-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH|31.12.2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.239.817.818.241	5.463.898.960.653
110	I. Tài sản tài chính		8.220.951.309.048	5.451.995.741.298
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	817.120.935.160	787.865.279.208
111.1	1.1 Tiền		247.120.935.160	287.865.279.208
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		570.000.000.000	500.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	7.1	1.779.660.683.519	1.450.059.357.149
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	7.2	1.245.057.534.296	211.967.342.469
114	4. Các khoản cho vay	7.3	4.295.818.320.157	2.959.576.173.127
116	5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	8	(6.353.605.200)	(6.485.552.400)
117	6. Các khoản phải thu	9	80.779.439.583	42.408.561.479
117.1.	6.1. Phải thu bán các tài sản tài chính		1.086.025.000	2.131.121.000
117.2.	6.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		79.693.414.583	40.277.440.479
117.2.4	6.2.2 Dự thu cổ tức, lãi chưa đến ngày nhận		79.693.414.583	40.277.440.479
118	7. Trả trước cho người bán	9	2.748.124.266	1.980.618.000
119	8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9	6.050.762.267	1.577.213.901
122	9. Các khoản phải thu khác	9	69.115.000	3.046.748.365
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		18.866.509.193	11.903.219.355
131	1. Tạm ứng	10	804.634.181	23.000.000
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	10	704.371.800	765.319.999
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	12.529.518.712	6.286.914.856
137	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	4.827.984.500	4.827.984.500

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH|31.12.2023

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		86.561.139.656	127.187.548.055
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		-	51.365.958.897
212	1. Các khoản đầu tư	7.2	-	51.365.958.897
212.1	1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)		-	51.365.958.897
220	II. Tài sản cố định		29.010.258.252	25.769.142.327
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	16.810.289.513	17.869.764.772
222	1.1. Nguyên giá		53.462.506.176	48.092.122.321
223	1.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(36.652.216.663)	(30.222.357.549)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	12.199.968.739	7.899.377.555
228	2.1. Nguyên giá		19.340.100.495	12.960.421.495
229	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(7.140.131.756)	(5.061.043.940)
250	III. Tài sản dài hạn khác		57.550.881.404	50.052.446.831
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	13	11.800.725.855	6.068.471.607
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	14	9.950.155.549	7.733.975.224
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	20.800.000.000	21.250.000.000
255	4. Tài sản dài hạn khác	16	15.000.000.000	15.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.326.378.957.897	5.591.086.508.708

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.641.963.845.387	1.224.689.050.241
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		3.636.264.292.026	1.218.880.487.542
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	2.803.542.585.092	929.457.985.372
312	1.1 Vay ngắn hạn		2.803.542.585.092	929.457.985.372
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn		500.000.000.000	
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	19	222.826.813.066	226.457.623.803
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn		1.502.427.506	4.460.357.903
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.452.573.520	1.497.820.980
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	34.613.187.461	24.265.978.479
323	7. Phải trả người lao động		47.104.676.600	26.597.355.622
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	20.712.116.242	1.810.892.229
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	22	2.328.707.634	1.979.265.361
331	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.181.204.905	2.353.207.793
340	II. Nợ phải trả dài hạn		5.699.553.361	5.808.562.699
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	23	5.699.553.361	5.808.562.699
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.684.415.112.510	4.366.397.458.467
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	4.684.415.112.510	4.366.397.458.467
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		4.084.487.181.017	3.911.465.801.817
441.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		2.027.831.270.000	1.878.001.200.000
441.1 a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.027.831.270.000	1.878.001.200.000
411.2	1.2 Thặng dư vốn cổ phần		2.056.655.911.017	2.038.154.023.957
411.5	1.3 Cổ phiếu quỹ		-	(4.689.422.140)
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		-	54.270.023.547
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		-	54.270.023.547
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối	24.1	599.927.931.493	346.391.609.556
417.1	4.1 Lợi nhuận đã thực hiện		555.060.325.003	345.310.996.068
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		44.867.606.490	1.080.613.488
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		8.326.378.957.897	5.591.086.508.708

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (“CTCK”) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
001	Tài sản cố định thuê ngoài		994.635.000	994.635.000
004	Nợ khó đòi đã xử lý		4.517.439.940	4.517.439.940
005	Ngoại tệ các loại			
	- Đô la Mỹ (USD)		2.460,80	2.500,40
	- Euro (EUR)		42,08	42,06
006	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)		202.783.127	187.300.660
007	Cổ phiếu quỹ (số lượng)		-	499.460
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSD”) của CTCK	25.1	120.042.460.000	109.275.540.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	25.2	60.110.000	23.720.000
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK	25.3	200.190.000.000	210.067.970.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	25.4	1.770.868.750.000	1.074.457.740.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư		41.843.455.082.900	38.310.986.450.000
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		35.746.565.272.900	31.802.283.650.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		338.151.620.000	418.836.790.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		4.655.592.160.000	5.144.229.080.000
021.4	Tài sản tài chính bị phong tỏa, giam giữ		717.379.640.000	624.794.310.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		385.766.390.000	320.842.620.000
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư		320.632.320.000	278.733.830.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		319.792.320.000	277.667.830.000
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		840.000.000	1.066.000.000
023	Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư	25.5	401.600.780.000	266.799.932.000
025	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư		165.088.600.000	88.830.130.000

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH|31.12.2023

(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)				
026	Tiền gửi của khách hàng		2.864.906.901.303	916.657.514.918
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.6	929.962.067.661	419.435.822.687
027.1	Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD		51.888.425.468	78.457.090.677
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của khách hàng	25.6	703.068.961.912	277.032.189.128
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		70.214.621.988	122.980.487.652
029.1	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		69.964.681.367	122.401.171.296
029.2	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài		249.940.621	579.316.356
030	Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	25.7	1.109.772.824.274	18.751.924.774
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.8	1.755.134.077.029	497.892.913.364
031.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.728.234.507.051	454.935.298.399
031.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		26.899.569.978	42.957.614.965
032	Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	25.9	5.268.462.000	28.458.000
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	25.10	1.104.504.362.274	18.723.466.774


Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Người lập


Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng


Ông Nguyễn Duy Viễn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 15 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		435.808.935.787	297.156.762.003
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	26.1	208.178.139.566	106.620.098.095
01.2	1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	26.2	176.363.449.070	167.246.263.552
01.3	1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	26.3	49.410.761.678	14.129.438.506
01.4	1.4. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	26.2	1.856.585.473	9.160.961.850
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	26.3	71.190.167.842	51.123.097.664
06	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	26.3	446.144.244.601	309.491.573.770
08	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		286.030.755.179	348.759.568.803
09	5. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		389.054.175	49.414.794.553
10	6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		12.989.260.585	15.894.506.355
11	7. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		6.443.962.439	17.165.089.282
	8. Thu nhập hoạt động khác		1.677.991	-
20	Cộng doanh thu hoạt động		1.258.998.058.599	1.089.005.392.430
I. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		178.550.870.608	331.117.630.603
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	26.1	41.544.814.495	123.862.655.004
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	26.2	132.406.385.094	193.500.761.556
21.3	1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		2.464.005.234	2.398.743.586
21.4	1.4 Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	26.2	2.135.665.785	11.355.470.457
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm các tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	27	(131.947.200)	1.364.025.600
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh	28	9.597.365.602	7.537.637.055
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	28	235.446.060.474	267.664.871.774
29	5. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	28	-	17.464.625.000
30	6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	28	13.256.787.054	12.047.459.718
31	7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	28	14.091.598.139	20.952.057.643
40	Cộng chi phí hoạt động		450.810.734.677	658.148.307.393

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc) (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		7.373.498	1.394.225.475
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		8.225.825.817	6.974.302.486
44	3. Doanh thu khác về đầu tư		1.964.771.787	1.524.007.259
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		10.197.971.102	9.892.535.220
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	29	4.077.698	2.523.333.247
52	2. Chi phí lãi vay	29	142.660.266.139	167.968.883.625
55	3. Chi phí tài chính khác	29	512.592.426	3.468.664.056
60	Cộng chi phí tài chính		143.176.936.263	173.960.880.928
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	30	166.227.088.970	117.886.563.588
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		508.981.269.791	148.902.175.741

Đơn vị: VND

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc) (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	1. Thu nhập khác		72.815.537	36.750.536
72	2. Chi phí khác		6.424.264	2.204.603
80	Cộng kết quả hoạt động khác		66.391.273	34.545.933
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		509.047.661.064	148.936.721.674
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		465.369.677.400	177.385.728.285
92	2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		43.677.983.664	(28.449.006.611)
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	31	100.788.054.437	36.566.043.505
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành		100.897.063.775	30.757.480.806
100.2	2. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại		(109.009.338)	5.808.562.699
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		408.259.606.627	112.370.678.169
500	XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	32	2.105	460
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)		2.105	460

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Người lập

Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Duy Viễn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 15 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc)

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN		509.047.661.064	148.936.721.674
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		63.286.914.688	127.327.172.916
03	Khấu hao TSCĐ		8.702.699.785	6.770.013.915
04	Các khoản dự phòng	27	(131.947.200)	1.364.025.600
06	Chi phí lãi vay	29	142.660.266.139	167.968.883.625
07	Lãi từ hoạt động đầu tư		(8.250.689.453)	(8.498.309.745)
08	Dự thu tiền lãi	9	(79.693.414.583)	(40.277.440.479)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		134.542.050.879	204.856.232.013
11	Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		134.542.050.879	204.856.232.013
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(178.220.034.543)	(176.407.225.402)
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		(178.220.034.543)	(176.407.225.402)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(2.799.336.488.799)	161.494.141.153
31	Tăng tài sản tài chính FVTPL		(285.644.262.394)	(432.901.237.371)
32	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		(981.724.232.930)	665.127.761.638
33	(Tăng)/giảm các khoản cho vay		(1.336.242.147.030)	339.116.230.280
35	(Tăng)/giảm phải thu bán các tài sản tài chính		1.045.096.000	(1.998.155.000)
36	(Tăng) phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		40.277.440.479	25.371.524.155
37	(Tăng)/giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(4.473.548.366)	5.097.361.313
39	(Giảm các khoản phải thu khác		2.210.127.099	26.566.179.733
40	(Tăng)/giảm các tài sản khác		(6.452.940.230)	12.138.015.275
41	Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		3.894.891	6.045.186
42	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(8.458.784.181)	4.033.144.558
43	Thuế TNDN đã nộp	20	(87.163.850.418)	(41.018.313.999)
44	Lãi vay đã trả		(123.762.937.017)	(180.783.118.224)
45	Tăng/(giảm) phải trả cho người bán		(3.003.177.857)	875.070.028
46	Giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(19.486.002.888)	(24.927.953.697)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
47	Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(3.386.004.375)	(16.608.162.759)
48	Tăng/(giảm) phải trả người lao động		20.507.320.978	(18.146.172.253)
50	Giảm phải trả, phải nộp khác		(3.560.448.776)	(200.180.599.449)
51	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		879.318.970	-
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(901.350.754)	(273.478.261)
60	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(2.270.679.896.711)	466.207.042.354

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc) (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(11.943.815.710)	(14.424.204.973)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		24.863.636	
65	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.225.825.817	6.974.302.486
70	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.693.126.257)	(7.449.902.487)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		23.389.399.200	2.692.592.620.500
72	Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu quỹ		(198.090.000)	(68.940)
73	Tiền vay gốc		36.093.821.960.022	32.002.026.096.396
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(33.719.737.360.302)	(34.817.376.410.460)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(93.647.230.000)	(131.110.462.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		2.303.628.678.920	(253.868.224.504)
90	IV. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		29.255.655.952	204.888.915.363
101	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	787.865.279.208	582.976.363.845
101.1	Tiền		287.865.279.208	567.976.363.845
101.2	Các khoản tương đương tiền		500.000.000.000	15.000.000.000
103	VI. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	817.120.935.160	787.865.279.208
103.1	Tiền		247.120.935.160	287.865.279.208
103.2	Các khoản tương đương tiền		570.000.000.000	500.000.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc) (tiếp theo)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
01	1 Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		122.547.051.498.108	134.357.435.477.390
02	2 Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(111.888.813.526.760)	(133.006.460.513.650)
07	3 Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		296.259.801.492.056	377.310.104.815.710
08	4 Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(306.051.078.877.109)	(379.897.119.427.983)
11	5 Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(9.732.099.410)	(9.245.317.337)
14	6 Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		11.964.580.596.327	13.163.685.708.399
15	7 Tiền chi trả của Tổ chức phát hành chứng khoán		(10.873.559.696.827)	(13.211.172.253.318)
20	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.948.249.386.385	(1.292.771.510.789)

Đơn vị: VND

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc) (tiếp theo)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		916.657.514.918	2.209.429.025.707
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		916.657.514.918	2.209.429.025.707
32	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.6	497.892.913.364	633.645.960.402
32.1	Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD	25.6	78.457.090.677	48.273.268.147
33	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	25.6	277.032.189.128	1.432.386.472.188
34	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		122.980.487.652	77.158.123.424
35	Tiền gửi của Tổ chức phát hành	25.7	18.751.924.774	66.238.469.693
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)		2.864.906.901.303	916.657.514.918
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		2.864.906.901.303	916.657.514.918
42	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.6	981.850.493.129	497.892.913.364
42.1	Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD	25.6	51.888.425.468	78.457.090.677
43	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	25.6	703.068.961.912	277.032.189.128

44	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		70.214.621.988	22.980.487.652
45	Tiền gửi của Tổ chức phát hành	25.7	1.109.772.824.274	18.751.924.774



Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Người lập



Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Duy Viễn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 15 tháng 03 năm 2024

Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG | 31.12.2023
VỐN CHỦ SỞ HỮU (cho năm tài chính kết thúc)

		Số dư đầu năm		Số Tăng/Giảm		
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	01.01.2022	01.01.2023	Năm trước		
				Tăng	Giảm	
A	B	1	2	3	4	
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU						
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.218.873.250.257	3.911.465.801.817	2.694.931.722.000	(2.339.170.440)	
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	24.2	1.220.700.780.000	1.878.001.200.000	657.300.420.000	-	
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		2.861.823.457	2.038.154.023.957	2.037.631.302.000	(2.339.101.500)	
1.3 Cổ phiếu quỹ		(4.689.353.200)	(4.689.422.140)	-	(68.940)	
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		54.270.023.547	54.270.023.547	-	-	
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		54.270.023.547	54.270.023.547	-	-	
4. Lợi nhuận chưa phân phối		391.843.754.037	346.391,609.556	146.628.247.479	(192.080.391.960)	
4.1 Lợi nhuận đã thực hiện	24.1	356.505.571.239	345.310.996.068	146.628.247.479	(157.822.822.650)	
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	24.1	35.338.182.798	1.080.613.488	-	(34.257.569.310)	
TỔNG CỘNG	24.2	1.719.257.051.388	4.366.397.458.467	2.841.559.969.479	(194.419.562.400)	

Số Tăng/Giảm			Số dư cuối năm	
	Năm nay		31.12.2022	31.12.2023
	Tăng	Giảm		
	5	6	7	8
	173.219.469.200	(198.090.000)	3.911.465.801.817	4.084.487.181.017
	149.830.070.000	-	1.878.001.200.000	2.027.831.270.000
	18.501.887.060	-	2.038.154.023.957	2.056.655.911.017
	4.887.512.140	(198.090.000)	(4.689.422.140)	-
	-	(54.270.023.547)	54.270.023.547	-
	-	(54.270.023.547)	54.270.023.547	-
	461.043.142.691	(207.506.820.754)	346.391.609.556	599.927.931.493
	417.256.149.689	(207.506.820,754)	345.310.996.068	555.060.325.003
	43.786.993.002	-	1.080.613.488	44.867.606.490
	634.262.611.891	(316.244.957.848)	4.366.397.458.467	4.684.415.112.510

Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG | 31.12.2023
VỐN CHỦ SỞ HỮU (cho năm tài chính kết thúc) (tiếp theo)

		Số dư đầu năm		Số Tăng/Giảm		
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	01.01.2022	01.01.2023	Năm trước		
				Tăng	Giảm	
A	B	1	2	3	4	
1. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC		-	-	-	-	
1. Lãi (lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS		-	-	-	-	
TỔNG CỘNG (III=I+II)	24.2	1.719.257.051.388	4.366.397.458.467	2.841.559.969.479	(194.419.562.400)	

Số Tăng/Giảm			Số dư cuối năm	
	Năm nay		31.12.2022	31.12.2023
	Tăng	Giảm		
	5	6	7	8
	-	-	-	-
	-	-	-	-
	634.262.611.891	(316.244.957.848)	4.366.397.458.467	4.684.415.112.510



Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Người lập



Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Duy Viễn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 15 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

1 THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 02/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu vào ngày 26 tháng 11 năm 1999 và các giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp theo từng thời kỳ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang hoạt động theo:

Tên văn bản	Ngày cấp	Đơn vị cấp
Giấy phép số 70/GPDC-UBCK	Ngày 13 tháng 09 năm 2023	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101003060	Cấp lần đầu ngày 31 tháng 03 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 27 vào ngày 22 tháng 09 năm 2023	Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội

Công ty được thành lập trên cơ sở thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Ngày 19 tháng 07 năm 2011, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là BSI.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và thực hiện nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 8, 9, Tòa nhà Thaiholdings, Số 210 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một (01) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và hai (02) phòng giao dịch tại Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 300 nhân viên (31 tháng 12 năm 2022: 285 nhân viên).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Tại ngày 19 tháng 09 năm 2023, Hội đồng quản trị đã sửa đổi điều lệ hoạt động của Công ty tại NQ HĐQT số 648/NQ-BSC, căn cứ theo NQ ĐHCĐ số 02/NQ-ĐHCĐ đề ngày 14 tháng 04 năm 2023.

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty là 2.027.831.270.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.878.001.200.000 đồng).

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán;
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

1 THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu;
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau:
 - Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác,
 - Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết,
 - Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở,
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

2 CƠ SỞ TRÌNH BÀY

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210"), Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC, Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022..

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, cô tình thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

(a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn, hoặc;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

(b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL"

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có năm đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- (a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- (b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- (c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn ("HTM") (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực là phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các tài sản tài chính HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các tài sản tài chính HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng năm hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".





Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

(a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

(b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

(c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc, cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi (-) các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên UPCoM thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC"), căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của Tổ chức phát hành tại thời điểm lập báo cáo tài chính;
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của Tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá.

Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư 24") ngày 07 tháng 04 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 48") ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Thông tư 24 có hiệu lực từ ngày 25 tháng 05 năm 2022, sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng lập dự phòng, theo đó, đối tượng lập dự phòng là các loại chứng khoán do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành theo quy định của pháp luật, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, đang được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước, được tự do mua bán trên thị trường và giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán.

Đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU
(tiếp theo)****Phân loại tài sản tài chính**

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào thời điểm ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” thuộc Vốn chủ sở hữu.

Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản dù đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh, các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động.

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm kế toán, Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động trong năm.

Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí hoạt động trong năm".

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản phải thu chưa quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3-7 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6-10 năm
Tài sản cố định khác	4-7 năm
Phần mềm	3-8 năm

Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (01) đến mười (10) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- Chi phí sửa chữa văn phòng;
- Phí bảo hiểm;
- Phí bản quyền phần mềm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản vay và phát hành trái phiếu

Các khoản vay và trái phiếu được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm kế toán.

Các khoản phải trả và chỉ phí trích trước

Các khoản phải trả và chỉ phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Chứng quyền mua có bảo đảm

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ Tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá thực hiện, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

Khi phân phối chứng quyền, Công ty ghi tăng phải trả chứng quyền đồng thời theo dõi ngoại bảng số chứng quyền còn được phép phát hành. Cuối năm, Công ty thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị hợp lý. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm xuống, phần chênh lệch ghi nhận vào "Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL" (chi tiết "Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành"). Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành tăng, phần chênh lệch được ghi nhận vào "Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL" (chi tiết "Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành").

Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh. Lãi/lỗ khi mua lại chứng quyền, khi đáo hạn chứng quyền hoặc khi chứng quyền bị thu hồi được ghi vào khoản mục "Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL" hoặc "Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL" tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty theo dõi chi tiết chứng khoán phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm. Cuối năm, giá trị của chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro được đánh giá lại và ghi nhận việc đánh giá lại tương tự như đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU
(tiếp theo)****Lợi ích của nhân viên****Trợ cấp nghỉ hưu**

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Theo quy định, Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác của nhân viên. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ – quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chỉ trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng, thu tiền bảo hiểm được bồi thường, thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại, và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

- Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.
- Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và chi phí thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm.
- Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

- Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Thông tin bộ phận

Mỗi bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên các dịch vụ được cung cấp cho nhà đầu tư, Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	519.730	13.098.307
Tiền gửi ngân hàng của Công ty	247.120.415.430	287.852.180.901
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	117.384.585.430	271.933.358.296
Tiền gửi bù trừ và thanh toán trong giao dịch chứng khoán	129.735.830.000	3.730.092.919
Tiền gửi ký quỹ (*)	-	12.188.729.686
Các khoản tương đương tiền	570.000.000.000	500.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	570.000.000.000	500.000.000.000
Tổng cộng	817.120.935.160	787.865.279.208

(*) Số dư tiền gửi ký quỹ cho mục đích phát hành và bảo chứng quyền của Công ty.

6 GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
a. Của Công ty	310.253.911	30.707.832.591.481
- Cổ phiếu	77.516.330	2.170.821.929.600
- Trái phiếu	193.546.666	28.304.070.598.381
- Chứng khoán phái sinh	1.405	155.774.420.000
- Chứng khoán khác	39.189.510	77.165.643.500
b. Của Nhà đầu tư	13.109.130.154	439.967.839.013.250
- Cổ phiếu	12.498.555.560	227.320.960.964.620
- Trái phiếu	364.258.320	42.927.329.856.800
- Chứng khoán phái sinh	1.534.636	169.508.219.060.000
- Chứng khoán khác	244.781.638	211.329.131.830
Tổng cộng	13.419.384.065	470.675.671.604.731

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

7 CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Một số khái niệm về tài sản tài chính

Giá gốc

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại Thuyết minh số 4.6.

Giá trị phân bổ

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận

ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục "Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp" trên báo cáo tình hình tài chính.

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

7 CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	14.737.616.851	17.032.916.880	189.986.536.212	172.636.727.540
Công ty Cổ phần Nafoods				
Group	7.478.200.275	7.536.436.600	1.930.275	750.500
Công ty Cổ Phần Vàng bạc				
Đá quý Phú Nhuận	4.074.641.124	4.736.020.000	307.827.302	446.803.000
Cổ phiếu khác	3.184.775.452	4.760.460.280	189.676.778.635	172.189.174.040
Cổ phiếu chưa niêm yết	58.402.587.716	82.575.114.328	83.804.489.806	104.669.214.886
Công ty Cổ phần Đầu tư				
Phan Vũ	58.063.615.500	82.325.851.400	58.063.615.500	82.325.851.400
Công ty Cổ phần Xuất nhập				
khẩu Nông sản Thực phẩm				
An Giang	-	-	25.500.000.000	22.100.000.000
Cổ phiếu khác	338.972.216	249.262.928	240.874.306	243.363.486
Trái phiếu niêm yết	309.426.434.712	312.797.255.326	211.012.055.034	211.008.964.072
Trái phiếu Chính phủ	209.249.000.000	209.249.000.000	210.838.300.000	210.838.300.000
Trái phiếu doanh nghiệp	177.434.712	178.392.312	173.755.034	170.664.072
Trái phiếu của các tổ chức				
tín dụng	100.000.000.000	103.369.863.014	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	365.704.622.207	370.087.995.576	729.537.084.304	733.621.218.822
Trái phiếu doanh nghiệp	-	-	143.595.212.710	144.182.062.026
Trái phiếu của các tổ chức				
tín dụng	365.704.622.207	370.087.995.576	585.941.871.594	589.439.156.796
Cổ phiếu dùng cho hoạt				
động phòng ngừa				
rủi ro đối với chứng quyền	2.429.776.445	2.507.015.000	9.492.665.763	9.595.940.000
Chứng chỉ tiền gửi	964.227.365.867	980.156.954.909	206.982.713.000	207.759.425.329
Chứng chỉ quỹ	14.147.461.683	14.503.431.500	12.616.058.968	10.767.866.500
Tổng cộng	1.729.075.865.481	1.779.660.683.519	1.443.431.603.087	1.450.059.357.149

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

7 CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

Đơn vị tính: VND

(a) Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm (i)	817.113.013.705	159.967.342.469
Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm (ii)	427.944.520.591	52.000.000.000
Tổng cộng	1.245.057.534.296	211.967.342.469

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm và được hưởng lãi suất từ 5,20%/năm đến 10,70%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 4,30%/năm đến 7,00%/năm).

(ii) Các chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm và được hưởng lãi suất từ 4,30%/năm đến 8,80%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5,00%/năm).

(b) Dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức tín dụng	-	51.365.958.897

Các khoản cho vay và dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (i)	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (i)
Cho vay hoạt động ký quỹ (iii)	4.146.626.421.580	4.140.272.816.380	2.694.821.373.492	2.688.335.821.092
Ứng trước tiền bán chứng khoán	149.191.898.577	149.191.898.577	264.754.799.635	264.754.799.635
Tổng cộng	4.295.818.320.157	4.289.464.714.957	2.959.576.173.127	2.953.090.620.727

(iii) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

(iv) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc tối đa ba (03) tháng và được hưởng lãi suất từ 9,50%/năm đến 13,00%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 từ 9,00%/năm đến 13,00%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

7 CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

Chênh lệch đánh giá				
Các loại tài sản tài chính	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại
Tại 31.12. 2023				
FVTPL				
Cổ phiếu niêm yết	14.737.616.851	2.402.334.981	(107.034.952)	17.032.916.880
Cổ phiếu chưa niêm yết	58.402.587.716	24.302.186.639	(129.660.027)	82.575.114.328
Trái phiếu niêm yết	309.426.434.712	3.370.820.614	-	312.797.255.326
Trái phiếu chưa niêm yết	365.704.622.207	4.383.373.369	-	370.087.995.576
Cổ phiếu dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền	2.429.776.445	78.754.655	(1.516.100)	2.507.015.000
Chứng chỉ tiền gửi	964.227.365.867	15.929.589.042	-	980.156.954.909
Chứng chỉ quỹ	14.147.461.683	1.312.507.325	(956.537.508)	14.503.431.500
Tổng cộng	1.729.075.865.481	51.779.566.625	(1.194.748.587)	1.779.660.683.519
Tại 31.12. 2022				
FVTPL				
Cổ phiếu niêm yết	189.986.536.212	2.049.895.977	(19.399.704.649)	172.636.727.540
Cổ phiếu chưa niêm yết	83.804.489.806	24.320.418.823	(3.455.693.743)	104.669.214.886
Trái phiếu niêm yết	211.012.055.034	-	(3.090.962)	211.008.964.072
Trái phiếu chưa niêm yết	729.537.084.304	4.084.134.518	-	733.621.218.822
Cổ phiếu dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền	9.492.665.763	118.693.341	(15.419.104)	9.595.940.000
Chứng chỉ tiền gửi	206.982.713.000	776.712.329	-	207.759.425.329
Chứng chỉ quỹ	12.616.058.968	657.747.761	(2.505.940.229)	10.767.866.500
Tổng cộng	1.443.431.603.087	32.007.602.749	(25.379.848.687)	1.450.059.357.149

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

8 DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN THẾ CHẤP

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu năm	6.485.552.400	9.638.966.740
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm	(131.947.200)	1.364.025.600
Sử dụng dự phòng để xử lý nợ xấu	-	(4.517.439.940)
Tổng cộng	6.353.605.200	6.485.552.400

9 CÁC TÀI SẢN CHÍNH KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	1.086.025.000	2.131.121.000
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	79.693.414.583	40.277.440.479
Trong đó: Dự thu tiền lãi nghiệp vụ cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán	79.268.917.022	38.451.418.727
3. Trả trước cho người bán	2.748.124.266	1.980.618.000
4. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	6.050.762.267	1.577.213.901
5. Các khoản phải thu khác	69.115.000	3.046.748.365
Tổng cộng	89.647.441.116	49.013.141.745

10 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	804.634.181	23.000.000
Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	704.371.800	765.319.999
Chi phí trả trước ngắn hạn	12.529.518.712	6.286.914.856
Chi phí trả trước thuê văn phòng	7.021.686.207	2.678.896.498
- Chi phí trả trước khác	5.507.832.505	3.608.018.358
Tài sản ngắn hạn khác	4.827.984.500	4.827.984.500
- Tiền gửi ký quỹ phái sinh của Công ty (*)	4.827.984.500	4.827.984.500
Tổng cộng	18.866.509.193	11.903.219.355

(*) Đây là tiền ký quỹ của Công ty cho giao dịch tự doanh chứng khoán phái sinh theo Quyết định số 96/QĐ-VSD ngày 23 tháng 03 năm 2017 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Ngày 01 tháng 01 năm 2023	45.938.773.994	339.437.698	1.813.910.629	48.092.122.321
Tăng trong năm	3.043.704.400	1.689.280.000	831.152.310	5.564.136.710
Thanh lý	(193.752.855)	-	-	(193.752.855)
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	48.788.725.539	2.028.717.698	2.645.062.939	53.462.506.176
Giá trị khấu hao lũy kế				
Ngày 01 tháng 01 năm 2023	(29.357.289.271)	(339.437.698)	(525.630.580)	(30.222.357.549)
Khấu hao trong năm	(6.034.628.557)	(128.058.320)	(460.925.092)	(6.623.611.969)
Thanh lý	193.752.855	-	-	193.752.855
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	(35.198.164.973)	(467.496.018)	(986.555.672)	(36.652.216.663)

Giá trị còn lại

Ngày 01 tháng 01 năm 2023	16.581.484.723	-	1.288.280.049	17.869.764.772
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	13.590.560.566	1.561.221.680	1.658.507.267	16.810.289.513

Các thông tin khác về TSCĐ hữu hình:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	19.544.728.713	16.045.108.650

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Ngày 01 tháng 01 năm 2023	12.960.421.495
Tăng trong năm	6.379.679.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	19.340.100.495
Giá trị hao mòn lũy kế	
Ngày 01 tháng 01 năm 2023	(5.061.043.940)
Khấu hao trong năm	(2.079.087.816)
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	(7.140.131.756)
Giá trị còn lại	
Ngày 01 tháng 01 năm 2023	7.899.377.555
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	12.199.968.739

Các thông tin khác về TSCĐ vô hình:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.414.980.000	1.437.980.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

13 CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đặt cọc thuê văn phòng	10.582.718.692	5.161.935.044
Đặt cọc thuê xe ô tô	819.788.000	717.488.000
Khác	398.219.163	189.048.563
Tổng cộng	11.800.725.855	6.068.471.607

14 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa văn phòng	7.676.426.112	5.192.738.839
Phí bảo hiểm	1.858.796.590	2.216.396.590
Phí bản quyền phần mềm	325.845.927	324.839.795
Khác	89.086.920	-
Tổng cộng	9.950.155.549	7.733.975.224

Đơn vị tính: VND

15 TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 05 năm 2014 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	13.223.227.395	13.223.227.395
Tiền lãi phân bổ	7.456.772.605	7.906.772.605
Tổng cộng	20.800.000.000	21.250.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

16 TIỀN NỘP QUỸ BÙ TRỪ

Theo Thông tư số 11/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 19 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, Quỹ bù trừ được hình thành từ các khoản đóng góp của thành viên bù trừ bằng tiền hoặc chứng khoán được Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chấp thuận với mục đích bồi thường thiệt hại và hoàn tất các giao dịch chứng khoán phái sinh đứng tên thành viên bù trừ trong trường hợp thành viên bù trừ, nhà đầu tư của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán.

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 03 năm 2017 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 10 tỷ đồng tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam vào Quỹ bù trừ cho giao dịch chứng khoán phái sinh. Các khoản đóng góp bổ sung định kỳ bao gồm khoản đóng góp bổ sung do đánh giá lại định kỳ và các khoản đóng góp bổ sung bất thường do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ban hành theo từng kỳ.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền nộp bổ sung	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng cộng	15.000.000.000	15.000.000.000

Đơn vị tính: VND

17 CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẦM CỐ, THẾ CHẤP

	Số cuối năm	Số đầu năm	Mục đích đảm bảo
Tài sản			
Ngắn hạn			
Tài sản tài chính ngắn hạn	1.430.000.000.000	228.726.985.210	Vay ngắn hạn
Tổng cộng	1.430.000.000.000	228.726.985.210	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

18 VAY NGẮN HẠN

Số đầu năm	
Vay ngân hàng (i)	620.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	330.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-
Đối tượng khác	290.000.000.000
Vay cá nhân (ii)	309.457.985.372
Tổng cộng	929.457.985.372

(i)Các khoản vay từ các ngân hàng thương mại trong nước có thời gian đáo hạn bằng hoặc dưới 12 tháng. Gốc vay được trả một lần vào cuối thời hạn của từng lần giải ngân. Lãi suất của các khoản vay dưới 8,00%/năm. Mục đích của các khoản vay là để tài trợ cho hoạt động đầu tư và vốn lưu động của Công ty.

(ii)Các khoản vay ngắn hạn với các cá nhân là khách hàng của Công ty. Các khoản vay này có thời hạn gốc vay là dưới 1 năm và chịu lãi suất từ 2,5%/năm đến 5,0%/năm.

Số vay trong năm	Số đã trả trong năm	Số cuối năm
15.512.000.000.000	(13.912.000.000.000)	2.220.000.000.000
3.560.000.000.000	(2.960.000.000.000)	600.000.000.000
2.250.000.000.000	(2.230.000.000.000)	350.000.000.000
2.000.000.000.000	(1.200.000.000.000)	800.000.000.000
7.702.000.000.000	(7.522.000.000.000)	470.000.000.000
20.081.821.960.022	(19.807.737.360.302)	583.542.585.092
35.593.821.960.022	(33.719.737.360.302)	2.803.542.585.092

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

19 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán tiền mua chứng khoán của Công ty	210.072.870.000	211.177.829.000
- Phải trả mua trái phiếu niêm yết	209.249.000.000	210.838.300.000
- Phải trả mua cổ phiếu niêm yết	820.640.000	92.000.000
- Phải trả liên quan tới chứng khoán phái sinh	3.230.000	247.529.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	7.142.076.599	7.745.467.229
- Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	5.558.190.368	6.120.270.368
- Phải trả Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	1.143.675.231	1.026.736.379
- Phải trả BIDV (Thuyết minh số 33.1)	-	347.921.482
- Phải trả chứng quyền (*)	440.211.000	250.539.000
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	5.611.866.467	7.534.327.574
Tổng cộng	222.826.813.066	226.457.623.803



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

19 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN (tiếp theo)

(*) Chi tiết chứng quyền có bảo đảm của Công ty như sau:

Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
CACB2304	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu	25/09/2023	25/09/2024
CMWG2312	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	25/09/2023	25/04/2024
CSTB2326	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín	25/09/2023	25/04/2024
CTCB2309	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam	25/09/2023	25/09/2024
Tổng cộng			

Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
CMSN2207	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	09/06/2022	09/01/2023
CMWG2206	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	09/06/2022	09/01/2023
CNVL2207	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	09/06/2022	09/01/2023
CPNJ2204	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá Quý Phú Nhuận	09/06/2022	09/01/2023
CSTB2214	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	09/06/2022	09/01/2023
Tổng cộng			

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022			
Số lượng chứng quyền được phép phát hành	Số lượng chứng quyền hủy đăng ký	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Số lượng chứng quyền chưa lưu hành
2.000.000	-	58.100	1.941.900
3.500.000	-	257.700	3.242.300
3.500.000	-	4.500	3.495.500
2.000.000	-	106.700	1.893.300
11.000.000		427.000	10.573.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022			
Số lượng chứng quyền được phép phát hành	Số lượng chứng quyền hủy đăng ký	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Số lượng chứng quyền chưa lưu hành
1.500.000	-	1.471.000	29.000
1.800.000	-	1.800.000	-
1.500.000	-	1.428.700	71.300
2.500.000	-	93.400	2.406.600
2.000.000	-	562.800	1.437.200
9.300.000	-	5.355.900	3.944.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

20 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước trong năm như sau: Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	338.079.178	751.989.983	(774.369.617)	315.699.544
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 31.1)	5.115.911.413	101.191.826.377	(87.163.850.418)	19.143.887.372
Thuế thu nhập cá nhân	18.290.058.859	165.242.303.359	(169.101.847.728)	14.430.514.490
- Cửa người lao động	3.418.560.762	22.531.997.228	(23.682.401.816)	2.268.156.174
- Cửa Nhà đầu tư	14.871.498.097	142.710.306.131	(145.419.445.912)	12.162.358.316
Các loại thuế khác	521.929.029	13.512.899.031	(13.311.742.005)	723.086.055
Tổng cộng	24.265.978.479	280.699.018.750	(270.351.809.768)	34.613.187.461

21 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay các tổ chức tín dụng và các cá nhân	20.671.008.245	1.773.679.123
Chi phí phải trả khác	41.107.997	37.213.106
Tổng cộng	20.712.116.242	1.810.892.229

22 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả khách hàng (*)	881.907.634	1.214.636.086
Phải trả khác	1.446.800.000	764.629.275
Tổng cộng	2.328.707.634	1.979.265.361

Đơn vị tính: VND

(*) Phải trả các khoản chuyển tiền lỗi giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

23 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”) HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: VND

Phải trả thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ tính thuế của các khoản mục sau đây:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
Số dư đầu năm	5.808.562.699	-
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá		
lại tài sản tài chính FVTPL	(241.122.858)	5.861.507.899
Ảnh hưởng khác	132.113.520	(52.945.200)
Số dư cuối năm	5.699.553.361	5.808.562.699

24 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Lợi nhuận chưa phân phối

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận đã thực hiện	555.060.325.003	345.310.996.068
Lợi nhuận chưa thực hiện	44.867.606.490	1.080.613.488
Tổng cộng	599.927.931.493	346.391.609.556

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

24 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu:	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022			
Mua lại cổ phiếu quỹ	1.220.700.780.000	2.861.823.457	(4.689.353.200)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi 2021	-	-	(68.940)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-
Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược	657.300.420.000	2.037.631.302.000	
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(2.339.101.500)	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022			
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(198.090.000)
Bán cổ phiếu quỹ	-	18.501.887.060	4.887.512.140
Sử dụng các quỹ trong năm (*)	56.185.830.000	-	-
Chia cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	93.644.240.000	-	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023			
	2.027.831.270.000	2.056.655.911.017	-

(*) Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 04 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty ("ĐHĐCĐ") đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, cụ thể, ĐHĐCĐ đã thông qua phương án đối với các nội dung sau:

- Sử dụng quỹ dự phòng tài chính và quỹ bổ sung vốn điều lệ để phát hành cổ phiếu bổ sung vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 3%;
- Thông qua phương án chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối với tỷ lệ 10%, trong đó: 5% bằng tiền mặt và 5% bằng cổ phiếu;
- Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận để lại với số tiền 19.314.000.000 VND; và
- Hoàn nhập phần còn lại của quỹ dự phòng tài chính vào lợi nhuận chưa phân phối.

Đơn vị tính: VND

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (*)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
54.270.023.547	54.270.023.547	391.843.754.037	1.719.257.051.388
-	-	-	(68.940)
-	-	(26.388.882.389)	(26.388.882.389)
-	-	(323.478.261)	(323.478.261)
-	-	112.370.678.169	112.370.678.169
-	-	(131.110.462.000)	(131.110.462.000)
-	-	-	2.694.931.722.000
-	-	-	(2.339.101.500)
(54.270.023.547)	(54.270.023.547)	346.391.609.556	4.366.397.458.467
-	-	-	(198.090.000)
-	-	-	23.389.399.200
54.270.023.547	54.270.023.547	52.354.217.094	-
-	-	(93.647.230.000)	(93.647.230.000)
-	-	(93.644.240.000)	-
-	-	(19.314.000.000)	(19.314.000.000)
-	-	(463.909.000)	(463.909.000)
-	-	408.259.606.627	408.259.606.627
-	-	429.318.970	429.318.970
-	-	(437.441.754)	(437.441.754)
-	-	599.927.931.493	4.684.415.112.510

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

24 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	202.783.127	187.800.120
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	202.783.127	187.800.120
- Cổ phiếu phổ thông	202.783.127	187.800.120
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	(499.460)
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	-	(499.460)
- Cổ phiếu phổ thông	-	(499.460)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	202.783.127	187.300.660
Cổ phiếu phổ thông	202.783.127	187.300.660

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Phần vốn của các Nhà đầu tư				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	105.385.361	51,96	97.579.039	51,96
Công ty TNHH Chứng khoán Hana	70.988.445	35,00	65.730.042	35,00
Các cổ đông khác (*)	26.409.321	13,04	23.991.579	12,78
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu quỹ	-	-	499.460	0,26
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	202.783.127	100,00	187.800.120	100,00

(*) Các cổ đông khác là cổ đông tổ chức và cá nhân, mỗi cổ đông sở hữu dưới 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	Số cổ phiếu quỹ	Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022	121.570.620	499.458	122.070.078
Số lượng cổ phiếu mới phát hành trong năm	65.730.042	-	65.730.042
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(2)	2	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	187.300.660	499.460	187.800.120
Số lượng cổ phiếu mới phát hành trong năm	14.983.007	-	14.983.007
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	505.660	(505.660)	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(6.200)	6.200	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	202.783.127	-	202.783.127

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

25 THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	19.532.460.000	108.383.540.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	100.010.000.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	500.000.000	892.000.000
Tổng cộng	120.042.460.000	109.275.540.000

Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	60.110.000	23.720.000

Tài sản tài chính chờ về của CTCK Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu	190.000.000	67.970.000
Trái phiếu	200.000.000.000	210.000.000.000
Tổng cộng	200.190.000.000	210.067.970.000

Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng chỉ tiền gửi	1.365.000.000.000	250.000.000.000
Cổ phiếu	43.128.750.000	43.102.540.000
Trái phiếu	362.740.000.000	781.355.200.000
Tổng cộng	1.770.868.750.000	1.074.457.740.000

Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu, trái phiếu, chứng quyền và chứng chỉ quỹ	401.600.780.000	266.799.932.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

25 THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tiền gửi của Nhà đầu tư Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	929.962.067.661	419.435.822.687
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	926.939.261.329	385.658.808.612
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.022.806.332	33.777.014.075
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	51.888.425.468	78.457.090.677
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	703.068.961.912	277.032.189.128
Tổng cộng	1.684.919.455.041	774.925.102.492

Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	5.268.462.000	28.458.000
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	1.104.504.362.274	18.723.466.774
Tổng cộng	1.109.772.824.274	18.751.924.774

Phải trả Nhà đầu tư của CTCK Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Nhà đầu tư – Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Nhà đầu tư trong nước	1.695.043.068.729	385.658.808.612
- Nhà đầu tư nước ngoài	8.202.582.832	33.777.014.075
Phải trả tiền ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	51.888.425.468	78.457.090.677
Tổng cộng	1.755.134.077.029	497.892.913.364

Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	5.268.462.000	28.458.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

25 THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	1.104.504.362.274	18.723.466.774

Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả phí môi giới chứng khoán		
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	1.221.504.252	769.940.309
Phải trả khác	1.211.674.841	768.430.759
Tổng cộng	2.433.179.093	1.538.371.068

Phải trả vay CTCK của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nghiệp vụ margin	4.225.895.338.602	2.733.272.899.915
Phải trả gốc margin (Thuyết minh số 7.3)	4.146.626.421.580	2.694.821.373.492
- Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư trong nước	4.146.626.421.580	2.694.821.373.492
Phải trả lãi margin	79.268.917.022	38.451.526.423
Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư trong nước	79.268.917.022	38.451.526.423
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	149.191.898.577	264.754.799.635
(Thuyết minh số 7.3)		
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	149.191.898.577	264.754.799.635
Tổng cộng	4.375.087.237.179	2.998.027.699.550

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

26 LÃI (LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Lãi (lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán
I	LÃI BÁN			
1	Cổ phiếu niêm yết	24.345.570	30.536	743.404.390.400
2	Trái phiếu niêm yết	92.314.045	125.579	11.592.734.869.059
3	Trái phiếu chưa niêm yết	8.387.302	711.117	5.964.354.203.615
4	Chứng chỉ tiền gửi	538.423	52.998.719	28.535.729.052.666
5	Hợp đồng tương lai chỉ số	-	-	-
6	Khác	20.012.100	5.668	113.419.412.572
Tổng cộng		145.597.440		46.949.641.928.312
II	LỖ BÁN			
1	Cổ phiếu niêm yết	12.449.400	26.031	324.064.323.000
2	Trái phiếu niêm yết	2.000.000	107.355	214.710.500.000
3	Chứng chỉ tiền gửi	100.506	9.080.511	912.645.811.952
4	Hợp đồng tương lai chỉ số	-	-	-
5	Khác	14.678.100	20.822	305.625.782.535
Tổng cộng		29.228.006		1.757.046.417.487

Đơn vị tính: VND

Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi (lỗ) bán chứng khoán năm nay	Lãi (lỗ) bán chứng khoán năm trước
650.133.063.961	93.271.326.439	12.281.660.276
11.556.233.269.936	36.501.599.123	38.261.477.796
5.947.061.963.276	17.292.240.339	18.621.051.086
28.498.944.230.085	36.784.822.581	6.424.313.479
-	6.265.638.000	16.498.961.000
95.356.899.488	18.062.513.084	14.532.634.458
46.747.729.426.746	208.178.139.566	106.620.098.095
348.531.535.962	24.467.212.962	77.739.822.385
217.936.500.000	3.226.000.000	3.946.026.492
915.041.685.185	2.395.873.233	4.523.539.080
-	8.220.489.000	12.374.780.000
308.861.021.835	3.235.239.300	25.278.487.047
1.790.370.742.982	41.544.814.495	123.862.655.004

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

26 LÃI (LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị hợp lý
I	FVTPL		
1	Cổ phiếu niêm yết	14.737.616.851	17.032.916.880
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	58.402.587.716	82.575.114.328
3	Trái phiếu niêm yết	309.426.434.712	312.797.255.326
4	Trái phiếu chưa niêm yết	365.704.622.207	370.087.995.576
5	Chứng chỉ tiền gửi	964.227.365.867	980.156.954.909
6	Chứng quyền có đảm bảo	422.552.813	440.211.000
7	Khác	16.577.238.128	17.010.446.500
Tổng cộng		1.729.498.418.294	1.780.100.894.519

Đơn vị tính: VND

Số dư chênh lệch đánh giá lại tại đầu năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại cuối năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm
2.295.300.029	(17.349.808.672)	19.645.108.701
24.172.526.612	20.864.725.080	3.307.801.532
3.370.820.614	(3.090.962)	3.373.911.576
4.383.373.369	4.084.134.518	299.238.851
15.929.589.042	776.712.329	15.152.876.713
(17.658.187)	261.422.125	(279.080.312)
433.208.372	(1.744.918.231)	2.178.126.603
50.567.159.851	6.889.176.187	43.677.983.664

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

26 LÃI (LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM và các khoản cho vay Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Từ tài sản tài chính FVTPL	49.410.761.678	14.129.438.506
Từ tài sản tài chính HTM	71.190.167.842	51.123.097.664
Từ các khoản cho vay, ứng trước tiền bán	446.144.244.601	309.491.573.770
Tổng cộng	566.745.174.121	374.744.109.940

27 CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỔN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI, LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	(131.947.200)	1.364.025.600
Tổng cộng	(131.947.200)	1.364.025.600

28 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động tự doanh	9.597.365.602	7.537.637.055
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	235.446.060.474	267.664.871.774
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	17.464.625.000
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	13.256.787.054	12.047.459.718
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	14.091.598.139	20.952.057.643
Tổng cộng	272.391.811.269	325.666.651.190

TỔNG HỢP CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THEO KHOẢN MỤC CHI PHÍ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí môi giới chứng khoán	104.195.233.945	127.251.031.595
Chi phí hoạt động lưu ký	13.256.787.054	12.047.459.718
Chi phí tư vấn đầu tư chứng khoán	-	17.464.625.000
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	692.000.000	9.886.751.000
Chi phí lương và các khoản phúc lợi	108.015.089.679	107.485.446.691
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.101.718.547	1.831.138.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.374.709.520	11.171.570.080
Chi phí thuê văn phòng	12.232.765.416	9.914.359.680
Chi phí bảo trì phần mềm	3.673.597.814	5.382.104.138
Chi phí khác	14.849.909.294	23.232.164.368
Tổng cộng	272.391.811.269	325.666.651.190

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

29 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	4.077.698	2.523.333.247
Chi phí lãi vay ngân hàng	103.282.870.109	89.610.302.604
Chi phí lãi vay từ trái phiếu phát hành	10.446.575.343	59.124.205.131
Chi phí lãi vay cá nhân	28.336.286.480	17.368.421.368
Chi phí lãi vay từ hoạt động bán và mua lại trái phiếu	-	1.229.299.999
Chi phí lãi vay khác	594.534.207	636.654.523
Chi phí tài chính khác	512.592.426	3.468.664.056
Tổng cộng	143.176.936.263	173.960.880.928

30 CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	105.630.383.827	70.314.447.968
Chi phí thuê văn phòng	19.981.032.210	11.805.666.867
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.406.256.978	4.938.874.995
Chi phí thuế, phí và lệ phí	4.000.000	182.753.600
Chi phí mạng viễn thông	3.588.333.750	3.547.487.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.962.827.744	7.270.293.619
Chi phí kiểm toán	414.800.000	353.420.000
Chi phí khác	24.239.454.461	19.473.618.983
Tổng cộng	166.227.088.970	117.886.563.588

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

31 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 02 tháng 08 năm 2014.

Bảng ước tính thuế TNDN hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	509.047.661.064	148.936.721.674
Thuế tính ở thuế suất 20%	101.809.532.213	29.787.344.335
Điều chỉnh thuế TNDN:	(1.107.341.570)	6.778.699.170
- Thu nhập không chịu thuế	(1.040.181.079)	(1.157.976.883)
- Chi phí không được trừ	203.515.662	94.990.393
Chênh lệch tạm thời	(22.614.159)	-
- Chênh lệch tăng đánh giá lại tài sản tài chính	(139.052.656)	-
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại của các năm trước ghi nhận vào năm nay	(109.009.338)	8.378.546.068
- Dự phòng thiếu các năm trước	-	13.441.909
- Khác	-	(550.302.317)
Tổng chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm	100.702.190.643	36.566.043.505
Chi phí thuế nộp bổ sung năm 2022 và 2023	85.863.794	-
Tổng chi phí thuế ghi nhận trong năm	100.788.054.437	36.566.043.505
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động		
Thuế TNDN - hiện hành	100.897.063.775	30.757.480.806
Thuế TNDN - hoãn lại	(109.009.338)	5.808.562.699
Tổng cộng	100.788.054.437	36.566.043.505

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

32 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế của năm 2022. Cho mục đích lập báo cáo tài chính, các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông – VND	408.259.606.627	112.370.678.169
Điều chỉnh giảm lợi nhuận do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi – VND (*)	-	(19.314.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu – VND	408.259.606.627	93.056.678.169
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu – Cổ phiếu	193.939.728	202.280.934
Lãi cơ bản trên cổ phiếu – VND	2.105	460

33 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Nghệ vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Ngân hàng mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC)	Công ty con của BIDV
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC)	Công ty con của BIDV
Công ty TNHH Chứng khoán Hana	Cổ đông lớn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

33 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Nghệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)	Số dư tiền gửi không kỳ hạn của Công ty	270.213.727.339
	Số dư tiền gửi không kỳ hạn của Nhà đầu tư	380.531.402.930
	Đầu tư vào cổ phiếu (lô lẻ)	1.369.646.596
	Đầu tư vào trái phiếu	80.978.720.294
	Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn	550.000.000.000
	Dự thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu	5.044.100.387
	Phải trả phí dịch vụ giao dịch	(790.370.763)
	Phải trả lãi hoạt động cho vay ký quỹ	(1.348.114.903)
	Giải ngân hộ tiền cho vay cầm cố của khách hàng	466.826.460
	Thu hộ tiền cho vay cầm cố cho khách hàng	(347.921.482)
	Phải thu phí dịch vụ	70.000.000
	Doanh thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu	-
	Chi phí dịch vụ giao dịch	-
	Chi phí dịch vụ thanh toán	-
	Cổ tức được chia bằng tiền (VND)	-
	Cổ tức được chia bằng cổ phiếu (cổ phiếu)	-
	Cổ phiếu nhận thêm qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn (cổ phiếu)	-

Đơn vị tính: VND

Phải thu/(phải trả)			
Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm	Doanh thu/ (chi phí)
74.003.510.578.278	(74.053.840.332.019)	219.883.973.598	-
172.839.855.386.290	(170.993.858.239.000)	2.226.528.550.220	-
-	-	1.369.646.596	-
807.271.865.342	(874.690.228.098)	13.560.357.538	-
6.858.347.547.151	(6.197.107.354.284)	1.211.240.192.867	-
52.526.712.695	(29.915.604.061)	27.655.209.021	-
(29.090.203.388)	27.814.798.891	(2.065.775.260)	-
(13.332.734.526)	13.533.977.721	(1.146.871.708)	-
-	(466.826.460)	-	-
-	347.921.482	-	-
-	(70.000.000)	-	-
-	-	-	72.343.446.510
-	-	-	(41.875.942.631)
-	-	-	(257.502.259)
-	-	-	48.789.519.500
-	-	-	4.878.951
-	-	-	2.927.371

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

33 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Nghệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Số đầu năm
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC)	Đầu tư và cổ phiếu (lô lẻ)	15.442.365
	Doanh thu phí môi giới chứng khoán	-
	Doanh thu phí lưu ký	-
	Chi phí mua bảo hiểm	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC)	Số dư tiền gửi không kỳ hạn của Công ty	3.723
	Số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty	-
	Dự thu lãi tiền gửi	-
	Số dư tiền gửi không kỳ hạn của Nhà đầu tư	1.227.072
Công ty TNHH Chứng khoán Hana	Vốn góp bằng tiền (VND)	2.694.931.722.000
	Cổ tức được chia bằng tiền (VND)	-
	Cổ tức được chia bằng cổ phiếu (cổ phiếu)	-
	Cổ phiếu nhận thêm qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn (cổ phiếu)	-
	Chi phí cho nhân sự phái cử	-

Phải thu/(phải trả)			
Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm	Doanh thu/ (chi phí)
-	(15.139.572)	302.793	-
-	-	-	225.071.386
-	-	-	25.254.572
-	-	-	(911.498.318)
25	(3.748)		-
10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
2.191.781	-	2.191.781	-
-	(1.227.072)	-	-
-	-	2.694.931.722.000	-
-	-		32.865.021.000
		-	3.286.502
-	-	-	1.971.901
-	-	-	(8.622.794.308)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

33 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị, tiền lương của Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và những người quản lý khác:

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Ngô Văn Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	120.000.000	120.000.000
Ông Chung Jae Hoon	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	2.903.120.602	421.716.343
Ông Nguyễn Duy Viễn	Tổng Giám đốc	3.422.134.080	3.215.954.588
Bà Nguyễn Thanh Huyền	Ủy viên Hội đồng quản trị	2.366.362.200	2.216.000.000
Ông Lim Do Kyoong	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	-	-
Ông Lê Đào Nguyên	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	-	323.478.261
Bà Phạm Thanh Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Bà Vũ Minh Châu	Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000	36.000.000
Ông Kang Ju Seok	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-
Bà Lê Thị Thanh Bình	Thành viên Ban Kiểm soát	-	31.909.000
Bà Kang Hee Joung	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-
Ông Lê Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	2.495.831.840	2.455.673.531
Ông Phạm Xuân Anh	Phó Tổng Giám đốc	2.586.339.168	2.455.673.531
Bà Ngô Thị Phong Lan	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh	2.588.594.547	1.453.473.714
Tổng cộng		16.578.382.437	12.789.878.968

Thông tin báo cáo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty nhận định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp và hoạt động kinh doanh nguồn vốn. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận môi giới chứng khoán tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán, dịch vụ lưu ký chứng khoán và các dịch vụ chứng khoán khác.

Bộ phận tự doanh tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến danh mục tài sản tài chính FVTPL.

Bộ phận tư vấn và đại lý phát hành chứng khoán tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động đại lý phát hành chứng khoán, tư vấn phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Bộ phận kinh doanh nguồn vốn tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến các hoạt động huy động vốn và sử dụng vốn.



Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Hoạt động tư vấn, đại lý	Kinh doanh nguồn vốn	Tổng cộng
745.164.260.365	416.049.691.001	6.833.016.614	101.149.061.721	1.269.196.029.701
248.570.900.328	188.148.236.210	14.091.598.139	-	450.810.734.677
97.594.447.907	54.490.187.003	894.922.797	13.247.531.263	166.227.088.970
-	-	-	-	66.391.273
-	-	-	-	143.176.936.263
398.998.912.130	173.411.267.788	(8.153.504.322)	87.901.530.458	509.047.661.064
4.371.176.394.246	1.785.634.807.019	3.608.000.000	1.815.421.917.857	7.975.841.119.122
60.717.634.383	33.900.650.322	556.769.328	8.241.849.582	103.416.903.615
-	-	-	-	247.120.935.160
4.431.894.028.629	1.819.535.457.341	4.164.769.328	1.823.663.767.439	8.326.378.957.897
34.654.806.302	216.212.634.361	2.144.573.520	-	253.012.014.183
50.145.065.237	27.997.637.577	459.820.850	6.806.722.448	85.409.246.112
-	-	-	-	3.303.542.585.092
84.799.871.539	244.210.271.938	2.604.394.370	6.806.722.448	3.641.963.845.387

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

33 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	42.792.163.380	21.733.843.950
Trên 2-5 năm	161.123.837.520	102.914.340.240
Trên 5 năm	74.985.165.345	88.546.431.030
Tổng cộng	278.901.166.245	213.194.615.220

Đơn vị tính: VND

Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hội đồng Quản trị của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi Phòng Quản trị rủi ro. Phòng Quản trị rủi ro đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc xem xét.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và tài sản khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

33 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****Rủi ro tín dụng (tiếp theo)****Số dư với ngân hàng**

Số dư với ngân hàng bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, lãi dự thu và các khoản ký quỹ.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng có bậc tín nhiệm cao. Số dư với ngân hàng được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các số dư với ngân hàng là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư với ngân hàng BIDV, ngân hàng mẹ chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tài sản tài chính FVTPL

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Công ty chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các đối tác có mức tín nhiệm rõ ràng. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các chứng khoán nợ do Công ty nắm giữ là trái phiếu doanh nghiệp, được phát hành bởi các tổ chức có rủi ro tín dụng thấp. Các đề xuất đầu tư vào các chứng khoán này được phê duyệt theo chính sách đầu tư của Công ty. Danh mục đầu tư vào chứng khoán nợ được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận đầu tư và quản trị rủi ro và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các chứng khoán nợ của Công ty là thấp.

Ứng trước tiền bán chứng khoán và tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh

Ứng trước tiền bán chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh được yêu cầu nộp vào đơn vị này.

Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán. Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán. Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có số dư nào với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam bị quá hạn mà chưa thu hồi bị suy giảm giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

33 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

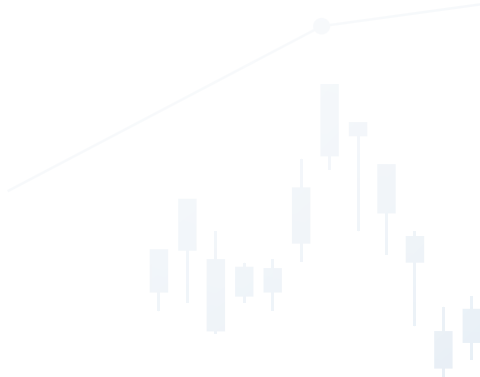
Hợp đồng giao dịch ký quỹ

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa là 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ của Công ty được xây dựng, rà soát và cập nhật thường xuyên bởi Phòng Phát triển sản phẩm; Hội đồng tư vấn đầu tư và cho vay margin dựa trên một số tiêu chí bao gồm định giá và tính thanh khoản.

Phòng Dịch vụ chứng khoán có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn tỷ lệ Công ty quy định (tỷ lệ này được xây dựng theo quy định nội bộ và không thấp hơn tỷ lệ 30% theo luật định), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 30%, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 14.094.664.133.820 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 8.572.190.817.800 đồng).

Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa đối với một cá nhân hoặc một tổ chức là 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản cho vay ký quỹ nào vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

33 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản cho vay ký quỹ tại ngày báo cáo như sau:

	Tổng cộng	Số dư đã dự phòng	Không quá hạn và không bị suy giảm
Số đầu năm	2.959.576.173.127	6.485.552.400	2.950.947.801.698
Số cuối năm	4.295.818.320.157	6.353.605.200	4.288.434.034.265

Các khoản phải thu và tài sản khác

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tín nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có khoản phải thu nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Quá hạn nhưng không bị suy giảm				
	< 90 ngày	91-180 ngày	> 180 ngày	> 210 ngày
	2.142.819.029	-	-	-
	1.030.680.692	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

33 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá cổ phiếu.

Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc phân tích độ nhạy của các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất thị trường. Công ty có rủi ro lãi suất chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay và đi vay. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất sao cho có lợi nhất cho mục đích của Công ty mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Các khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay và đi vay của Công ty đều có lãi suất cố định và thời hạn ngắn nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nếu giá các cổ phiếu tăng/giảm 10% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10%) trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn khoảng 11.649.342.228 đồng Việt Nam (2022: cao hơn/thấp hơn khoảng 29.755.191.254 đồng Việt Nam). Công ty trình bày các cổ phiếu này trên khoản mục tài sản tài chính FVTPL.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

33 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty quản lý rủi ro tiền tệ bằng cách thường xuyên theo dõi tình hình tỷ giá và cập nhật kế hoạch dòng tiền bằng ngoại tệ. Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ Đô la Mỹ và Euro.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chỉ nắm giữ một số lượng không lớn ngoại tệ bằng đồng Đô la Mỹ và Euro nên rủi ro tiền tệ là không trọng yếu.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ và tài sản tài chính sẵn sàng để bán, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

33 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Quá hạn	Không kỳ hạn
TÀI SẢN		
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	247.120.935.160
Tài sản tài chính	7.780.127.492	1.779.660.683.519
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	1.779.660.683.519
Giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Các khoản cho vay (không bao gồm dự phòng)	7.780.127.492	-
Tài sản khác	-	53.720.603.122
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	11.800.725.855
Phải thu khác (không bao gồm dự phòng)	-	6.119.877.267
Tài sản khác	-	35.800.000.000
Tài sản cố định	-	-
Tổng cộng	7.780.127.492	2.080.502.221.801
NỢ PHẢI TRẢ		
Vay và nợ ngắn hạn	-	-
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-
Phải trả người bán	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	-	-
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	7.780.127.492	2.080.502.221.801

Đơn vị tính: VND

Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
570.000.000.000	-	-	817.120.935.160
5.533.095.726.961	-	-	7.320.536.537.972
-	-	-	1.779.660.683.519
1.245.057.534.296	-	-	1.245.057.534.296
4.288.038.192.665	-	-	4.295.818.320.157
87.960.947.424	14.531.103.190	12.930.265.902	169.142.919.638
-	-	-	11.800.725.855
80.779.439.583	-	-	86.899.316.850
5.632.618.681	-	-	41.432.618.681
1.548.889.160	14.531.103.190	12.930.265.902	29.010.258.252
6.191.056.674.385	14.531.103.190	12.930.265.902	8.306.800.392.770
2.803.542.585.092	-	-	2.803.542.585.092
500.000.000.000	-	-	500.000.000.000
222.826.813.066	-	-	222.826.813.066
1.502.427.506	-	-	1.502.427.506
20.712.116.242	-	-	20.712.116.242
34.613.187.461	-	-	34.613.187.461
2.328.707.634	-	-	2.328.707.634
3.585.525.837.001	-	-	3.585.525.837.001
2.605.530.837.384	14.531.103.190	12.930.265.902	4.721.274.555.769

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 31.12.2023

(cho năm tài chính kết thúc cùng ngày) (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo của Công ty.



Bà Vũ Thị Minh Nguyệt
Người lập



Bà Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Duy Viễn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 15 tháng 03 năm 2024



Tầng 8,9 Tòa nhà Thái Holdings, 210 Đường Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tel. (024) 3935 2722

Fax. (024) 3381 6699

Web. bsc.com.vn